

KINH TẾ - XÃ HỘI

Chủ tịch Hội đồng biên tập - Chủ biên
ThS. Chúc Kim Vinh

Chịu trách nhiệm xuất bản
ThS. Chúc Kim Vinh

Ủy viên HĐBT
GS.TS. Bùi Minh Trung
PGS.TS. Hoàng Thị Bích Ngọc
PGS.TS. Lê Hoàng Sơn
TS. Hoàng Minh Châu
TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan
TS. Nguyễn Thị Thanh Phương
TS. Vũ Thị Phương Thụy
TS. Nguyễn Quang Hưng
TS. Nguyễn Minh Dũng

Ban biên tập
PGS. TS. Đỗ Cảnh Thìn
TS. Trần Thị Lan
TS. Hoàng Thị Bích Hà
TS. Phạm Ngọc Hải
TS. Nguyễn Thế Anh
TS. Cao Minh Tiến
TS. Lê Quang Thắng
ThS. Nguyễn Mạnh Hùng
KS. Phạm Quang Quý

Giấy phép xuất bản
44/GP-XBĐS ngày 25/4/2025
của Cục Báo chí
Bộ Thông tin và Truyền thông

Mỹ thuật
Hải Liên

Trụ sở
Số 03 NV03, Khu đô thị Lideco
Thị trấn Trôi, Hoài Đức, Hà Nội
ĐT: 024.202.35566
Fax: 024.202.35566

In tại
Công ty TNHH In Khuyến Học

- 02 | **Nguyễn Bích Lâm:** Kinh tế quý I/2025: Đổi mới tư duy, chủ động tháo gỡ khó khăn, nắm bắt cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
- 07 | **Nguyễn Thị Phương Dung:** Vai trò của dữ liệu trong phân tích hoạt động kinh doanh
- 11 | **Nguyễn Thị Hồng Minh:** Chuyển đổi số trong quản lý chất lượng tại doanh nghiệp nhỏ lẻ
- 14 | **Bùi Thị Cẩm Ninh:** Các giải pháp tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển kinh tế Việt Nam
- 19 | **Nguyễn Đức Khiêm:** Ứng dụng công nghệ AI trong hệ thống camera xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 23 | **Hà Thị Hồng Lan:** Kinh nghiệm phòng, chống tội phạm rửa tiền của một số quốc gia và hướng nghiên cứu, vận dụng ở Việt Nam
- 26 | **Nguyễn Thị Hương - Trần Bích Ngọc:** Những điểm mới trong Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 và giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng
- 32 | **Hoàng Anh Đức - Lê Thị Thanh Hậu:** Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng Công an xã đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh trật tự tại địa bàn cơ sở
- 36 | **Mai Thị Lệ Quyên:** Mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn điện tử trong các vụ án kinh tế, tham nhũng - Một số thủ đoạn phổ biến của tội phạm và giải pháp phòng, chống của lực lượng Công an nhân dân
- 40 | **Nguyễn Vũ Linh:** Nhận diện âm mưu lợi dụng lời kéo, kích động tập trung đông người, biểu tình gây rối an ninh trật tự nhằm kích động “Cách mạng màu” tại Việt Nam
- 45 | **Nguyễn Thị Ngọc Thương:** An ninh thông tin ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay: Thực trạng, những vấn đề đặt ra và giải pháp
- 50 | **Nguyễn Thị Thu Hương:** Một số giải pháp trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên không gian mạng
- Nguyễn Thế Sáng - Nguyễn Thanh Tuấn:** Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và nước ngoài trong đấu tranh với tội phạm mua bán người và các giải pháp
- Vi Thị Tiệp:** Vai trò của lực lượng Công an nhân dân trong đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay
- Nguyễn Thị Phương Mai:** Lực lượng Công an nhân dân trong chủ động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm ma túy trên địa bàn các tuyến biên giới
- Lê Văn Đức - Đặng Tố Ly:** Quan hệ phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy với lực lượng khác trong ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phòng ngừa tội phạm vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy lợi dụng dịch vụ logistics nội địa
- Nguyễn Minh Huệ:** Kinh nghiệm tổ chức dạy giỏi môn võ thuật tại Học viện cảnh sát nhân dân.
- Đàm Thị Hồng Vân:** Những khó khăn, vướng mắc và giải pháp tăng cường công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả kém chất lượng.
- 75 |

KINH TẾ QUÝ I/2025:

ĐỔI MỚI TƯ DUY, CHỦ ĐỘNG THÁO GỖ KHÓ KHĂN, NẮM BẮT CƠ HỘI THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

□ NGUYỄN BÍCH LÂM *

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: “Mục tiêu tăng trưởng từ 8% trở lên năm 2025 là không thay đổi”. Chính phủ và các địa phương, cùng với cộng đồng doanh nghiệp cần tiếp tục thực thi các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để giữ nhịp tăng trưởng.

Kinh tế Việt Nam quý I/2025 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều yếu tố bất ổn, khó lường, căng thẳng địa chính trị, đồng USD mạnh lên khiến áp lực tỷ giá tăng nhanh tại các quốc gia mới nổi. Sự bất ổn trong chính sách kinh tế, đặc biệt chính sách thương mại quốc tế gây áp lực tới chi tiêu dùng, đầu tư, sự bấp bênh trong tăng trưởng của các nền kinh tế hàng đầu thế giới.

Các nền kinh tế đang phát triển đang đối mặt với các yếu tố bất lợi như nợ công cao, đầu tư và năng suất lao động thấp, chủ nghĩa bảo hộ và biến đổi khí hậu.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo năm 2025 GDP toàn cầu tăng

3,1% giảm 0,1 điểm phần trăm so với năm 2024.

Bức tranh xuất, nhập khẩu hàng hoá quý I/2025 vẫn giữ được gam màu sáng

Bước vào năm 2025 với tinh thần đổi mới tư duy, quyết tâm cải cách, đột phá trong cả hệ thống chính trị, Đảng và Chính phủ đẩy nhanh quá trình tạo dựng nền kinh tế thị trường đầy đủ, vận hành theo nguyên tắc thị trường; đột phá trong cải cách thể chế, kiến tạo, vận hành nhà nước quản trị quốc gia hiệu lực, hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đặc biệt, Đảng đã quán triệt lại định hướng quan điểm và nhận thức trong cả hệ thống chính trị về vai trò của kinh tế tư nhân như là động lực tăng trưởng quan trọng hàng đầu của đất nước.

Với phương châm bám sát thực tiễn, Chính phủ điều hành

theo nguyên tắc “*Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tinh gọn hiệu quả; tăng tốc bứt phá*”, kịp thời ứng phó với các vấn đề phát sinh, tiếp tục đẩy mạnh 3 đột phá chiến lược. Thực hiện phương châm này, với nền tảng ngân sách tích cực, sẽ cởi trói và phát huy các động lực cho tăng trưởng kinh tế cao hơn.

Thực hiện nguyên tắc chủ động, kịp thời, trước bối cảnh Mỹ áp dụng thuế quan đối ứng, Chính phủ đã chủ động điều chỉnh chính sách thương mại, mở rộng quan hệ hợp tác với Mỹ, kiểm soát chặt chẽ các yếu tố có thể gây bất lợi cho nền kinh tế; cắt giảm thuế nhập khẩu nhiều mặt hàng nhập khẩu từ Mỹ như khí đốt tự nhiên hóa lỏng, ô tô; nhập khẩu thêm hàng nông sản nhằm xoa dịu căng thẳng thương mại với Mỹ.

Cùng với đó, Chính phủ đang nỗ lực xây dựng quan hệ chiến lược với các tập đoàn lớn

* Nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê



của Mỹ. Với chiến lược phù hợp, kinh tế nước ta sẽ vượt qua cơn bão thuế quan, tiếp tục giữ vững vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất đạt 102,8 tỷ USD, tăng 10,6%; kim ngạch nhập khẩu đạt 99,7 tỷ USD, tăng 17%; xuất siêu 3,16 tỷ USD, chỉ bằng 40,5% mức xuất siêu của quý I/2024.

Bức tranh xuất, nhập khẩu hàng hoá 3 tháng đầu năm 2025 vẫn giữ được gam màu sáng đó là tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của khu vực kinh tế trong nước đạt 15%, cao hơn nhiều tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu 9% của khu vực FDI; tuy vậy tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước còn thấp, chỉ chiếm 28,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn nền kinh tế. Xuất khẩu

hàng hoá vẫn phụ thuộc vào khu vực FDI.

Bên cạnh gam màu sáng, trong quý I/2025 kim ngạch xuất khẩu rau quả giảm 9,2% so với cùng kỳ năm trước, do xuất khẩu mặt hàng này phụ thuộc quá lớn vào thị trường Trung Quốc và phụ thuộc quá nhiều vào mặt hàng sầu riêng. Ngành rau quả chưa khai thác được lợi thế từ các Hiệp định Thương mại tự do.

Thương mại dịch vụ quốc tế quý I/2025 có nét khởi sắc hơn so với cùng kỳ năm trước với tốc độ tăng xuất khẩu dịch vụ đạt 21,7%, cao hơn 3,1 điểm phần trăm so với tốc độ tăng nhập khẩu dịch vụ. Xuất khẩu dịch vụ đạt gần 7,6 tỷ USD; trong đó, dịch vụ du lịch đạt 4,2 tỷ USD, tăng 29,2%; dịch vụ vận tải đạt 2,0 tỷ USD, tăng 24,2%.

Nhập khẩu dịch vụ đạt 9,2 tỷ USD; trong đó, nhập khẩu

dịch vụ vận tải đạt hơn 3,7 tỷ USD, tăng 17,5%; nhập khẩu dịch vụ du lịch đạt 3,4 tỷ USD, tăng 30,8%. Cán cân thương mại dịch vụ quốc tế thâm hụt 1,6 tỷ USD, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Chính phủ khẩn trương, quyết liệt trong chỉ đạo giải ngân vốn đầu tư công, thu hút vốn FDI

Trong bối cảnh động lực tăng trưởng dựa vào tiêu dùng cuối cùng phục hồi chậm và chưa có dấu hiệu khởi sắc, hoạt động thương mại toàn cầu bị tác động chính sách thuế quan mới của Mỹ, vốn đầu tư công thực hiện năm 2025 là động lực tăng trưởng quan trọng, góp phần giữ vững ổn định vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, tạo việc làm, sinh kế cho người dân.

Nhận thức được tầm quan trọng của vốn đầu tư công, ngay

từ đầu năm, Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều công điện, chỉ thị tập trung vào việc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, tạo sự lan toả tới đầu tư của khu vực ngoài nhà nước và khu vực FDI.

Quý I/2025, vốn đầu tư công thực hiện ước đạt 116,9 nghìn tỷ đồng, bằng 13,5% kế hoạch năm, tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước.

Vẫn còn những điểm nghẽn về cơ chế chính sách, các quy định chưa phù hợp trong Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước; vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; khó khăn về nguồn thu ngân sách địa phương là các nguyên nhân dẫn tới thực tế đến hết quý I/2025 vẫn còn một lượng vốn đáng kể chưa được phân bổ chi tiết. Theo Bộ Tài chính, vốn giải ngân đến 31/3 đạt 78.712 tỷ đồng, tương đương 9,53% kế hoạch, thấp hơn so với số cùng kỳ 12,27% của năm 2024.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội ước đạt 666,5 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó vốn khu vực Nhà nước chiếm 27,7% tổng vốn đầu tư, tăng 13,7%; khu vực ngoài Nhà nước chiếm 54,2%, tăng 5,5%; khu vực FDI chiếm 18,1%, tăng 9,3%.

Trong quý I/2025 so với cùng kỳ năm trước, vốn FDI đăng ký đạt 10,98 tỷ USD, tăng 34,7%; Vốn FDI giải ngân đạt 4,96 tỷ USD, tăng 7,2%. Đây là số vốn FDI thực hiện cao nhất của 3 tháng đầu năm trong 5 năm qua, phản ánh năng lực hấp thu và giải ngân vốn FDI của nền kinh tế.



Điểm đáng chú ý về vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong quý I/2025 là số dự án mới đăng ký rất cao, với 850 dự án được cấp phép, tăng 11,5%; tuy vậy, số vốn đăng ký đạt 4,33 tỷ USD, giảm 31,5%. Vốn đăng ký bình quân một dự án FDI chỉ với 5 triệu USD cho thấy có nhiều dự án FDI có quy mô nhỏ, Chính phủ và các địa phương cần rà soát, sàng lọc kỹ các dự án FDI để loại trừ các nhà đầu tư đến Việt Nam để núp bóng, trốn tránh cuộc chiến thương mại.

Bên cạnh đó, trong 3 tháng đầu năm có 401 lượt dự án FDI đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 5,16 tỷ USD, gấp 5 lần so với cùng kỳ năm trước. Đây là tín hiệu tốt, chúng ta kỳ vọng lượng vốn đăng ký mới và vốn điều chỉnh sẽ sớm được giải ngân, thúc đẩy tăng trưởng trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

Tích lũy tài sản phản ánh năng lực và triển vọng phát triển sản xuất của nền kinh tế tăng

7,24 %, cao hơn 2,55 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Kinh tế có dấu hiệu khởi sắc, lạm phát được kiểm soát dưới áp lực nới lỏng chính sách tiền tệ, biến động tỷ giá, giữ vững ổn định vĩ mô, tạo động lực thúc đẩy kinh tế phát triển

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2025 tăng 6,93%, cao hơn 1,27 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Trong đó giá trị tăng thêm của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%%; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,42%; khu vực dịch vụ tăng 7,7%.

Bức tranh tăng trưởng kinh tế quý I/2025 cho thấy khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng trưởng cao, đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng cuối cùng, cho xuất khẩu, đóng vai trò trụ cột, bệ đỡ của nền kinh tế.

Khu vực công nghiệp và xây dựng khởi sắc với tốc độ tăng giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 9,28%, cùng với ngành xây dựng đạt 7,99% đã lấy lại vai trò

là động lực tăng trưởng, nâng cao năng lực của nền kinh tế.

Khu vực dịch vụ đã lấy lại vai trò dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với tốc độ tăng đạt 7,7%, cao hơn 1,58 điểm phần trăm so với quý I/2024.

Thực hiện mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, Ngân hàng Nhà nước đã thực thi chính sách tiền tệ mở rộng, hạ lãi suất huy động và cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, chỉ số giá đô la Mỹ bình quân quý I/2025 tăng 3,63%.

Chính phủ chỉ đạo sát sao các bộ, ngành, địa phương đảm bảo thông suốt hệ thống lưu thông, phân phối; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu để

điều hành phù hợp là các yếu tố giữ cho giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường nhìn chung không có biến động bất thường, lạm phát trong tầm kiểm soát. Bình quân quý I/2025, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm 2024; lạm phát cơ bản tăng 3,01%.

Cần làm gì để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát năm 2025?

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, khó lường, chủ nghĩa bảo hộ và cuộc chiến thương mại diễn ra gay gắt, tác động xấu tới động lực tăng trưởng dựa vào xuất khẩu của nền kinh tế nước ta.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: “*Mục tiêu tăng trưởng từ 8% trở lên năm 2025 là không thay đổi*”. Chính phủ và các địa phương, cùng với cộng đồng doanh nghiệp cần tiếp tục thực thi các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để giữ nhịp tăng trưởng.

Một là, đổi mới tư duy, đột phá trong cải cách thể chế, kiến tạo, vận hành nhà nước quản trị quốc gia hiệu lực, hiệu quả, phục vụ doanh nghiệp. Rà soát loại bỏ tất cả những các quy định chưa phù hợp trong Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước, những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện giải ngân vốn đầu tư.

Chính phủ cần khẩn trương, đi trước trong cải cách thể chế, rà soát sửa đổi, minh bạch môi trường pháp lý. Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật tạo niềm tin, động lực và sự năng động để phát triển kinh tế tư nhân.

Hai là, tập trung giải ngân toàn bộ vốn đầu tư công của năm 2025. Vốn đầu tư công thực hiện sẽ là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của kinh tế Việt Nam năm 2025, bởi động lực tăng trưởng dựa vào tiêu dùng cuối cùng đang



phục hồi chậm và chưa có dấu hiệu khởi sắc. Tổng vốn đầu tư công năm 2025 là 825,9 nghìn tỷ đồng, nếu giải ngân được 95% thì đạt 784,6 nghìn tỷ, khi đó GDP tăng thêm 1,07 điểm phần trăm. Nếu giải ngân hết 100% tổng số vốn, GDP tăng thêm 1,4 điểm phần trăm.

Ba là, Tiêu dùng cuối cùng là động lực tăng trưởng có quy mô lớn nhất, tác động mạnh nhất, quan trọng nhất trong các động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Tổng cầu tiêu dùng cuối cùng tăng lên đồng nghĩa với tháo gỡ khó khăn về tìm kiếm thị trường cho khu vực doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho người lao động, giảm bớt sự phụ thuộc vào tổng cầu thế giới.

Chính phủ cần thực hiện giải pháp kích cầu tiêu dùng thông qua chính sách thuế và an sinh xã hội như giảm thuế thu nhập cá nhân; nâng mức thu nhập chịu thuế và mức giảm trừ gia cảnh.

Tiếp tục giảm thuế VAT với thời hạn dài hơn; giảm giá dịch vụ hàng không, đường sắt để kích cầu du lịch trong nước và thu hút du lịch nước ngoài; tăng cường các đợt khuyến mại với mục tiêu Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam.

Để chính sách giảm 2% VAT có hiệu quả, Chính phủ cần kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô; Điều hành tỷ giá, lãi suất phù hợp, tránh lạm phát kỳ vọng; Kiểm soát tăng giá trong các mùa cao điểm của một số ngành; Nâng cao chất lượng hàng hoá và dịch vụ trong nước

với mức giá cạnh tranh để thúc đẩy người dân tiêu dùng hàng hoá và dịch vụ Việt; Tăng cường thực hiện các đợt khuyến mại để thúc đẩy sức mua của người dân.

Cùng với đó, Chính phủ cần thực hiện chính sách an sinh xã hội trợ cấp cho người nghèo, hỗ trợ nhà ở xã hội cho người lao động.

Niềm tin của người tiêu dùng có ý nghĩa rất lớn, đảm bảo hiệu quả của các giải pháp kích cầu tiêu dùng, vì vậy cùng với chính sách an sinh xã hội, tạo việc làm ổn định, chính sách về lãi suất ngân hàng, thị trường bất động sản, giá vàng, giá ngoại tệ ổn định..., sẽ tăng thêm niềm tin của người tiêu dùng, thúc đẩy chi tiêu, xử lý được bài toán nhu cầu thị trường trong nước thấp đối với doanh nghiệp.

Bốn là, Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, phối hợp với cộng đồng doanh nghiệp khai thác hiệu quả, tận dụng lợi thế của các FTA để gia tăng xuất khẩu thay thế lượng suy giảm đối với thị trường Mỹ.

Các doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề cần chuẩn bị các kịch bản ứng phó khác nhau và tìm kiếm giải pháp để duy trì khả năng cạnh tranh trên thị trường Mỹ. Chính phủ cần có các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp và đàm phán.

Cùng với đó, Chính phủ cần có chiến lược chuyển dịch cơ cấu hàng hoá xuất khẩu; tập trung phát triển xuất khẩu dịch vụ nhằm xử lý thực trạng nền kinh tế luôn nhập siêu dịch vụ, đặc biệt thâm hụt cán cân

thương mại dịch vụ mấy năm gần đây luôn ở mức cao. Việc giảm nhập siêu dịch vụ là vấn đề cần quan tâm thích đáng, đặc biệt trong thực hiện mục tiêu tăng trưởng cao của nền kinh tế, bởi theo tính toán, nếu giảm được 10% nhập siêu dịch vụ sẽ giúp GDP tăng thêm 0,36%.

Năm là, cơ cấu lại nền kinh tế, kiến tạo mô hình kinh tế mới ưu việt, như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phù hợp với xu hướng phát triển của kinh tế thế giới, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tạo động lực mới cho phát triển.

Cơ cấu lại nền kinh tế cần được thực hiện dựa trên đánh giá năng lực thực tế, tiềm năng và xu hướng phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, đặt trong xu hướng phát triển của kinh tế toàn cầu, từ đó có chính sách và giải pháp tập trung nguồn nhân lực, vật lực và tài lực thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế.

Với tinh thần chủ động, linh hoạt, bảo vệ lợi ích quốc gia của Đảng và Nhà nước; với bản lĩnh, có đổi sách chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả với mọi diễn biến để vượt qua những khó khăn, vướng mắc và cú sốc từ bên ngoài; với sự đồng lòng, chia sẻ của cộng đồng doanh nghiệp; với chiến lược ngoại giao tinh tế và hiệu quả, chúng ta tin tưởng kinh tế Việt Nam sẽ hoá giải thành công những khó khăn, thách thức, tận dụng cơ hội mới, giữ vững nhịp tăng trưởng kinh tế năm 2025 và những năm tiếp theo.■

N.B.L



VAI TRÒ CỦA DỮ LIỆU TRONG PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

□ NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG *

Tóm tắt: Trong thời đại công nghệ số, phân tích dữ liệu đã trở thành một công cụ không thể thiếu trong việc ra quyết định kinh doanh. Việc ứng dụng các phương pháp phân tích dữ liệu không chỉ giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về khách hàng, tối ưu hóa quy trình hoạt động mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Theo báo cáo của McKinsey (2023), các doanh nghiệp ứng dụng phân tích dữ liệu hiệu quả có khả năng tăng trưởng doanh thu gấp đôi so với các đối thủ không sử dụng dữ liệu. Ở Việt Nam, sự bùng nổ của thương mại điện tử, fintech và các nền tảng công nghệ đã thúc đẩy nhu cầu áp dụng phân tích dữ liệu vào hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, việc khai thác dữ liệu hiệu quả không phải là điều dễ dàng, đặc biệt trong bối cảnh lượng dữ liệu ngày càng lớn và đa dạng. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và ứng dụng các phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp đang trở thành một xu hướng tất yếu đối với doanh nghiệp.

1. Vai trò của phân tích Dữ liệu trong hoạt động kinh doanh

Tối ưu hóa quy trình quản lý: Phân tích dữ liệu cho phép doanh nghiệp giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh một cách chi tiết và chính xác. Ví dụ, trong ngành sản xuất, việc sử dụng phân tích dữ liệu để dự đoán các vấn đề trong chuỗi cung ứng có thể giúp giảm thiểu chi phí và cải thiện hiệu quả vận hành.

Tại Việt Nam, Vinamilk đã đạt được những kết quả ấn tượng nhờ áp dụng phân tích dữ liệu toàn diện. Công ty này thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn, bao gồm dữ liệu sản xuất từ nhà máy, dữ liệu phân phối từ các kho hàng và hệ thống bán lẻ, cùng với dữ liệu thị trường như

nhu cầu tiêu thụ và xu hướng tiêu dùng. Các công cụ như hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning) và phần mềm phân tích như Power BI đã được triển khai để xử lý và phân tích khối lượng dữ liệu lớn này.

Kết quả phân tích cho thấy một số vấn đề như lãng phí trong quy trình sản xuất, tồn kho không hợp lý và hiệu quả phân phối chưa tối ưu. Từ đó, Vinamilk đã áp dụng các giải pháp cụ thể như điều chỉnh lịch trình sản xuất theo thời gian thực, tối ưu hóa tuyến đường vận chuyển để giảm chi phí logistics, và xây dựng hệ thống dự báo nhu cầu chính xác hơn dựa trên AI.

Nhờ những nỗ lực này, Vinamilk đã giảm thiểu 20% lượng hàng tồn kho dư thừa, cải thiện thời gian giao hàng trung bình xuống còn 12 giờ,

và tăng hiệu quả hoạt động tổng thể lên 15% chỉ trong một năm. Đây là minh chứng rõ nét cho việc phân tích dữ liệu không chỉ hỗ trợ tối ưu hóa quy trình quản lý mà còn giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

2. Hiểu rõ hơn về khách hàng

Phân tích dữ liệu khách hàng cung cấp cái nhìn sâu sắc về hành vi, sở thích và nhu cầu của người tiêu dùng. Các công cụ như Google Analytics hoặc các hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM) hiện đại giúp doanh nghiệp tạo ra các chiến dịch marketing chính xác và tăng cường trải nghiệm khách hàng.

Google Analytics là một công cụ mạnh mẽ cho phép doanh nghiệp theo dõi các chỉ số quan trọng như lượt truy cập

* Học viện Ngân hàng

trang web, tỷ lệ thoát, và hành vi người dùng trên từng trang. Ví dụ, một doanh nghiệp bán lẻ có thể sử dụng Google Analytics để phân tích lưu lượng truy cập từ các chiến dịch quảng cáo trực tuyến, từ đó tối ưu hóa nội dung hoặc cải thiện trang đích. Ngoài ra, công cụ này còn hỗ trợ phân tích nhân khẩu học và sở thích của khách hàng, giúp doanh nghiệp xây dựng các chiến lược quảng cáo nhắm mục tiêu hiệu quả hơn.

Hệ thống CRM hiện đại như Salesforce hoặc HubSpot lại tập trung vào việc thu thập và quản lý dữ liệu khách hàng từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm email, lịch sử mua hàng, và tương tác trên mạng xã hội. Dữ liệu này sau đó được phân tích để phát hiện các mô hình hành vi và đưa ra các gợi ý cá nhân hóa. Chẳng hạn, nếu khách hàng thường xuyên mua sản phẩm vào một ngày cụ thể trong tháng, CRM có thể tự động gợi ý gửi email khuyến mãi vào đúng thời điểm đó để tăng khả năng mua hàng.

Shopee là một ví dụ điển hình về việc ứng dụng phân tích dữ liệu để cá nhân hóa trải nghiệm mua sắm. Hệ thống của Shopee sử dụng AI để theo dõi lịch sử tìm kiếm, các sản phẩm đã xem, và thói quen mua sắm của người dùng. Dựa trên dữ liệu này, Shopee hiển thị các sản phẩm phù hợp nhất trên giao diện chính, đồng thời gửi thông báo khuyến mãi hoặc ưu đãi cá nhân hóa qua ứng dụng. Kết quả là Shopee không chỉ tăng tỷ lệ giữ chân khách hàng lên hơn

30%, mà còn cải thiện đáng kể tỷ lệ chuyển đổi và doanh thu.

Tương tự, tại Việt Nam, Tiki cũng áp dụng phân tích dữ liệu để nâng cao trải nghiệm khách hàng. Ví dụ, Tiki sử dụng hệ thống AI để dự đoán các sản phẩm khách hàng có thể quan tâm dựa trên lịch sử mua sắm và đánh giá của họ. Ngoài ra, Tiki còn tích hợp chatbot thông minh để hỗ trợ khách hàng trong việc tìm kiếm sản phẩm và giải đáp thắc mắc, giúp nâng cao mức độ hài lòng và giữ chân khách hàng hiệu quả.

Nhờ vào các công cụ và hệ thống hiện đại này, doanh nghiệp không chỉ hiểu rõ hơn về nhu cầu và hành vi của khách hàng, mà còn có khả năng tạo ra các chiến dịch marketing nhắm mục tiêu chính xác và xây dựng lòng trung thành của người tiêu dùng.

3. Dự báo và quản lý rủi ro

Phân tích dữ liệu cũng giúp doanh nghiệp dự đoán các xu hướng thị trường và quản lý rủi ro hiệu quả hơn. Trong lĩnh vực tài chính, các ngân hàng trên thế giới thường sử dụng các công nghệ hiện đại như máy học (machine learning) và AI để xây dựng các mô hình đánh giá rủi ro tín dụng. Các phần mềm như SAS Risk Management hoặc FICO đều giúp phân tích dữ liệu khách hàng từ lịch sử tín dụng, thu nhập, và hành vi giao dịch, nhằm đưa ra điểm tín dụng chính xác và dự đoán khả năng vỡ nợ.

Một ví dụ điển hình là JP Morgan Chase, ngân hàng này đã áp dụng AI để phát hiện các

giao dịch gian lận trong thời gian thực. Hệ thống của họ phân tích hàng tỷ giao dịch mỗi ngày, xác định các mẫu hành vi bất thường và đưa ra cảnh báo ngay lập tức, giúp giảm thiểu đáng kể tổn thất do gian lận. Tại Việt Nam, TPBank đã tiên phong trong việc sử dụng AI và phân tích dữ liệu lớn để nâng cao khả năng dự báo rủi ro và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. TPBank thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn, bao gồm dữ liệu giao dịch ngân hàng, hành vi tiêu dùng trên ứng dụng, và thông tin tín dụng từ các đối tác như CIC (Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia). Những dữ liệu này sau đó được xử lý bằng hệ thống AI để đánh giá các yếu tố rủi ro như khả năng trả nợ, hành vi tiêu dùng bất thường, hoặc nguy cơ gian lận tín dụng.

Hệ thống phân tích dữ liệu này đã mang lại nhiều lợi ích lớn cho TPBank. Ví dụ, thông qua việc dự đoán rủi ro tín dụng chính xác hơn, ngân hàng có thể tối ưu hóa quy trình cấp tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu xuống dưới 1,5%, thấp hơn mức trung bình ngành. Ngoài ra, hệ thống AI còn giúp TPBank giảm thời gian xử lý hồ sơ vay vốn từ vài ngày xuống chỉ còn vài giờ, tăng sự hài lòng của khách hàng và tối đa hóa doanh thu.

Không chỉ vậy, TPBank cũng sử dụng phân tích dữ liệu để phát triển các sản phẩm tài chính cá nhân hóa, chẳng hạn như gợi ý các khoản vay phù hợp với từng nhóm khách hàng hoặc cung cấp các ưu đãi dựa trên hành vi tiêu dùng. Kết quả



là, tỷ lệ khách hàng trung thành đã tăng lên đáng kể, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng bền vững của ngân hàng.

4. Thách thức trong việc ứng dụng phân tích dữ liệu

Thiếu kỹ năng và công nghệ: Một trong những thách thức lớn nhất là thiếu nguồn nhân lực có kỹ năng về phân tích dữ liệu. Hiện tại, Việt Nam chưa có đủ môi trường đào tạo chính quy, chuyên sâu về khoa học dữ liệu và phân tích dữ liệu. Các trường đại học chỉ mới bắt đầu tích hợp các môn học liên quan, và phần lớn nhân lực được đào tạo qua các khóa học ngắn hạn hoặc tự học. Theo khảo sát của Navigos (2022), 70% doanh nghiệp tại Việt Nam cho biết họ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm chuyên gia phân tích dữ liệu. Điều này không chỉ làm chậm quá trình triển khai các dự án phân tích dữ liệu mà còn hạn chế khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong thị trường toàn cầu. Bên cạnh đó,

việc thiếu các chuyên gia có khả năng xử lý và phân tích dữ liệu lớn khiến nhiều doanh nghiệp không thể tận dụng tối đa nguồn tài nguyên dữ liệu mà họ đã thu thập. Điều này đặc biệt đúng với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nơi tài chính và nguồn lực nhân sự hạn chế không cho phép họ đầu tư vào đào tạo chuyên sâu.

5. Chất lượng và bảo mật dữ liệu

Chất lượng dữ liệu và các vấn đề liên quan đến bảo mật là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp. Tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đảm bảo rằng dữ liệu họ thu thập là đầy đủ, chính xác và cập nhật. Thiếu các tiêu chuẩn rõ ràng về quản lý dữ liệu dẫn đến việc phân tích không chính xác, gây ảnh hưởng tiêu cực đến các quyết định chiến lược.

Ngoài ra, bảo mật dữ liệu đang trở thành một vấn đề cấp thiết. Những năm gần đây, Việt

Nam đã chứng kiến một số vụ vi phạm dữ liệu nghiêm trọng. Ví dụ, vào năm 2021, một nền tảng thương mại điện tử lớn tại Việt Nam bị rò rỉ thông tin của hàng triệu khách hàng, bao gồm số điện thoại và địa chỉ email. Trên thế giới, các vụ vi phạm dữ liệu của Facebook (2019) và Equifax (2017) đã gây thiệt hại hàng tỷ USD và làm mất lòng tin của người dùng.

Những sự cố này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đầu tư vào các hệ thống bảo mật dữ liệu tiên tiến. Các doanh nghiệp cần áp dụng các giải pháp như mã hóa dữ liệu, sử dụng tường lửa và triển khai các công cụ giám sát thời gian thực để phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công mạng. Đồng thời, việc tuân thủ các quy định quốc tế như GDPR (Quy định bảo vệ dữ liệu chung của EU) cũng là yếu tố cần thiết để bảo vệ quyền riêng tư của khách hàng và đảm bảo an toàn dữ liệu.



6. Đề xuất giải pháp để tăng cường ứng dụng phân tích dữ liệu

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Doanh nghiệp cần đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo nguồn nhân lực về phân tích dữ liệu thông qua các chương trình hợp tác chiến lược với các trường đại học và tổ chức đào tạo. Tại Việt Nam, vẫn còn thiếu các chương trình đào tạo chính quy và chuyên sâu về khoa học dữ liệu. Học hỏi từ các quốc gia phát triển như Mỹ, Anh, và Singapore, nơi các trường đại học hàng đầu như MIT, Stanford, và NUS đã xây dựng các chương trình đào tạo khoa học dữ liệu hiện đại, Việt Nam cần thúc đẩy việc xây dựng các khóa học tương tự để đào tạo chuyên gia phân tích dữ liệu.

Đầu tư vào công nghệ: Các doanh nghiệp cần triển khai các nền tảng phân tích dữ liệu hiện đại như Microsoft Power BI, Tableau hoặc các công cụ mã nguồn mở như Python và R. Power BI, chẳng hạn, là một công cụ thân thiện với người dùng, cho phép ngay cả những

người mới bắt đầu cũng có thể tạo ra các báo cáo trực quan và dễ hiểu. Bằng cách kết nối với nhiều nguồn dữ liệu khác nhau, Power BI giúp doanh nghiệp phân tích thông tin theo thời gian thực, từ đó đưa ra các quyết định chiến lược nhanh chóng và hiệu quả. Ví dụ, một công ty bán lẻ có thể sử dụng Power BI để giám sát doanh số hàng ngày, phát hiện các sản phẩm bán chạy, và tối ưu hóa hàng tồn kho chỉ trong vài cú nhấp chuột. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đây là một giải pháp tiết kiệm chi phí nhưng mang lại hiệu quả cao trong việc quản lý dữ liệu.

Xây dựng văn hóa dữ liệu: Việc xây dựng văn hóa dữ liệu là yếu tố then chốt để đảm bảo dữ liệu trở thành trung tâm trong các quyết định kinh doanh. Các doanh nghiệp cần thúc đẩy sự minh bạch trong chia sẻ dữ liệu nội bộ, khuyến khích nhân viên sử dụng dữ liệu để giải quyết vấn đề và đưa ra các giải pháp sáng tạo.

Bên cạnh đó, Việt Nam có thể cân nhắc việc xây dựng bộ luật hoặc chính sách khuyến

khích phát triển văn hóa dữ liệu trong doanh nghiệp và xã hội. Ví dụ, các trường học phổ thông có thể bắt đầu tích hợp giáo dục về dữ liệu vào chương trình giảng dạy, giúp học sinh làm quen với khái niệm dữ liệu và tư duy phân tích từ sớm. Các quốc gia như Estonia và Phần Lan đã triển khai chương trình giáo dục dữ liệu tại trường học, tạo nên thế hệ lao động có năng lực số hóa cao.

Ngoài ra, việc tổ chức các hội thảo, khóa học ngắn hạn về văn hóa dữ liệu cho nhân viên và lãnh đạo doanh nghiệp cũng là cách hiệu quả để lan tỏa nhận thức và kỹ năng cần thiết, đảm bảo dữ liệu được áp dụng một cách khoa học và bền vững trong mọi hoạt động kinh doanh.

Kết Luận

Phân tích dữ liệu không chỉ là xu hướng mà còn là yếu tố quyết định sự thành công của các doanh nghiệp trong kỷ nguyên số. Việc tận dụng sức mạnh của dữ liệu sẽ giúp doanh nghiệp không chỉ tối ưu hóa hoạt động mà còn tạo ra giá trị bền vững và dẫn đầu thị trường. Tuy nhiên, để đạt được điều này, các doanh nghiệp cần vượt qua thách thức và đầu tư vào các giải pháp phù hợp để khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu. ■

N.T.P.D

Tài liệu tham khảo

1. Role of Data Analytics in Business Intelligence. Dr.M.Aparna; V.Vijaya Lakshmi; Dr.K.Syamala Devi. ISSN: 0031-4773

2. Importance of data analytics in business; Natyra Dika-Krluku; Vol. 3 No. 3 (2024); Science International Journal

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TẠI DOANH NGHIỆP NHỎ LẺ

□ ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG MINH *

TÓM TẮT

Chuyển đổi số đang trở thành xu hướng tất yếu trong quản lý chất lượng tại các doanh nghiệp nhỏ lẻ, giúp nâng cao hiệu suất, giảm chi phí và tăng tính minh bạch trong kiểm soát chất lượng. Bài viết này phân tích lợi ích, thách thức và giải pháp triển khai chuyển đổi số, cùng với các công nghệ phù hợp giúp doanh nghiệp nhỏ lẻ cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Bài viết cũng cung cấp các nghiên cứu thực tế và ví dụ minh họa giúp doanh nghiệp nhỏ có thể áp dụng hiệu quả.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ, chuyển đổi số không còn là đặc quyền của các tập đoàn lớn mà đã trở thành một công cụ quan trọng giúp các doanh nghiệp nhỏ lẻ cải thiện năng lực cạnh tranh. Việc ứng dụng công nghệ số vào quản lý chất lượng giúp nâng cao hiệu suất, giảm thiểu lỗi sản xuất, tối ưu hóa quy trình và tạo dựng uy tín thương hiệu. Điều này đặc biệt quan trọng trong môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh, nơi mà chất lượng sản phẩm và dịch vụ đóng vai trò quyết định trong việc giữ chân khách hàng.

2. Tại sao doanh nghiệp nhỏ lẻ cần chuyển đổi số trong quản lý chất lượng?

2.1. Tiết kiệm chi phí

Chuyển đổi số giúp doanh

nh nghiệp giảm lãng phí nguyên vật liệu, tối ưu hóa quy trình kiểm soát chất lượng, từ đó giảm chi phí sản xuất. Thay vì kiểm tra chất lượng thủ công, doanh nghiệp có thể sử dụng các công cụ số hóa để tự động hóa quá trình kiểm tra, giúp tiết kiệm thời gian và nguồn lực.

2.2. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Công nghệ giúp theo dõi và phân tích dữ liệu sản xuất theo thời gian thực, phát hiện và khắc phục lỗi kịp thời, đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định. Ví dụ, các hệ thống giám sát tự động có thể phát hiện lỗi trong quá trình sản xuất và gửi cảnh báo ngay lập tức để nhân viên kỹ thuật có thể can thiệp kịp thời.

2.3. Cải thiện hiệu suất làm việc

Các phần mềm quản lý chất lượng giúp doanh nghiệp vận hành trơn tru, giảm bớt công

việc thủ công và tăng cường khả năng kiểm soát quy trình. Nhân viên có thể tập trung vào các nhiệm vụ quan trọng hơn thay vì phải thực hiện các công việc kiểm tra lặp đi lặp lại.

2.4. Xây dựng uy tín thương hiệu

Chất lượng sản phẩm tốt hơn giúp doanh nghiệp tạo dựng lòng tin với khách hàng, từ đó nâng cao uy tín và sức cạnh tranh trên thị trường. Trong thời đại số, những đánh giá của khách hàng trên các nền tảng trực tuyến có thể ảnh hưởng lớn đến hình ảnh của doanh nghiệp.

3. Ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng tại doanh nghiệp nhỏ lẻ

3.1. Sử dụng phần mềm quản lý chất lượng

Doanh nghiệp nhỏ lẻ có thể ứng dụng các phần mềm như Trello, Asana hoặc các hệ thống chuyên biệt như ISO

* Giảng viên khoa Ngoại ngữ, Học viện Ngân hàng

Quality Management để theo dõi quy trình kiểm soát chất lượng. Các phần mềm này giúp doanh nghiệp có thể theo dõi tiến độ, phân công công việc và đảm bảo quy trình hoạt động hiệu quả.

3.2. Internet of Things (IoT) trong giám sát quy trình

Các cảm biến IoT có thể theo dõi thông số môi trường như nhiệt độ, độ ẩm trong sản xuất, đảm bảo sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng. Ví dụ, trong ngành thực phẩm, các cảm biến có thể phát hiện nhiệt độ bảo quản không đạt chuẩn và cảnh báo ngay lập tức.

3.3. Phân tích dữ liệu lớn (Big Data)

Doanh nghiệp có thể thu thập và phân tích dữ liệu phản hồi từ khách hàng để cải thiện sản phẩm. Bằng cách sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu, doanh nghiệp có thể phát hiện

xu hướng, dự đoán nhu cầu khách hàng và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

3.4. Trí tuệ nhân tạo (AI) và Chatbot

AI giúp dự đoán lỗi sản phẩm và tự động hóa các quy trình kiểm tra chất lượng. Chatbot hỗ trợ khách hàng nhanh chóng và thu thập ý kiến phản hồi, giúp doanh nghiệp nâng cao dịch vụ khách hàng.

3.5. Blockchain trong truy xuất nguồn gốc

Ứng dụng blockchain giúp tăng tính minh bạch trong quản lý chuỗi cung ứng và đảm bảo chất lượng sản phẩm từ khâu sản xuất đến tay người tiêu dùng. Khách hàng có thể quét mã QR để kiểm tra nguồn gốc sản phẩm, giúp tăng độ tin cậy.

4. Các bước thực hiện chuyển đổi số trong quản lý chất lượng

4.1. Đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu

Bước đầu tiên trong quá trình chuyển đổi số là doanh nghiệp cần phân tích hiện trạng hoạt động của mình để xác định những điểm yếu trong quy trình kiểm soát chất lượng.

4.2. Chọn lựa công nghệ phù hợp

Sau khi xác định được các vấn đề cần giải quyết, doanh nghiệp cần lựa chọn công nghệ phù hợp với mô hình kinh doanh và ngân sách. Một số công nghệ phổ biến trong quản lý chất lượng bao gồm:

Phần mềm ERP (Enterprise Resource Planning)

Hệ thống quản lý chất lượng (QMS - Quality Management System)

IoT (Internet of Things)

Trí tuệ nhân tạo (AI) và máy học



4.3. Đào tạo nhân viên

Một trong những rào cản lớn nhất của chuyển đổi số là sự thiếu hụt về kỹ năng công nghệ trong đội ngũ nhân viên. Do đó, doanh nghiệp cần:

Tổ chức các khóa đào tạo về sử dụng công nghệ và phần mềm quản lý chất lượng.

Khuyến khích nhân viên tham gia các chương trình học trực tuyến về chuyển đổi số.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp khuyến khích đổi mới và ứng dụng công nghệ vào công việc hàng ngày.

Cử nhân sự tham gia các hội thảo, sự kiện về chuyển đổi số để cập nhật xu hướng mới.

4.4. Thử nghiệm và điều chỉnh

Trước khi triển khai rộng rãi, doanh nghiệp nên tiến hành thử nghiệm công nghệ trên quy mô nhỏ để đánh giá hiệu quả. Quy trình này bao gồm:

Lựa chọn một bộ phận hoặc một quy trình nhỏ để áp dụng công nghệ thử nghiệm.

Theo dõi kết quả, thu thập phản hồi từ nhân viên và khách hàng.

Điều chỉnh công nghệ hoặc quy trình nếu cần thiết để đạt hiệu suất tối ưu.

Nếu thử nghiệm thành công, mở rộng phạm vi ứng dụng trên toàn bộ doanh nghiệp.

4.5. Đánh giá kết quả và tối ưu hóa liên tục

Chuyển đổi số không phải là một quá trình có điểm kết thúc, mà đòi hỏi sự đánh giá và cải tiến liên tục. Doanh nghiệp cần:

Xây dựng hệ thống giám sát hiệu suất để đo lường hiệu quả của các công nghệ mới.

Liên tục phân tích dữ liệu để tìm kiếm cơ hội tối ưu hóa quy trình quản lý chất lượng.

Lắng nghe phản hồi từ khách hàng và nhân viên để điều chỉnh chiến lược phù hợp.

Luôn cập nhật các công nghệ mới và xu hướng trong ngành để không bị tụt hậu.

5. Thách thức và giải pháp

5.1. Chi phí đầu tư cao

Chuyển đổi số yêu cầu đầu tư vào công nghệ và đào tạo nhân viên. Doanh nghiệp nhỏ có thể bắt đầu với các công cụ miễn phí, tìm kiếm hỗ trợ từ chính phủ hoặc hợp tác với đơn vị công nghệ để tối ưu chi phí.

5.2. Thiếu nhân lực công nghệ

Đào tạo nội bộ, thuê chuyên gia tư vấn hoặc lựa chọn các nền tảng dễ sử dụng là giải pháp giúp doanh nghiệp vượt qua rào cản về nhân sự công nghệ.

5.3. Khó thay đổi thói quen làm việc

Doanh nghiệp cần triển khai từng bước, khuyến khích nhân viên thích nghi bằng chính sách hỗ trợ và đào tạo, đồng thời đảm bảo sự hướng dẫn liên tục trong quá trình áp dụng công nghệ mới.

5.4. Bảo mật dữ liệu

Bảo mật là yếu tố quan trọng khi chuyển đổi số. Doanh nghiệp nên sử dụng hệ thống bảo mật cao, đào tạo nhân viên về an toàn thông tin và sao lưu

dữ liệu định kỳ để tránh rủi ro mất mát.

6. Xu hướng trong tương lai

Tích hợp AI trong kiểm soát chất lượng.

Sử dụng IoT để giám sát tự động.

Ứng dụng Blockchain để nâng cao tính minh bạch.

Phát triển các hệ thống quản lý chất lượng dựa trên đám mây.

7. Kết luận

Chuyển đổi số trong quản lý chất lượng không chỉ là xu hướng mà còn là giải pháp thiết yếu giúp doanh nghiệp nhỏ lẻ nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí và gia tăng năng lực cạnh tranh. Với chiến lược phù hợp, doanh nghiệp có thể từng bước áp dụng công nghệ để cải thiện hiệu suất và xây dựng thương hiệu vững chắc. ■

N.T.H.M

Tài liệu tham khảo:

Bộ Khoa học và Công nghệ (2021). “Hướng dẫn triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015”.

Deloitte (2022). “Digital Transformation in SMEs: Opportunities and Challenges”. Deloitte Insights.

McKinsey & Company (2023). “The Future of Quality Management: Leveraging Digital Technologies”.

CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

□ ThS. BÙI THỊ CẨM NINH *

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang chuyển mình mạnh mẽ với sự phát triển của công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo (AI) đã và đang trở thành một yếu tố then chốt trong việc thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo, tối ưu hóa quy trình sản xuất, dịch vụ, cũng như nâng cao năng suất lao động. Trước sự bùng nổ và phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, nhiều quốc gia đã nắm bắt thời cơ, chú trọng phát triển nền kinh tế gắn với AI, tận dụng tối đa những lợi ích mà AI mang lại để phát triển kinh tế - xã hội. Có thể nói, AI đang ngày càng trở thành một yếu tố quan trọng trong phát triển kinh tế toàn cầu và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Đối với Việt Nam, AI không chỉ là công nghệ hỗ trợ trong việc cải tiến quy trình sản xuất, mà còn là chìa khóa để nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nhiều lĩnh vực.

Một trong những cơ hội lớn mà AI mang lại còn là khả năng giúp Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế số toàn cầu và nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế. Thế giới đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ mới và các quốc gia tiên tiến, như: Mỹ, Trung Quốc và EU đang đầu tư mạnh mẽ vào AI. Nếu Việt Nam không nhanh chóng tận dụng AI, đất nước có thể bỏ lỡ cơ hội trở thành một trung tâm kinh tế số trong khu vực Đông Nam Á. Bằng cách thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng AI trong các ngành công nghiệp chủ lực, Việt Nam có thể gia tăng giá trị gia tăng trong sản phẩm xuất khẩu, cải thiện chất lượng dịch vụ và phát triển các sản phẩm công nghệ cao. Đặc biệt, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu ngày càng phụ thuộc vào các công nghệ số và thông minh, Việt Nam cần đẩy mạnh việc áp dụng AI để nâng cao năng lực cạnh tranh, không chỉ ở trong nước mà còn trên thị trường quốc tế.

AI đã và đang trở thành một trong những công nghệ mang tính cách mạng, có khả năng thay đổi các ngành công nghiệp và nền kinh tế toàn

cầu. Đối với Việt Nam, một quốc gia đang trong quá trình chuyển mình mạnh mẽ với những bước tiến đáng kể trong phát triển kinh tế, AI được xem như một công cụ chiến lược quan trọng, giúp thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động và tạo ra những cơ hội phát triển bền vững. Nền kinh tế số của Việt Nam được dự báo tăng trưởng gấp 11 lần vào năm 2030, đạt mức 220 tỷ USD. Trong đó, AI đóng vai trò then chốt. Một trong những tác động quan trọng nhất của AI đối với nền kinh tế Việt Nam là khả năng thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường năng suất lao động. Các công nghệ AI có thể tự động hóa nhiều quy trình công việc, từ đó giảm thiểu thời gian và chi phí cho các công việc lặp đi lặp lại, nâng cao hiệu quả trong các ngành sản xuất và dịch vụ. AI giúp doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu sai sót và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực. Trong lĩnh vực sản xuất, AI có thể được áp dụng để giám sát và tối ưu hóa các dây chuyền sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm và dự báo nhu cầu thị trường. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng

* Học viện CSND

cạnh tranh, mà còn góp phần vào việc phát triển một nền công nghiệp thông minh, hiện đại. Hệ thống sản xuất thông minh (Smart Manufacturing) dựa trên AI có thể cải thiện hiệu quả và giảm thiểu chi phí, điều này đặc biệt quan trọng đối với các ngành sản xuất chủ lực của Việt Nam như dệt may, điện tử và cơ khí chế tạo. AI không chỉ là công cụ giúp tối ưu hóa các quy trình sản xuất, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam, như: nông nghiệp, y tế, tài chính, sản xuất, và giáo dục... Các ngành này không chỉ là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực xây dựng một nền kinh tế số, AI chính là chìa khóa giúp nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia.

Có thể thấy, Việt Nam với tiềm năng phát triển công nghệ và nguồn nhân lực trẻ, có thể tận dụng AI như một công cụ mạnh mẽ để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên, hiện nay việc ứng dụng AI tại Việt Nam vẫn gặp phải nhiều thách thức, bao gồm: sự thiếu hụt về nguồn nhân lực chất lượng cao, vấn đề hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ và sự thiếu hụt trong chính sách hỗ trợ từ nhà nước. Vì vậy, cần có một cái nhìn tổng quan và giải pháp thực tiễn nhằm tối ưu vai trò của AI trong phát triển kinh

tế Việt Nam, từ đó giúp đưa đất nước tiến gần hơn đến mục tiêu trở thành một nền kinh tế số hiện đại và hội nhập quốc tế.

Đầu tiên, đối với việc phát triển nông nghiệp, xác định ngành nông nghiệp là một trong những ngành trọng yếu của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh đất nước đang phải đối mặt với nhiều thách thức, như: biến đổi khí hậu, suy thoái tài nguyên thiên nhiên và yêu cầu gia tăng sản lượng, trong khi vẫn đảm bảo tính bền vững. AI đã và đang chứng tỏ là công cụ hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Các ứng dụng AI trong nông nghiệp chủ yếu tập trung vào việc: tối ưu hóa quy trình trồng trọt, chăn nuôi và xử lý sản phẩm. Cụ thể: các hệ thống AI có thể phân tích dữ liệu từ cảm biến và vệ tinh để dự báo thời tiết, tình trạng đất đai và sự phát triển của cây trồng, giúp nông dân có thể chủ động điều chỉnh các yếu tố đầu vào, như: phân bón, nước tưới và thuốc bảo vệ thực vật. Hệ thống AI cũng có thể hỗ trợ trong việc phát hiện sâu bệnh và phân tích mẫu đất; từ đó đưa ra các giải pháp canh tác phù hợp, giảm thiểu việc sử dụng hóa chất và tăng cường sản lượng. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, mà còn giúp nông dân tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế

Tiếp theo phải kể đến ngành y tế, AI đang mở ra những cơ hội lớn để cải thiện

chất lượng dịch vụ và nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe. Các ứng dụng của AI trong y tế không chỉ dừng lại ở việc chẩn đoán và điều trị bệnh, mà còn hỗ trợ quá trình quản lý bệnh viện và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. AI có thể giúp phân tích lượng lớn dữ liệu y khoa để phát hiện các bệnh lý từ sớm, từ đó giảm thiểu các chi phí điều trị và nâng cao khả năng cứu chữa cho bệnh nhân. Các hệ thống AI cũng có thể phân tích hình ảnh y khoa, chẳng hạn như: chẩn đoán bệnh ung thư qua các bức xạ hoặc MRI, giúp các bác sĩ đưa ra chẩn đoán chính xác hơn và kịp thời. Thêm vào đó, AI còn hỗ trợ trong việc phát triển thuốc và vaccine, một ví dụ điển hình là việc AI được sử dụng trong nghiên cứu vaccine Covid-19. Các hệ thống AI có thể phân tích và mô phỏng các phản ứng của cơ thể đối với các loại thuốc và liệu pháp điều trị, giúp rút ngắn thời gian và chi phí nghiên cứu.

Một nhóm ngành mới cũng chịu sự tác động mạnh mẽ của AI đó là lĩnh vực tài chính, một ngành mũi nhọn quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Các công ty tài chính, ngân hàng và tổ chức tín dụng sử dụng AI để phân tích các dữ liệu lớn, từ đó dự đoán xu hướng thị trường và tối ưu hóa các quyết định đầu tư. Công nghệ học máy (Machine Learning) giúp các tổ chức tài chính phân tích hành vi người tiêu dùng, từ đó đưa ra các sản phẩm và dịch vụ tài chính phù hợp hơn, nâng cao trải nghiệm khách hàng và giảm

thieu rủi ro. AI cũng giúp các ngân hàng và tổ chức tài chính trong việc phát hiện gian lận, nhận diện và ngăn chặn các giao dịch đáng ngờ. Các hệ thống AI được tích hợp vào các dịch vụ ngân hàng trực tuyến, giúp khách hàng thực hiện giao dịch một cách nhanh chóng, an toàn và thuận tiện. Hệ thống AI còn giúp nâng cao hiệu quả quản lý tài sản và danh mục đầu tư, từ đó tối ưu hóa lợi nhuận cho các tổ chức tài chính.

Mặc dù AI đã và đang mang lại những cơ hội to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, việc triển khai AI trong các ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp tại Việt Nam cũng đang gặp phải không ít thách thức. Những khó khăn này đến từ nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm: vấn đề hạ tầng công nghệ, nguồn nhân lực, chính sách pháp lý, và sự sẵn sàng của các doanh nghiệp trong việc áp dụng các giải pháp AI vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Một số thách thức chính bao gồm:

Một là, hạ tầng công nghệ chưa đủ mạnh: một trong những thách thức lớn nhất đối với việc triển khai AI tại Việt Nam chính là hạ tầng công nghệ chưa đủ mạnh để hỗ trợ sự phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến này. AI yêu cầu một lượng lớn dữ liệu, sức mạnh xử lý tính toán và mạng lưới cơ sở hạ tầng thông tin hiện đại. Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ tại Việt Nam mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể vẫn còn thiếu đồng bộ và không đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu xử



lý dữ liệu khối lượng lớn và phức tạp mà AI cần. Đặc biệt, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoặc các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa chưa được tiếp cận đầy đủ với các công nghệ tiên tiến, dẫn đến việc triển khai AI trở nên khó khăn và chậm chạp. Hơn nữa, việc thiếu các trung tâm dữ liệu quy mô lớn và các hệ thống đám mây mạnh mẽ khiến cho việc lưu trữ và xử lý thông tin gặp phải nhiều rào cản về thời gian và chi phí.

Hai là, thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao: việc phát triển và ứng dụng AI đòi hỏi một đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao và hiểu biết sâu sắc về các công nghệ, lý thuyết và phương pháp học máy, học sâu (Deep Learning), xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) và phân tích dữ liệu. Tuy nhiên, hiện tại, Việt Nam đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt trầm trọng các chuyên gia về AI. Ước tính, hiện chỉ có khoảng 300 chuyên gia AI trong lực lượng lao động Việt Nam. Sự khan hiếm nhân lực cùng với

việc thiếu hụt cơ hội tiếp cận các chương trình đào tạo AI chất lượng cao càng làm nới rộng khoảng cách giữa nhu cầu của thị trường và sự đáp ứng nguồn nhân lực. Các trường đại học và cơ sở đào tạo trong nước hiện chưa đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực AI. Mặc dù nhiều trường đại học đã bắt đầu đưa các chương trình đào tạo về AI vào giảng dạy, nhưng nội dung đào tạo vẫn còn thiếu tính thực tiễn và thiếu gắn kết với nhu cầu của thị trường lao động. Chính vì vậy, các doanh nghiệp Việt Nam gặp khó khăn trong việc tuyển dụng nhân lực có chuyên môn cao để triển khai các dự án AI.

Ba là, thiếu chính sách hỗ trợ và môi trường pháp lý chưa hoàn thiện: mặc dù AI được xem là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong tương lai, nhưng hiện tại, các chính sách hỗ trợ cho sự phát triển và ứng dụng AI tại Việt Nam vẫn còn thiếu rõ ràng và chưa đồng bộ. Chính phủ Việt Nam đã có những bước

đi đầu tiên trong việc thúc đẩy nghiên cứu và phát triển AI thông qua các chiến lược và kế hoạch phát triển công nghệ số. Tuy nhiên, việc triển khai các chính sách hỗ trợ cho AI vẫn chưa được thực hiện một cách mạnh mẽ và hệ thống. Môi trường pháp lý về bảo vệ dữ liệu, quyền riêng tư và quản lý AI còn nhiều thiếu sót. Các quy định về quyền sở hữu dữ liệu, bảo mật thông tin và đạo đức trong AI chưa được đưa ra một cách cụ thể và rõ ràng, khiến nhiều doanh nghiệp và tổ chức gặp phải khó khăn trong việc triển khai AI. Thực tế, vấn đề bảo mật và sử dụng dữ liệu trong AI là một trong những thách thức lớn không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn cầu. Việc thiếu các quy định chặt chẽ và rõ ràng có thể dẫn đến các rủi ro về lạm dụng dữ liệu cá nhân và tạo ra sự thiếu tin tưởng từ phía người tiêu dùng.

Bốn là, văn hóa và thái độ đối với đổi mới công nghệ: một yếu tố nữa làm chậm quá trình triển khai AI tại Việt Nam chính là văn hóa và thái độ đối với sự đổi mới công nghệ trong một bộ phận doanh nghiệp và cộng đồng. Dù AI đang mang lại những lợi ích rõ rệt, nhưng nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn chưa nhận thức hết được tầm quan trọng và tiềm năng của AI trong việc cải thiện năng suất và hiệu quả công việc. Nhiều doanh nghiệp vẫn còn lo ngại về chi phí đầu tư vào công nghệ mới, hoặc lo ngại về việc thay đổi cách thức quản lý và sản xuất. Ngoài ra,

sự thiếu nhận thức về tầm quan trọng của AI trong việc phát triển ngành công nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh cũng là một rào cản lớn. Các doanh nghiệp truyền thống thường có thói quen làm việc theo cách thức cũ, chưa đủ linh hoạt để chuyển sang các phương thức làm việc dựa trên công nghệ tiên tiến.

Năm là, rào cản về chi phí đầu tư: một thách thức lớn khác đối với việc triển khai AI tại Việt Nam là chi phí đầu tư ban đầu cho công nghệ này rất cao. Việc phát triển các hệ thống AI đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư vào: cơ sở hạ tầng công nghệ, phần mềm và đội ngũ nhân lực có kỹ năng. Hơn nữa, AI không phải là một công nghệ có thể triển khai ngay lập tức, mà cần phải có thời gian nghiên cứu, phát triển và đào tạo để ứng dụng hiệu quả. Điều này đặc biệt khó khăn đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn có nguồn lực tài chính hạn chế. Mặc dù một số doanh nghiệp lớn tại Việt Nam đã bắt đầu triển khai các dự án AI, nhưng phần lớn các doanh nghiệp trong nước vẫn còn e ngại với những chi phí đầu tư cao và thiếu khả năng thu hồi vốn nhanh chóng. Điều này đã khiến cho quá trình chuyển đổi số và ứng dụng AI trong doanh nghiệp bị chậm lại.

AI đang dần trở thành một yếu tố quyết định trong việc thúc đẩy sự phát triển của các nền kinh tế toàn cầu. Đối với Việt Nam, AI không chỉ là công nghệ hỗ trợ trong việc cải tiến quy trình sản xuất, mà còn là chìa

khóa để nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nhiều lĩnh vực. Căn cứ Mục III Điều 1 Quyết định 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 và để tận dụng tối đa tiềm năng của AI trong phát triển kinh tế, Việt Nam cần triển khai một loạt các giải pháp đồng bộ và hiệu quả, như sau:

Thứ nhất, xây dựng hạ tầng công nghệ và dữ liệu mạnh mẽ: hạ tầng công nghệ là yếu tố then chốt để triển khai AI một cách hiệu quả. Việt Nam cần phải đầu tư mạnh mẽ vào các trung tâm dữ liệu và các nền tảng điện toán đám mây, vì các công nghệ AI yêu cầu khả năng lưu trữ và xử lý khối lượng dữ liệu lớn. Việc xây dựng và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin không chỉ giúp thúc đẩy các ứng dụng AI mà còn hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí và nâng cao năng suất lao động.

Thứ hai, tạo lập chính sách và khung pháp lý thuận lợi: để AI có thể phát huy tối đa vai trò trong phát triển kinh tế, Việt Nam cần xây dựng một khung pháp lý rõ ràng và thuận lợi. Chính phủ cần tạo ra các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc nghiên cứu và phát triển AI, bao gồm việc giảm thuế, cung cấp các khoản vay ưu đãi cho các dự án công nghệ cao và hỗ trợ tài chính cho các sáng kiến đổi mới sáng tạo

trong AI. Các chỉ dẫn về khung chính sách xác định những nội dung, vấn đề cần xây dựng, ban hành quy định xét dưới góc độ quản lý nhà nước ở dạng các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với các quy định được ban hành và đặc thù đối với loại hình sản phẩm này. Theo đó, cần xác định các mục tiêu chủ yếu là:

(1) Tăng cường công tác quản lý trong hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các hệ thống, sản phẩm, dịch vụ AI; (2) Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển thị trường sản phẩm, ứng dụng AI hợp pháp, an toàn và đáng tin cậy, ngăn chặn sự phân mảnh thị trường. (3) Tăng cường nghiên cứu các công nghệ như trí tuệ nhân tạo giống con người, thực tế ảo, các công nghệ sử dụng AI mô phỏng hóa thị giác, thính giác, xử lý ngôn ngữ và tư duy giống người. (4) Xây dựng các khung, chương trình đào tạo AI trong các trường đại học; các khóa đào tạo nâng cao nhận thức liên quan đến AI; khuyến khích sinh viên, cá nhân có đam mê, năng lực nhiệt tình tham gia vào nghiên cứu phát triển về AI. (5) Tham gia tích cực vào các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nắm bắt cập nhật xu hướng kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn áp dụng; (6) Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn phù hợp và hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

Thứ ba, tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng trong việc triển khai và phát triển AI. Việt

Nam cần đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục và đào tạo chuyên sâu về AI, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân lực trong các lĩnh vực liên quan. Điều này có thể thực hiện thông qua việc phát triển các chương trình đào tạo chuyên ngành về khoa học dữ liệu, học máy, học sâu, và các kỹ năng kỹ thuật số khác. Triển khai phổ cập kỹ năng cơ bản về ứng dụng trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo cho thanh thiếu niên. Thúc đẩy triển khai các hình thức đào tạo chứng chỉ ngắn hạn và trung hạn về trí tuệ nhân tạo cho sinh viên thuộc các ngành nghề khác nhau, người lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp.

Thứ tư, thúc đẩy sự hợp tác trong nghiên cứu và triển khai AI: sự hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức nghiên cứu là một trong những yếu tố quyết định giúp AI phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam. Chính phủ cần tạo ra các cơ chế hợp tác để thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo và nghiên cứu ứng dụng AI trong các lĩnh vực kinh tế, cũng như tạo ra môi trường thuận lợi cho các công ty khởi nghiệp và các sáng kiến đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực AI vì các doanh nghiệp khởi nghiệp này có thể là những người tiên phong trong việc phát triển các giải pháp AI sáng tạo và mang lại những lợi ích thiết thực cho nền kinh tế.

Thứ năm, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo: trao đổi chuyên gia, người làm công tác nghiên cứu,

sinh viên của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp trí tuệ nhân tạo nước ngoài. Tham gia các hội, hiệp hội quốc tế và tổ chức khác về trí tuệ nhân tạo. Mời các chuyên gia trí tuệ nhân tạo nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài đến Việt Nam tham gia tư vấn, nghiên cứu, đào tạo về trí tuệ nhân tạo. Tham gia tổ chức và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khoa học song phương và đa phương về trí tuệ nhân tạo. Thúc đẩy phát triển cơ sở, trung tâm hợp tác nghiên cứu trí tuệ nhân tạo; các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ, khai thác các sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp nước ngoài về trí tuệ nhân tạo; các trung tâm, chương trình đào tạo nhân lực trí tuệ nhân tạo chất lượng cao phục vụ thị trường trong nước và toàn cầu.

Trước xu thế AI không thể đảo ngược hiện nay, yêu cầu đặt ra cho ngành công nghiệp trí tuệ nhân tạo Việt Nam là phải tăng tốc nắm bắt cơ hội từ làn sóng AI để tạo đột phá trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia, bứt phá về năng lực sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững, đó vừa là thời cơ vừa là thách thức để Việt Nam có được cơ hội phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên số và nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế. ■

B.T.C.N

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI

TRONG HỆ THỐNG CAMERA XỬ LÝ VI PHẠM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

□ TS. NGUYỄN ĐỨC KHIÊM *

Trong những năm qua, tình trạng giao thông ùn tắc, hỗn loạn, phóng nhanh vượt ẩu, đi sai làn, ngược chiều, tai nạn giao thông... luôn là vấn đề nổi cộm và thường xuyên được nhắc đến. Do vậy đã đặt ra yêu cầu về một hệ thống có khả năng giám sát và tự động phát hiện được các hành vi vi phạm giao thông, đưa ra những cảnh báo, xử lý kịp thời nhằm nâng cao ý thức của người tham gia giao thông. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phát hiện các hành vi vi phạm đang là xu hướng cần thiết để nâng cao ý thức người tham gia giao thông và giảm thiểu tai nạn, hướng đến mục tiêu thành phố thông minh, an toàn mà không có tai nạn.

Với sự phát triển của khoa học công nghệ và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đang tác động tích cực đến tất cả các lĩnh vực; trong đó, có giao thông. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phát hiện các hành vi vi phạm đang là xu hướng cần thiết để nâng cao ý thức người tham gia giao thông nhằm giảm thiểu tai nạn. Qua đó, tối ưu việc vận hành, điều tiết giao thông bằng việc sử dụng công nghệ để giải quyết các vấn đề của giao thông đường bộ, gồm việc xử lý tai nạn và ùn tắc giao thông, giúp giảm tắc nghẽn, ngăn ngừa tai nạn, giảm khí thải và giúp ngành giao thông - vận tải hoạt động hiệu quả hơn. Theo Thông tư 73/2024/TT-BCA, có hiệu lực từ 01/01/2025, Cảnh sát giao thông sẽ thu thập dữ liệu vi phạm giao thông từ camera giám sát, dữ liệu giám sát hành trình...

* Học viện CSND

để xử phạt và chính thức thay thế cho Thông tư 32/2023/TT-BCA.

Cụ thể, tại Điều 15 Thông tư 73/2024/TT-BCA đã quy định về phát hiện vi phạm giao thông hành chính thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát giao thông như sau:

- Cán bộ Cảnh sát giao thông sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện, thu thập hành vi vi phạm pháp luật của người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông có trách nhiệm hợp tác theo yêu cầu kiểm tra, kiểm soát thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của cán bộ Cảnh sát giao thông;

- Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ là bản ảnh, hình ảnh, phiếu in, chỉ số đo, dữ liệu lưu

trong bộ nhớ của các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; được thống kê, lập danh sách, in thành bản ảnh hoặc bản ghi thu về hành vi vi phạm và lưu giữ trong hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an về công tác hồ sơ;

- Khi phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phát hiện, thu thập được thông tin, hình ảnh về hành vi vi phạm pháp luật của người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ, người có thẩm quyền xử phạt thực hiện như sau:

Tổ chức lực lượng dừng phương tiện giao thông để kiểm soát, xử lý vi phạm theo quy định. Trường hợp người vi phạm đề nghị được xem thông tin, hình ảnh, kết quả thu thập được về hành vi vi phạm, Tổ Cảnh sát giao thông cho xem tại nơi kiểm soát; nếu chưa có thông tin, hình ảnh,

kết quả tại nơi kiểm soát thì hướng dẫn người vi phạm xem khi đến xử lý vi phạm tại trụ sở đơn vị.

Trường hợp không dừng được phương tiện giao thông vi phạm để kiểm soát, xử lý vi phạm thì thực hiện theo quy định tại mục 2.

Theo Thông tư Thông tư 73/2024/TT-BCA quy định trình tự xử lý kết quả thu thập thông qua Hệ thống giám sát được thực hiện như sau:

Bước 1: Phát hiện vi phạm giao thông

Cán bộ Cảnh sát giao thông sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện, thu thập hành vi vi phạm pháp luật của người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại mục 1 nêu trên.

Bước 2: Kiểm tra, phân tích, xác định vi phạm giao thông

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính thực hiện như sau:

- Xác định thông tin về phương tiện giao thông, chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính thông qua cơ quan đăng ký xe, Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, cơ quan, tổ chức khác có liên quan;

- Trường hợp chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính không cư trú, đóng trụ sở tại địa bàn cấp huyện nơi cơ quan Công an đã phát hiện vi phạm hành chính, nếu xác định vi phạm hành chính đó thuộc thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an xã, phường, thị trấn thì chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ

thuật nghiệp vụ đến Công an xã, phường, thị trấn nơi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính cư trú, đóng trụ sở.

- Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an xã, phường, thị trấn hoặc thuộc thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an xã, phường, thị trấn nhưng Công an xã, phường, thị trấn chưa được trang bị hệ thống mạng kết nối thì chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đến Công an cấp huyện nơi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính cư trú, đóng trụ sở để giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm;

Bước 3: Thông báo cho người điều khiển phương tiện vi phạm

Gửi thông báo yêu cầu chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính hoặc đến trụ sở Công an xã, phường, thị trấn, Công an cấp huyện nơi cư trú, đóng trụ sở để giải quyết vụ việc vi phạm hành chính nếu việc đi lại gặp khó khăn và không có điều kiện trực tiếp đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định 135/2021/NĐ-CP.

Việc gửi thông báo vi phạm được thực hiện bằng văn bản giấy hoặc bằng phương thức điện tử (khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin).

Bước 4: Phối hợp với chủ phương tiện giải quyết vụ việc vi phạm

Khi chủ phương tiện, tổ chức,

cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính đến cơ quan Công an để giải quyết vụ việc vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hoặc Trưởng Công an xã, phường, thị trấn, Trưởng Công an cấp huyện tiến hành giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm như sau:

- Lập biên bản vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm;

- Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức thi hành quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật.

Hệ thống giám sát xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ là hệ thống có chức năng: Giám sát trực tuyến tình hình trật tự an toàn giao thông và tự động phát hiện các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bao gồm:

- Điều khiển phương tiện chạy quá tốc độ quy định;

- Điều khiển phương tiện đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định;

- Vượt trong trường hợp cấm vượt;

- Dừng đỗ phương tiện trái quy định;

- Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông;

- Vi phạm các lỗi khác (quá khổ, trọng tải xe...)

Hệ thống giám sát xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông bao gồm các thành phần cơ bản như sau:

- Các thiết bị lắp trên đường: Máy đo tốc độ, Camera chuyên dụng, Các thiết bị điều khiển; Các thiết bị điện, điện tử và cơ khí;

- Các thiết bị lắp tại trung tâm giám sát và xử lý vi phạm: máy chủ, máy xử lý, máy khai thác, máy in, hệ thống màn hình hiển thị, hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu và các phần mềm ứng dụng, hệ thống thông tin liên lạc,...

- Mạng truyền dẫn: Thực hiện việc kết nối thiết bị được lắp đặt trên quốc lộ với trung tâm xử lý cũng như giữa các thiết bị được lắp đặt trên quốc lộ với nhau và giữa các trung tâm với nhau. Mạng truyền dẫn có thể sử dụng công nghệ vô tuyến và/hoặc hữu tuyến;

- Thiết bị giám sát phát hiện ô tô, mô tô, xe máy vi phạm vượt đèn đỏ bằng hình ảnh là hệ thống bao gồm phần cứng và phần mềm, có chức năng chính là tự động phát hiện và xác định phương tiện vi phạm hiệu lệnh đèn tín hiệu giao thông.

- Quá trình phát hiện và xác định phương tiện vi phạm được tiến hành hoàn toàn tự động, không cần có sự can thiệp của con người. Khả năng giám sát phát hiện cho một chiều 1, 2 hoặc 3 làn đường tùy theo loại cấu hình lựa chọn phù hợp với thực tế điểm giám sát. Hệ thống xử lý liên tục (online) có thể áp dụng cho xử phạt nóng và nguội vì thời gian phát hiện và xử lý rất nhanh $\leq 200\text{ms}$. Có khả năng phát hiện xử lý cùng lúc nhiều đối tượng cùng vi phạm, xử lý đa làn đa biển số;

- Bằng chứng vi phạm được tự động kết xuất dưới dạng hình ảnh đảm bảo nhìn thấy rõ trạng thái đèn giao thông, biển số của phương tiện cũng như các hình ảnh thể hiện rõ quá trình vi phạm của phương tiện. Cùng với hình



ảnh vi phạm, đoạn video ghi lại toàn bộ quá trình phương tiện vi phạm cũng được lưu lại để phục vụ cho công tác tra cứu sau này;

- Hệ thống hoạt động cả ngày và đêm.

Từ lâu nay, việc xử lý các vi phạm trật tự an toàn giao thông đa phần phụ thuộc vào việc phát hiện vi phạm trực tiếp. Tuy nhiên, kể từ khi triển khai hệ thống camera giám sát giao thông, các “mắt thần” đã giúp Cảnh sát giao thông xử phạt một cách hiệu quả, nhanh gọn, chính xác. Đặc biệt, khi hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống sản xuất, cấp, quản lý căn cước công dân đi vào hoạt động, Cảnh sát giao thông còn có thể hướng dẫn người dân nộp phạt trực tuyến, tiết kiệm thời gian xử lý vi phạm và giảm thủ tục cho người dân.

Theo Cục Cảnh sát giao thông, việc lắp đặt hệ thống camera nhằm ứng dụng công nghệ, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện, ghi lại hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, lấy đó làm căn cứ để ra quyết định xử phạt, còn gọi là “phạt nguội”. Đây

là một bước tiến lớn trong việc áp dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động theo dõi, kiểm soát và xử lý đối với vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông, mang lại nhiều hiệu quả tích cực. Việc lắp đặt hệ thống “mắt thần” sẽ giúp Cảnh sát giao thông giảm tải được áp lực, có nhiều thời gian để điều tiết giao thông trên diện rộng thay vì phải tập trung vào xử lý các vi phạm nhỏ lẻ hoặc lập các chốt giao thông trên đường, giảm tối đa Cảnh sát trên đường, giảm tiếp xúc trực tiếp giữa Cảnh sát với người vi phạm. Khi hệ thống dữ liệu camera trên toàn quốc được kết nối với các dữ liệu khác, Cảnh sát giao thông có thể dùng máy tính, trích xuất dữ liệu biển số, rà soát xem xe gây tai nạn đang bỏ trốn hướng nào... Hệ thống camera kết nối với dữ liệu quốc gia về dân cư nên việc xử phạt vi phạm sẽ được cải tiến. Hiện, lực lượng chức năng phải lập biên bản giấy, sau đó mới có thể ra quyết định xử phạt, người vi phạm trực tiếp lên nộp phạt và bị tước bằng lái.

Thời gian tới, Cảnh sát giao thông chỉ cần đánh số căn cước

công dân của người vi phạm rồi ra quyết định xử lý vi phạm điện tử, sử dụng chữ ký số để hoàn thiện việc xử phạt trên mạng. Với việc áp dụng công nghệ, trong tương lai Cảnh sát giao thông cũng có thể trừ điểm hoặc tước bằng lái xe trên hệ thống thay vì phải tước giấy tờ trực tiếp như hiện nay. Khi đó, Cảnh sát giao thông chỉ xuất hiện để xử phạt các vi phạm mà hệ thống camera không phát hiện được, như vi phạm về nồng độ cồn, ma túy...

Lợi ích từ việc lắp đặt camera giao thông thời gian qua đã cho thấy:

- Lắp đặt camera giao thông giúp nâng cao ý thức chấp hành an toàn giao thông đô thị của các chủ phương tiện tham gia giao thông;

- Hệ thống camera giao thông giúp nâng cao hiệu quả việc quản lý giám sát các phương tiện tham gia giao thông nhằm xử lý kịp thời những tình huống kẹt xe, ùn tắc giao thông;

- Giúp giám sát luồng giao thông trên các tuyến đường dễ dàng hơn;

- Camera giao thông phát hiện chính xác và xử lý nhanh các sự cố giao thông ở bất kỳ đâu trong khu vực kiểm soát;

- Camera giao thông giúp truy tìm và xử lý các trường hợp vi phạm giao thông hiệu quả;

- Góp phần đảm bảo an ninh trật tự, hạn chế cướp giật hoặc trấn áp tội phạm cướp giật;

- Tiết kiệm thời gian, công sức kiểm tra và rà soát các trường hợp vi phạm.

Theo thống kê của Cục Cảnh sát giao thông cho thấy, trong năm 2024, thông qua hệ thống camera, toàn quốc đã ghi nhận, phát hiện

hơn 150 nghìn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông. Bên cạnh hệ thống camera, Bộ Công an đã chính thức khai trương và đi vào sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân. Nhờ sự kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư quốc gia thành công, khi thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm giao thông, Cảnh sát giao thông chỉ cần nhập số Căn cước công dân của người vi phạm tại thời điểm kiểm tra vào hệ thống dữ liệu, tất cả thông tin họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi ở hiện tại của người vi phạm sẽ thể hiện đầy đủ. Từ đó, có thể lập biên bản và quyết định xử phạt nguội. Và người vi phạm có thể nộp phạt qua cổng thông tin quốc gia một cách thuận tiện, chính xác. Việc xử phạt qua hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân đã nâng cao tính rõ ràng, minh bạch, chính xác. Thời lượng để thiết lập hồ sơ xử phạt thông thường mất khoảng 20 phút, nhưng việc xử phạt “online” như hiện nay, thời lượng chỉ mất khoảng 10 phút. Việc xử phạt vi phạm giao thông “online” mới bước đầu áp dụng với những người vi phạm có Căn cước công dân gắn chip, có tài khoản ngân hàng. Đồng thời, đó là các lỗi vi phạm thuộc diện nộp phạt tại chỗ, thuộc thẩm quyền ra quyết định xử phạt của cán bộ tổ tuần tra kiểm soát (phần lớn là các lỗi có mức phạt dưới 250 nghìn đồng, không bị giữ xe và giấy tờ). Khi nào mọi người dân đều có thể Căn cước công dân gắn chip, có hệ thống chữ ký điện tử thì mọi vi phạm mới có thể xử lý “online” hoàn toàn.

Tại Việt Nam, đô thị hóa nhanh chóng là một thách thức đối với nhà quản lý cơ sở hạ tầng của thành phố. Lượng phương tiện giao thông ngày càng đông đúc nên tình trạng ùn tắc, tai nạn diễn ra thường xuyên. Trong khi đó, hệ thống quản lý giao thông truyền thống đã không đủ độ bao phủ để kiểm soát tất cả tuyến đường trong thành phố, rất khó để mở rộng quy mô phù hợp. Do đó, các thành phố cần xây dựng giải pháp kiểm soát thông minh tích hợp AI để xử lý, điều tiết giao thông tốt hơn, cải thiện sự thoải mái, cũng như bảo đảm an toàn cho người lái xe, người đi bộ và hành khách.

Việc tích hợp trí tuệ nhân tạo vào hệ thống theo dõi giao thông và xử lý vi phạm giao thông được đánh giá mang lại nhiều lợi ích quan trọng, trong đó ưu thế lớn nhất là hệ thống theo dõi giao thông tích hợp AI có khả năng giám sát rộng rãi và liên tục, theo dõi nhiều vùng cùng một lúc và có khả năng phát hiện các hành vi vi phạm một cách nhanh chóng. Trung tâm Chỉ huy an ninh tích hợp AI tận dụng được các hệ thống an ninh, cảnh báo đã triển khai lắp đặt từ trước trên cơ sở khai thác tối đa các hệ thống sẵn có và nguồn camera xã hội hoá. Áp dụng công nghệ hiện đại phân tích hình ảnh, dữ liệu nhằm cảnh báo, phát hiện kịp thời sự cố gây mất an ninh trật tự và truy tìm người, phương tiện dễ dàng, nhanh chóng, chính xác. Đồng thời, việc xây dựng trung tâm sẽ mang lại kết quả to lớn trong công tác bảo đảm an ninh, an toàn khi tạo ra hệ thống thống nhất để thu thập, trao đổi dữ liệu thông tin toàn tỉnh, có khả năng mở rộng kết nối toàn quốc...

N.Đ.K

KINH NGHIỆM PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM RỬA TIỀN

CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM

□ PGS.TS HÀ THỊ HỒNG LAN *

Tóm tắt:

Bài viết phân tích những kinh nghiệm phòng, chống rửa tiền tại các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Singapore, Nhật Bản, Vương quốc Anh và Ôt-xtrây-li-a. Nghiên cứu đã nêu bật các khung pháp lý mạnh mẽ, yêu cầu xác minh danh tính khách hàng (KYC), đào tạo liên tục cho nhân viên tài chính và sự hợp tác quốc tế thông qua các tổ chức quốc tế. Việc học hỏi từ kinh nghiệm của các quốc gia khác và áp dụng vào thực tiễn Việt Nam là cần thiết để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền.

Từ khóa: Rửa tiền; phòng, chống tội phạm; xác minh danh tính khách hàng (KYC); hợp tác quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, tội phạm rửa tiền đã trở thành một trong những vấn đề nghiêm trọng và phức tạp mà nhiều quốc gia trên thế giới phải đối mặt. Tội phạm này không chỉ đe dọa an ninh tài chính của mỗi quốc gia mà còn gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế và xã hội. Trong thời gian qua, nhiều quốc gia đã triển khai các biện pháp phòng, chống tội phạm rửa tiền nhằm bảo vệ hệ thống tài chính cũng như duy trì sự ổn định của nền kinh tế, tiêu biểu trong số này là các quốc gia phát triển như: Hoa Kỳ, Singapore, Nhật Bản, Vương quốc Anh và Ôt-xtrây-li-a.

1. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ đã trở thành một trong những quốc gia tiên phong trong nỗ lực chống tội phạm rửa tiền, phát triển một khung pháp lý mạnh mẽ và toàn diện. Đạo luật Chính sách chống rửa tiền (Bank Secrecy Act - BSA) ra đời năm 1970 đã đánh dấu bước khởi đầu quan trọng trong việc thiết lập các nghĩa vụ báo cáo đối với các tổ chức tài chính. BSA yêu cầu các ngân hàng và tổ chức tài chính phải báo cáo về những giao dịch lớn và đáng ngờ, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thực thi pháp luật tiến hành điều tra.

Ngoài BSA, Đạo luật PATRIOT Act được thông qua sau sự kiện 11 tháng 9 năm 2001, đã mở rộng quyền hạn trong việc giám sát tài chính, yêu cầu thực hiện các

biện pháp “Know Your Customer” (KYC) để bảo đảm tính minh bạch trong các giao dịch. Cơ quan Tình báo tài chính Hoa Kỳ (FinCEN) cũng được thành lập nhằm thu thập, phân tích và chia sẻ thông tin liên quan đến các hoạt động tài chính đáng ngờ giữa các tổ chức tài chính và cơ quan điều tra.

Hoa Kỳ cũng đã tích cực tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế để chống rửa tiền thông qua vai trò lãnh đạo trong nhóm các nước G7, G20 và FATF (Lực lượng Đặc nhiệm hành động tài chính). Sự lãnh đạo này đã giúp thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế về phòng, chống rửa tiền và tạo điều kiện cho các quốc gia khác học hỏi kinh nghiệm từ Hoa Kỳ. Các chương trình đào tạo và hội thảo được tổ chức thường xuyên

* Phó Viện trưởng Viện Khoa học Cảnh sát, Học viện CSND

giúp nâng cao nhận thức và khả năng phát hiện rửa tiền trong cộng đồng tài chính.

2. Kinh nghiệm của Singapore

Singapore - với vị thế là một trong những trung tâm tài chính hàng đầu của châu Á, đã có những bước đi mạnh mẽ trong việc thiết lập các quy định và chính sách phòng, chống rửa tiền hiệu quả. Luật Phòng, chống rửa tiền (AML) của Singapore yêu cầu các tổ chức tài chính thực hiện các biện pháp KYC, nhằm đảm bảo việc xác minh danh tính khách hàng trước khi thực hiện các giao dịch. Điều này không chỉ giúp bảo vệ hệ thống tài chính của quốc gia mà còn củng cố lòng tin của các nhà đầu tư quốc tế.

Bên cạnh việc thực hiện KYC, Singapore cũng yêu cầu các tổ chức tài chính phải báo cáo các giao dịch đáng ngờ cho Cơ quan Giao dịch tài chính (Monetary Authority of Singapore - MAS). Cơ quan này luôn không ngừng cập nhật và điều chỉnh chính sách để phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và nhu cầu phát triển của nền kinh tế. Hệ thống giám sát của MAS bao gồm việc thực hiện các cuộc thanh tra định kỳ đối với các tổ chức tài chính để đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật.

Ngoài ra, Singapore cũng tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế như FATF và ASEAN, để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền. Chính phủ Singapore đã đầu tư vào các chương trình đào tạo cho nhân viên của những tổ chức tài chính nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng đối phó với các hoạt động tài chính bất hợp pháp. Các chiến dịch truyền thông công

cộng cũng được triển khai để nâng cao nhận thức cộng đồng về tội phạm rửa tiền.

3. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Nhật Bản đã xây dựng một khung pháp lý chặt chẽ để đối phó với tội phạm rửa tiền, với Luật Phòng, chống rửa tiền được ban hành lần đầu vào năm 2002 và đã được bổ sung, sửa đổi nhiều lần để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Các tổ chức tài chính tại Nhật Bản được yêu cầu thực hiện các biện pháp KYC và báo cáo về các giao dịch đáng ngờ cho Cơ quan Điều tra tài chính (Financial Services Agency - FSA). Điều này không chỉ giúp phát hiện các hoạt động rửa tiền mà còn góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính quốc gia.

FSA không chỉ giám sát mà còn cung cấp các khóa đào tạo cho nhân viên các tổ chức tài chính nhằm nâng cao hiểu biết về tội phạm rửa tiền và cách thức phát hiện. Chính phủ Nhật Bản cũng thường xuyên tổ chức các chương trình hội thảo quốc tế và tham gia vào các hoạt động của FATF để trao đổi thông tin và kinh nghiệm. Đặc biệt, Nhật Bản đã ký kết nhiều hiệp định hợp tác với các quốc gia khác nhằm chia sẻ thông tin điều tra và tăng cường khả năng phối hợp trong việc chống lại tội phạm rửa tiền.

Một điểm nổi bật trong kinh nghiệm của Nhật Bản là việc triển khai các hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến nhằm hỗ trợ các tổ chức tài chính trong việc phát hiện và theo dõi các giao dịch đáng ngờ. Việc áp dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn trong việc phát hiện tội phạm tài chính đã giúp Nhật Bản đạt được những

thành công nhất định trong cuộc chiến chống tội phạm rửa tiền.

4. Kinh nghiệm của Vương quốc Anh

Vương quốc Anh đã thiết lập một hệ thống pháp lý đa tầng và nghiêm ngặt để phòng, chống tình trạng rửa tiền thông qua các đạo luật như Luật chống rửa tiền năm 2002 và các quy định sửa đổi theo chương trình cải cách pháp luật. Luật này yêu cầu các tổ chức tài chính thực hiện các biện pháp kiểm soát nội bộ, bao gồm yêu cầu đối với khách hàng và báo cáo các giao dịch đáng ngờ đến Cơ quan Phòng, chống tội phạm quốc gia (National Crime Agency - NCA). NCA đóng vai trò trung tâm trong việc thu thập và phân tích thông tin về các giao dịch tài chính đáng ngờ. Các chuyên gia của NCA thường xuyên phối hợp với các cơ quan thực thi pháp luật khác để điều tra và truy tố các vụ án rửa tiền. Sự tham gia mạnh mẽ của khu vực tư nhân, đặc biệt là trong ngành ngân hàng và tài chính, cũng góp phần không nhỏ trong việc hỗ trợ phát hiện và điều tra các tội phạm tài chính.

Vương quốc Anh cũng thường xuyên tham khảo kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế như FATF, qua đó cập nhật được các tiêu chuẩn quốc tế và chia sẻ kinh nghiệm thành công. Hệ thống đào tạo cho nhân viên trong lĩnh vực tài chính cũng được chú trọng, với mục tiêu tăng cường hiểu biết và năng lực phát hiện các dấu hiệu rửa tiền.

5. Kinh nghiệm của Ôt-xtrây-li-a

Ôt-xtrây-li-a đã xây dựng một khuôn khổ pháp lý vững chắc nhằm phòng, chống tội phạm rửa

tiền thông qua Luật Phòng, chống rửa tiền và Tổ chức Tình báo tài chính (AUSTRAC). Luật ERG yêu cầu các tổ chức tài chính và các dịch vụ tiền tệ phải báo cáo về các giao dịch đáng ngờ và thực hiện các biện pháp biết khách hàng (KYC). AUSTRAC có trách nhiệm giám sát và phát hiện các hoạt động tài chính bất hợp pháp.

AUSTRAC không chỉ là cơ quan giám sát mà còn chịu trách nhiệm phân tích dữ liệu từ các tổ chức tài chính, tạo ra một nền tảng mạnh cho việc phòng ngừa và phát hiện tội phạm rửa tiền. Các chương trình hợp tác quốc tế cũng được AUSTRAC thiết lập để chia sẻ thông tin giữa các quốc gia, giúp nâng cao khả năng ứng phó trong lĩnh vực này.

Một điểm nổi bật trong nỗ lực của Ôt-xtrây-li-a là việc chú trọng đến giáo dục và đào tạo. Các tổ chức tài chính được khuyến khích đầu tư vào các chương trình đào tạo cho nhân viên để nhận biết các hành vi rửa tiền, qua đó tạo một nền tảng nhận thức cao trong toàn bộ ngành tài chính. Bên cạnh đó, Ôt-xtrây-li-a cũng tổ chức nhiều cuộc hội thảo và hội nghị quốc tế để thảo luận về các phương thức và công nghệ mới trong việc chống lại tội phạm rửa tiền.

6. Kinh nghiệm, hướng nghiên cứu, ứng dụng cho Việt Nam

Những năm qua, Việt Nam đã có nhiều bước tiến đáng kể trong việc xây dựng khung pháp lý và thực tiễn về phòng, chống rửa tiền. Tuy nhiên, để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới, có thể nghiên cứu, vận dụng một số nội dung sau đây phù hợp với thực tiễn và yêu cầu của nước ta:

Một là, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về phòng, chống rửa tiền, tham chiếu các luật và quy định của các quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển như Hoa Kỳ, Anh và Singapore để tạo ra các quy định rõ ràng và dễ thực hiện;

Hai là, tổ chức các chương trình đào tạo thường xuyên cho nhân viên trong ngành tài chính nhằm nâng cao nhận thức về tội phạm rửa tiền và các phương thức phát hiện hành vi nghi ngờ; học hỏi cách mà các quốc gia mở các khóa đào tạo cho nhân viên tài chính như Nhật Bản và Ôt-xtrây-li-a có thể là một mô hình tốt;

Ba là, củng cố sự tham gia vào các tổ chức như Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (FATF) và các diễn đàn quốc tế để chia sẻ thông tin và hợp tác trong việc điều tra tội phạm tài chính. Việc tham gia vào các diễn đàn quốc tế sẽ giúp Việt Nam tiếp cận với các giải pháp tiên tiến, học hỏi từ kinh nghiệm của các quốc gia phát triển, đồng thời giúp nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế trong công cuộc chống lại các tội phạm tài chính;

Bốn là, thiết lập cơ chế giám sát và thanh tra định kỳ đối với các tổ chức tài chính, tương tự như cách mà Cơ quan Giao dịch tài chính Singapore (MAS) thực hiện - điều này sẽ giúp đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật;

Năm là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc phát hiện và ngăn chặn rửa tiền. Sử dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn có thể giúp nâng cao khả năng phát hiện và xử lý các giao dịch đáng ngờ. Việt Nam

cũng cần đầu tư vào công nghệ giám sát tiên tiến và các công cụ phân tích dữ liệu để theo dõi các giao dịch bất thường. Các cơ quan chức năng cần nắm vững các phương pháp điều tra hiện đại như theo dõi chuỗi giao dịch (transaction tracing) và phân tích hành vi trên blockchain để phát hiện các giao dịch bất thường.

Sáu là, xây dựng và ký kết các hiệp định hợp tác với các quốc gia khác để trao đổi thông tin và phối hợp trong việc điều tra và phòng, chống tội phạm rửa tiền;

Bảy là, khuyến khích sự tham gia của xã hội, doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ trong công tác phòng, chống tội phạm rửa tiền, từ đó nâng cao nhận thức và tạo ra một môi trường lành mạnh để phát hiện và phản ứng với các hành vi bất hợp pháp. ■

H.T.H.L

Tài liệu tham khảo:

1. Financial Crimes Enforcement Network. (2019). *Anti-Money Laundering (AML) Principles for a Financial Institution*. U.S. Department of the Treasury.
2. HM Government. (2017). *Money Laundering, Terrorist Financing and Transfer of Funds (Information on the Payer) Regulations 2017*. Financial Services Agency. (2020). *Guidelines for Anti-Money Laundering and Countermeasures against Terrorism Financing*.
3. Monetary Authority of Singapore. (2020). *Notice on Prevention of Money Laundering and Countering the Financing of Terrorism*.
4. Australian Transaction Reports and Analysis Centre (AUSTRAC). (2022). *Australia's Money Laundering and Terrorism Financing Risk Assessment*.

NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG LUẬT PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN NĂM 2022 VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG

□ ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG *

□ ThS. TRẦN BÍCH NGỌC **

Tóm tắt: Rửa tiền là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng đến sự an toàn và minh bạch của hệ thống tài chính tiền tệ và an ninh quốc gia. Hiện nay, với sự phát triển của môi trường số, sự hỗ trợ của công nghệ khiến hành vi rửa tiền ngày càng trở nên tinh vi, phức tạp và khó kiểm soát. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của mỗi quốc gia trong thời kì hội nhập quốc tế. Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 ra đời với vai trò là văn bản pháp lý toàn diện quy định về phòng, chống rửa tiền. Trải qua 10 năm triển khai thi hành, Luật này đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, tuy nhiên, Luật cũng bộc lộ một số bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn. Chính vì vậy, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 được ban hành thay thế đã khắc phục được bất cập của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, góp phần hoàn thiện pháp luật về phòng, chống rửa tiền. Bài viết tập trung phân tích một số điểm mới của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng Luật.

Từ khóa: Rửa tiền, một số điểm mới của Luật Phòng, chống rửa tiền, giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi.

1. Đặt vấn đề

Rửa tiền - mối nguy hiểm được xem là vấn nạn toàn cầu hiện nay. Theo khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có, do đó, đây là hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, gây ảnh hưởng đến sự minh bạch, an toàn của hệ thống tiền tệ, gây tác động xấu đến mối quan hệ quốc tế và

hoạt động đầu tư nước ngoài, đồng thời đe dọa đến an ninh hòa bình thế giới. Đặc biệt, trong môi trường kinh tế số hiện nay, tội phạm rửa tiền ngày càng nhiều, cách thức và phương tiện rửa tiền ngày càng tinh vi, phức tạp, đa dạng và quy mô hơn. Chính vì thế, việc tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc phục vụ cho công cuộc phòng, chống rửa tiền là vô cùng cần thiết, góp phần lớn vào việc ngăn chặn, kiểm soát và xử lý hiệu quả các hành vi rửa tiền tại Việt Nam, tạo môi trường thông

thoáng, lành mạnh cho hoạt động của thị trường tiền tệ, đồng thời đáp ứng quá trình hội nhập quốc tế, thực hiện đầy đủ các chuẩn mực và đảm bảo tuân thủ các cam kết quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền mà Việt Nam tham gia. Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 ra đời đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách, cơ chế về công tác phòng, chống rửa tiền. Hơn thế nữa, việc ban hành Luật này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc đàm phán, kí kết và thực hiện các

*, ** Học viện CSND

thỏa thuận quốc tế, góp phần ngăn chặn kịp thời tội phạm rửa tiền xuyên quốc gia. Qua 10 năm triển khai thực hiện, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 đã bộc lộ nhiều hạn chế, chưa cập nhật, chưa phù hợp và chưa đáp ứng được sự phát triển nhanh chóng của thực tiễn, đặt ra yêu cầu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền. Tại kì họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thông qua Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2023. Luật này đã bổ sung thêm nhiều nội dung mới, khắc phục được những hạn chế, bất cập của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, phù hợp và đáp ứng được những yêu cầu từ thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền.

2. Một số điểm mới của Luật Phòng, chống rửa tiền

Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 được ban hành là thành quả quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật, góp phần thúc đẩy công tác phòng, chống rửa tiền nói riêng và phòng, chống tham nhũng nói chung, tạo thuận lợi cho công tác điều tra, truy tố và xét xử tội phạm về tham nhũng, rửa tiền. Bên cạnh đó, Luật được ban hành đúng thời điểm Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi số, hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng cũng phát triển rất mạnh mẽ, do vậy, việc Luật ra đời trong thời điểm này được giới ngân hàng, doanh



ng nghiệp và người dân đặt nhiều kì vọng sẽ giảm thiểu đáng kể các rủi ro đến từ các tội phạm công nghệ³. Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 có kết cấu bao gồm 4 Chương, 66 Điều, giảm 1 Chương và tăng 16 Điều so với Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, Luật quy định cụ thể, hoàn chỉnh hơn và có một số nội dung mới nổi bật sau:

Thứ nhất, về vấn đề hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền, Luật bổ sung thêm nguyên tắc có đi có lại trong việc trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin tại khoản 1 Điều 6. Theo đó, việc trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin trong hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền trong trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái với pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế. Quy định này nhằm hỗ trợ, đáp ứng linh hoạt, kịp thời các tình huống cấp thiết của thực tiễn,

tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy tìm và xử lý triệt để tội phạm rửa tiền xuyên quốc gia, đồng thời cải thiện quan hệ giữa các quốc gia, tăng cường hợp tác quốc tế trong việc phòng, chống các hành vi rửa tiền trái pháp luật, bảo đảm cho sự ổn định của thị trường tiền tệ, bảo vệ hòa bình an ninh thế giới. Bên cạnh đó, việc thực hiện nguyên tắc này cũng thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ, thiện chí của Việt Nam đối với công cuộc phòng, chống rửa tiền đối với sự an toàn của cộng đồng.

Thứ hai, Luật bổ sung tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán là đối tượng báo cáo. Theo đó, các tổ chức tài chính và tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính phải báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện hoạt động có phát sinh rủi ro về rửa tiền. Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 không có điều luật riêng về đối tượng báo cáo, chỉ quy định ở các khoản trong điều luật giải thích từ ngữ. Luật Phòng, chống rửa tiền năm

2022 quy định riêng nội dung này ở Điều 4, với hai khoản quy định cho hai đối tượng phải báo cáo. Nhà làm luật bổ sung đối tượng tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trên cơ sở luật hóa quy định về đối tượng này tại Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 87/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ) nhằm thống nhất, đồng bộ, rõ ràng, cụ thể và hoàn chỉnh các quy định pháp luật về đối tượng báo cáo, dễ dàng hơn trong quá trình áp dụng pháp luật. Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 bổ sung quy định với đối tượng cung ứng môi giới chứng khoán và bỏ quy định với các đối tượng quản lý danh mục vốn đầu tư; quản lý tiền mặt hoặc chứng khoán cho tổ chức, cá nhân khác. Đồng thời, Luật cũng sửa đổi, bổ sung tên gọi của một số hoạt động của đối tượng báo cáo như các hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kinh doanh trò chơi có thưởng... phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và nội hàm khái niệm theo khuyến nghị của tổ chức quốc tế⁴. Để bao quát cả các hoạt động có thể phát sinh trong tương lai, Chính phủ được quy định hoạt động mới phát sinh có rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo chưa được quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại khoản 3

Điều 4 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022.

Thứ ba, bổ sung quy định đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền. Theo đó, công tác đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền tại Điều 7 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 được thực hiện như sau: Định kì 5 năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và trình Chính phủ phê duyệt kết quả đánh giá, kế hoạch thực hiện sau đánh giá, việc đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền được thực hiện đối với cả hoạt động mới phát sinh có thể có rủi ro về rửa tiền; đồng thời, các bộ, ngành có trách nhiệm phổ biến kết quả trong nội bộ, cập nhật rủi ro về rửa tiền dựa trên việc triển khai kế hoạch thực hiện sau đánh giá hoặc khi có rủi ro phát sinh thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành mình gửi NHNN; trên cơ sở kết quả cập nhật rủi ro của các bộ, ngành, NHNN tổng hợp trình Chính phủ phê duyệt kết quả cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền, kế hoạch thực hiện sau cập nhật. Các vấn đề như nguyên tắc đánh giá rủi ro, tiêu chí đánh giá và phương pháp đánh giá được quy định cụ thể tại Nghị định số 19/2023/NĐ-CP. Có thể thấy, hoạt động đánh giá rủi ro có vai trò vô cùng quan trọng trong công tác phòng, chống rửa tiền. Đây là cơ hội để Việt Nam đánh giá đúng thực trạng sau một khoảng thời gian, xác định được điểm mạnh, điểm yếu,

những khó khăn, bất cập tồn tại trong cơ chế phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố của mình để từ đó có những biện pháp giải quyết phù hợp, đảm bảo sự phát triển ổn định, lành mạnh cho nền kinh tế quốc dân. Việc bổ sung quy định đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền đồng thời cũng đáp ứng khuyến nghị của FATF, đánh giá của APG tại Báo cáo đánh giá đa phương.

Thứ tư, quy định cụ thể hơn về thông tin nhận biết khách hàng trong biện pháp phòng, chống rửa tiền. Trên cơ sở kế thừa quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 sửa đổi và bổ sung tên gọi của các đối tượng khách hàng, cụ thể là: Khách hàng cá nhân có một quốc tịch là người Việt Nam, khách hàng cá nhân có một quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, khách hàng cá nhân có một quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, khách hàng cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên, khách hàng cá nhân là người không quốc tịch và khách hàng là tổ chức. Luật hiện hành đặc biệt chú trọng đến thông tin nhận diện đối tượng khách hàng là người nước ngoài, bởi trên thực tế có rất nhiều người nước ngoài sinh sống, làm việc và đầu tư ở Việt Nam, họ đến từ nhiều quốc gia khác nhau và rất khó để biết được mục đích của họ. Do đó, việc quy định rõ ràng về đối tượng này là cần thiết, chúng ta có thể kiểm soát được các giao dịch của họ, sàng

lọc, đề phòng khả năng họ thực hiện hành vi rửa tiền. Đối tượng báo cáo phải thu thập thông tin nhận dạng khách hàng, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi và mục đích, bản chất của mối quan hệ kinh doanh của khách hàng với đối tượng báo cáo. Ngoài ra, Luật còn sửa đổi các quy định về nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba trên cơ sở hoạt động kinh doanh qua giới thiệu và quy định xác minh thông tin nhận biết khách hàng thông qua việc thuê tổ chức khác. Về đối tượng là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị, Luật quy định rõ hơn trách nhiệm của đối tượng báo cáo, theo đó, đối tượng báo cáo phải rà soát các nguồn thông tin, thực hiện các biện pháp thích hợp để xác minh nguồn gốc tài sản của khách hàng và chủ sở hữu hưởng lợi và thực hiện giám sát mối quan hệ kinh doanh trong suốt quá trình giao dịch và xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ nếu cần thiết. Việc thu thập thông tin nhận biết khách hàng cần phải thực hiện đúng mục đích phục vụ cho công cuộc phòng, chống rửa tiền, ngân hàng phải đảm bảo bảo mật thông tin cho khách hàng, phải gây được lòng tin trong xã hội thì mới nhận được sự ủng hộ và hợp tác của người dân.

Thứ năm, Luật bổ sung 9 dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực trung gian thanh toán. Bên cạnh việc bổ sung tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán là đối tượng báo cáo, Luật cũng bổ sung dấu hiệu đáng

ngờ trong lĩnh vực này tại Điều 29 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022. Điều luật quy định tập trung vào hoạt động giao dịch trên ví điện tử có dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến rửa tiền như có sự thay đổi đột biến trong doanh số giao dịch trên ví điện tử, ví điện tử của khách hàng đột nhiên nhận được một khoản tiền nạp vào có giá trị lớn bất thường, các giao dịch trực tuyến qua ví điện tử liên tục thay đổi về thiết bị đăng nhập hoặc địa chỉ IP,... Hiện nay, với sự phát triển của chuyển đổi số, hầu như ai cũng sử dụng ứng dụng ví điện tử trong hoạt động hằng ngày rất thường xuyên, do đó, lĩnh vực trung gian thanh toán cũng có khả năng trở thành nơi để các tội phạm thực hiện hành vi rửa tiền. Chính vì thế, việc bổ sung thêm quy định này là phù hợp, đáp ứng với thực tiễn, giúp tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có cơ sở để theo dõi, đánh giá những hành vi có dấu hiệu đáng ngờ, nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống rửa tiền.

Thứ sáu, Luật sửa đổi một số dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực chứng khoán và lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tại Điều 30 và 31 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022. Các quy định về hai lĩnh vực này đã phần được các nhà làm luật giữ lại từ Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, chỉ sửa đổi tên gọi và bổ sung cho đầy đủ, trọn vẹn, phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể: Đối với lĩnh vực chứng khoán, Luật bổ sung hành vi “thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư chứng

khoán để chuyển tiền ra khỏi Việt Nam” tại khoản 3 Điều 31, thay dấu hiệu tại điểm b khoản 5 Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 thành dấu hiệu “nhà đầu tư nước ngoài cư trú ở quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao về rửa tiền góp vốn thành lập quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán tại Việt Nam” tại khoản 8 Điều 31; đối với lĩnh vực bảo hiểm, Luật sửa đổi tên điều khoản, thu hẹp phạm vi thành “kinh doanh bảo hiểm nhân thọ” thay vì phạm vi “kinh doanh bảo hiểm” như Luật năm 2012, đồng thời quy định kỹ hơn các dấu hiệu đáng ngờ ở lĩnh vực này. Việc sửa đổi, bổ sung các dấu hiệu này là cần thiết, đáp ứng thực tiễn về lĩnh vực chứng khoán và kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.

Nhìn chung, với một số điểm mới nổi bật và các quy định được sửa đổi, bổ sung cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 đã hoàn thiện hơn trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục được các vướng mắc, bất cập của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong công tác phòng, chống rửa tiền hiện nay. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, đáp ứng các khuyến nghị của FATF và APG và nhu cầu thực tiễn trong nước về hoạt động phòng, chống rửa tiền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ

khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong tương lai.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022

Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 được ban hành với mục đích góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống rửa tiền, xây dựng hệ thống pháp luật về phòng, chống rửa tiền phù hợp với các yêu cầu, chuẩn mực quốc tế về phòng, chống rửa tiền mà Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện trên cơ sở bảo đảm sự độc lập, tự chủ về kinh tế cũng như bảo đảm an ninh tiền tệ, an toàn tài chính quốc gia; nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền nói riêng và công tác phòng, chống tội phạm nói chung⁶. Để Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 phát huy tối đa vai trò và giá trị của mình của mình, đồng thời, để pháp luật phòng, chống rửa tiền có thể nhanh chóng đi vào cuộc sống, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi như sau:

Một là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống rửa tiền. Trên cơ sở Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, cần ban hành các nghị định, thông tư để hướng dẫn cụ thể thi hành các quy định của pháp luật, đồng thời rà soát các văn bản pháp luật hiện hành để sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy định pháp luật không còn phù hợp. Ngoài ra, cần thực hiện đánh giá hiệu quả thực thi của Luật hàng năm để



biết được mức độ ảnh hưởng và hiệu quả thực hiện của Luật trong cuộc sống, đảm bảo các quy định về hoạt động phòng chống, rửa tiền luôn cập nhật và nhận diện trong thực tiễn. Trên thực tế, dưới sự phát triển của môi trường số, số lượng tội phạm rửa tiền ngày càng nhiều, tinh vi hơn do có sự hỗ trợ từ công nghệ, quy mô xuyên quốc gia nên rất khó khăn, phức tạp trong việc truy tìm và xử lý triệt để các hành vi rửa tiền. Chính vì thế, Nhà nước cần chủ động tăng cường ngoại giao, hợp tác quốc tế về hoạt động phòng, chống rửa tiền, có mối quan hệ tốt đẹp, hài hòa với các quốc gia khác trên thế giới để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý các tội phạm rửa tiền. Đồng thời, chúng ta cũng nên tham gia ký kết các điều ước quốc tế và các tổ chức về phòng, chống rửa tiền để thể hiện trách nhiệm của Việt Nam trong công cuộc phòng, chống rửa tiền trên toàn cầu, đảm bảo sự minh bạch, an toàn cho thị trường tài chính thế giới, bảo vệ an ninh hòa bình của nhân loại.

Hai là, thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi việc tuân theo pháp luật của chủ thể trong hoạt động phòng, chống rửa tiền. Việc thực hiện các hoạt động này thường xuyên sẽ giúp chúng ta kịp thời phát hiện những hành vi đáng ngờ, có thể là nguồn gốc, mầm mống cho hành vi rửa tiền sau này, đồng thời, cũng hỗ trợ kịp thời cho các chủ thể trong trường hợp họ gặp những khó khăn trong công tác phòng, chống rửa tiền. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác thanh tra, điều tra tài chính của các ngân hàng, tổ chức tài chính, tổ chức phi tài chính,... để đảm bảo sự an toàn, minh bạch của hệ thống tiền tệ. Các chủ thể là tổ chức cần giám sát chặt chẽ, kiểm tra nội bộ, đề ra những biện pháp thiết thực nhằm nâng cao ý thức của mỗi cá nhân trong tổ chức, bởi lẽ hành vi rửa tiền có thể được thực hiện bởi người thứ ba là nhân viên của các ngân hàng, tổ chức tài chính,... hoặc biết nhưng không báo cáo, tiếp tay cho các hành vi trái pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội.

Ba là, cần tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến phòng, chống rửa tiền như NHNN (trực tiếp là Cục Phòng, chống rửa tiền - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Tổng cục Hải quan, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng nhằm nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của việc phòng, chống rửa tiền. Đồng thời, nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ, nâng cao chất lượng và trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên nhà nước trong việc thực hiện và tổ chức thực hiện pháp luật bằng cách thường xuyên tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên sâu, đào tạo ra một đội ngũ có năng lực. Muốn đưa pháp luật vào cuộc sống của người dân thì trước tiên, các cán bộ, công chức, viên chức phải là những người tuân thủ nghiêm pháp luật để nêu gương cho người dân, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với công tác phòng, chống rửa tiền nói riêng và sự phát triển của đất nước nói chung.

Cuối cùng, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân, tổ chức cùng tham gia vào công cuộc phòng, chống rửa tiền. Đấu tranh phòng, chống rửa tiền không phải là nhiệm vụ riêng lẻ của một cá nhân, một tổ chức hay chỉ riêng của Nhà nước mà là nhiệm vụ của toàn xã hội, cần sự phối hợp chặt chẽ toàn dân, các bộ, ngành và mọi lĩnh vực của nền kinh tế - xã hội. Trên thực tế, có rất nhiều người

không biết, không hiểu rửa tiền là gì và tác động xấu của hành vi này đối với sự an toàn của nền kinh tế và an ninh xã hội. Do đó, chúng ta cần phải phổ cập kiến thức về phòng, chống rửa tiền cho người dân, giúp mọi người hiểu rõ tác hại, rủi ro của rửa tiền, tài trợ khủng bố, vũ khí hủy diệt...; khuyến khích người dân tố giác tội phạm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm, đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi rửa tiền để răn đe, giáo dục nhằm phòng, chống rửa tiền, từ đó thúc đẩy một nền văn hóa tuân thủ pháp luật. Khi có sự phối hợp chặt chẽ của toàn xã hội, công cuộc phòng, chống rửa tiền sẽ phát triển mạnh mẽ và đạt hiệu quả cao.

4. Kết luận

Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 đã góp phần hoàn thiện pháp luật về phòng, chống rửa tiền, là cơ sở quan trọng để Việt Nam đàm phán, thiết lập hợp tác quốc tế về lĩnh vực phòng, chống rửa tiền với các quốc gia trên thế giới. Hoạt động phòng, chống rửa tiền được tăng cường sẽ thúc đẩy công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền, qua đó giảm thiểu các hoạt động tội phạm, gian lận thuế, tham nhũng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, tạo lập môi trường xã hội an toàn, tạo điều kiện cho hội nhập, hợp tác quốc tế⁷. Đây là một quá trình lâu dài, đòi hỏi cần phải có sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn thể xã hội, có như thế, công cuộc phòng, chống

rửa tiền mới đạt hiệu quả cao, góp phần đảm bảo sự minh bạch và toàn vẹn của hệ thống tài chính toàn cầu, bảo vệ hòa bình an ninh thế giới. ■

N.T.H-T.B.N

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022.
2. Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022.
3. Lê Anh - Vũ Hà (2022), Dự án Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi): Khắc phục thiếu hụt về cơ sở pháp lý so với các khuyến nghị của FATF (Cổng thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, truy cập ngày 01/6/2023).
4. Chí Tín (2022), Luật Phòng, chống rửa tiền: Tạo nền tảng pháp lý vững vàng cho thị trường tiền tệ hoạt động lành mạnh hơn (Trang thông tin điện tử về tài sản công, truy cập ngày 01/6/2023, <https://tai-sancong.vn/luat-phong-chong-rua-tien-tao-nen-tang-phap-ly-vung-va-ng-cho-thi-truong-tien-te-hoat-dong-lanh-manh-hon-17684.html>
5. Nguyễn Thị Minh Thor (2023), Công tác phòng, chống rửa tiền: Những dấu ấn trong năm 2022, (truy cập ngày 01/6/2023 Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn (2022), Tài liệu giới thiệu, phổ biến Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, (truy cập ngày 01/6/2023, <https://storage-vnportal.vnpt.vn/sla-ubnd/5344/Phong-tuphap2023/6.-tai-lieu-gioi-thieu-luat-phong-chong-rua-tien-nam-2022.pdf>
6. Bảo Yến (2022), Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022: Tạo cơ sở pháp lý để rà soát, đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền đối với các hoạt động mới phát sinh (Cổng thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, truy cập ngày 01/6/2023, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tinh-o-a-t-d-o-n-g-c-u-a-q-u-o-c-hoi.aspx?ItemID=71210>

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN XÃ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU BẢO ĐẢM AN NINH TRẬT TỰ TẠI ĐỊA BÀN CƠ SỞ

□ ThS. HOÀNG ANH ĐỨC *

□ ThS. LÊ THỊ THANH HẬU **

Trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, nơi cơ hội và thách thức đan xen nên yêu cầu về công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở càng trở nên cấp thiết và có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong đó, lực lượng Công an cấp xã được xác định là tuyến đầu, là lực lượng gần dân, bám địa bàn, giữ vai trò nòng cốt trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự. Chính họ là những người góp phần quan trọng vào việc giữ gìn cuộc sống bình yên, tạo nền tảng ổn định để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững. Với vai trò xung kích trong công tác xây dựng, bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay, lực lượng Công an xã trên các địa bàn cơ sở, trở thành lực lượng nòng cốt trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở.



Vượt qua những khó khăn về cơ sở vật chất, điều kiện sinh hoạt, lực lượng Công an xã tích cực bám địa bàn, bám dân, triển khai các nội dung công tác một cách nhanh chóng, toàn diện, tạo bước tiến mới trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; góp phần kiềm chế tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội. Quyết sách đưa Công an chính quy về xã dựa trên Chủ trương xây dựng lực lượng Công an xã chính quy theo tinh thần của Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trước đó,

ngày 25/10/2017, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đảng ủy Công an Trung ương đã xác định vai trò tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và đã khẩn trương ban hành Nghị quyết số 06-NQ/ĐUCA về nghiên cứu, xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời, tham mưu Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 15/3/2018 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ

*,** Học viện CSND

chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo hướng “Bộ tinh, tỉnh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở”. Có thể thấy, Chủ trương xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy là chủ trương lớn của Bộ Chính trị trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở theo tinh thần chủ động “tìm sớm, tìm xa”, “giải quyết ổn định ngay từ khi mới phát sinh, ngay tại cơ sở”; xác định bố trí Công an xã chính quy để lực lượng CAND gần dân, sát dân, nắm chắc tình hình, phục vụ Nhân dân tốt hơn, xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc, đi đôi với đổi mới phương thức hoạt động để Công an xã chính quy thực sự là chỗ dựa của Nhân dân, theo phương châm “Lúc dân cần, lúc dân khó, có Công an”. Hiện nay, lực lượng Công an xã chính quy đã cơ bản được sắp xếp, kiện toàn về tổ chức bộ máy, hoàn thiện về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, bố trí hơn 48.000 cán bộ Công an xã chính quy tại 100% xã, thị trấn trên cả nước. Tính đến năm 2024, Việt Nam trên 10 nghìn đơn vị hành chính cấp xã (gồm xã, phường, thị trấn), chiếm gần 80% diện tích cả nước. Bên cạnh đó, các loại tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật diễn biến phức tạp, tình trạng người chưa thành niên vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường, lấn chiếm đất trái phép... còn xảy ra tại địa bàn cơ sở, do đó, nếu không bám sát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm kịp thời sẽ gây ra hậu quả rất nghiêm trọng.

Nghị quyết số 22-NQ/TW cũng đã phân định rõ vị trí, phạm vi, chức năng, nhiệm vụ cơ bản của từng cấp Công an; trong đó xác định rõ “Công an xã, phường, thị trấn là Công an cấp cơ sở, thực hiện nhiệm vụ nắm tình hình, tiếp nhận, giải quyết ban đầu, tại chỗ các vấn đề về an ninh, trật tự ở cơ sở; trực tiếp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền phát động phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, hướng dẫn cho các tổ chức quần chúng trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự”. Mặt khác, việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Công an cấp cơ sở theo hướng “Xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy. Trước mắt, bố trí Công an xã chính quy tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, tiến tới thực hiện thống nhất trong toàn quốc sau khi hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan”. Như vậy, theo tinh thần Nghị quyết số 22-NQ/TW, việc xây dựng Công an cấp xã theo hướng “xã bám cơ sở” là việc xây dựng lực lượng Công an xã chính quy, đặc biệt tại các địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự; xác định đây là lực lượng có chức năng, nhiệm vụ kịp thời nắm bắt tình hình, tham mưu, giải quyết hiệu quả những vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh trật tự, không để phát sinh “điểm nóng” tại cơ sở. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng, gắn với bản chất “Nhân dân” của lực lượng Công an. Bởi Công an xã, phường, thị trấn là cấp Công an gần dân nhất, có khả năng nắm tình hình sát nhất, là lực lượng đầu tiên tiếp

nhận, nắm bắt các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự xảy ra tại các địa phương; đồng thời là đầu mối quan trọng gắn bó giữa quần chúng nhân dân với chính quyền địa phương; là đội ngũ trực tiếp triển khai, phổ biến mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước một cách kịp thời để người dân nắm bắt, thực hiện.

Trong những năm gần đây, để tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở gắn với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả với phương châm “Bộ tinh, tỉnh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở” cùng với Luật Công an nhân dân năm 2018, Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 42/NĐ-CP, ngày 31/3/2021, quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy trên địa bàn cả nước. Có thể thấy việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an xã là một trong những chủ trương mang tính đột phá chiến lược trong xây dựng lực lượng Công an nhân dân chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Với phương châm “Hướng về cơ sở, mạnh từ cơ sở”, đến nay, lực lượng Công an xã đã và đang khẳng định được vị trí, vai trò là nhân tố nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự tại cơ sở, là điểm tựa vững chắc, tạo niềm tin và để lại những ấn tượng tốt đẹp trong lòng Nhân dân.

Có thể thấy lực lượng Công an xã là lực lượng thường trực, khi Nhân dân cần, nhất là trong những lúc thiên tai, lụt bão hoặc xảy ra hỏa hoạn thì cán bộ, chiến sĩ lực lượng Công an xã luôn sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ để người dân ổn định cuộc sống. Lực lượng Công an xã là lực lượng thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân chấp hành nghiêm các quy định về phòng cháy chữa cháy, thực hiện tốt công tác quản lý cư trú, quản lý giáo dục đối tượng, không để xảy ra các điểm nóng về an ninh, trật tự, khiếu kiện đông người; giúp Nhân dân tập trung phát triển kinh tế, văn hóa xã hội; phối hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Với mục tiêu “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ” tất cả vì cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân. Những tấm lòng, sự nhiệt tình, những việc làm ý nghĩa của cán bộ Công an xã đã để lại trong lòng người dân mọi miền Tổ quốc những hình ảnh cao đẹp của người chiến sĩ Công an nhân dân, tô thắm tình đoàn kết quân dân gắn bó, xứng đáng là người chiến sĩ “Công an từ Nhân dân mà ra, vì Nhân dân phục vụ!” Những tấm gương sáng, đẹp của các đồng chí cán bộ Công an xã đã tạo ra sức lan tỏa mạnh mẽ trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, thực hiện đúng phương châm: “Thức cho dân ngủ, gác cho dân vui chơi, lấy hạnh phúc của Nhân dân là niềm vui, lẽ sống của mình”. Các đồng chí Công an xã đã thực sự trở thành điểm tựa bình yên của Nhân dân trên mọi miền Tổ quốc.

Để tiếp tục phát huy vai trò của Công an xã tại địa bàn cơ sở, cần tập trung thực hiện đồng bộ các mặt công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở, kết hợp với chú trọng nâng cao trình độ, kỹ năng, chất lượng công tác của lực lượng Công an xã góp phần tạo chuyển biến rõ nét về trật tự, an toàn xã hội, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách đối với công an xã, thị trấn và đội ngũ công an xã bán chuyên trách, tiếp tục tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở... Xây dựng lực lượng công an xã, phường, thị trấn bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ, bản chất chính là xây dựng nhân tố con người, tức là làm cho mỗi cán bộ chiến sĩ thực sự bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ.

Thời gian tới, để bảo đảm tốt an ninh trật tự, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, lực lượng Công an xã cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

Một là, luôn gắn liền với dân, gắn với phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ Quốc, xây dựng “thế trận lòng dân”, chủ động phòng ngừa tội phạm, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ; phòng ngừa từ sớm, từ xa, từ cơ sở là chính, lấy cơ sở là địa bàn trọng tâm nhằm giảm bền vững các loại tội phạm. Mỗi cán bộ chiến sĩ công an xã, phường, thị trấn cần nhận thức sâu sắc về trách nhiệm, nhiệm vụ được giao; thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện về tư

tưởng chính trị, đạo đức, lối sống văn hóa, tích cực học tập nâng cao trình độ để đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ công tác.

Hai là, đẩy mạnh công tác chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt các tiêu chí về an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới và các đề án xây dựng khu dân cư... Vận động nhân dân tích cực tham gia quản lý, giáo dục các đối tượng vi phạm tại cộng đồng dân cư; tham gia truy bắt, vận động đối tượng truy nã ra đầu thú.

Ba là, làm tốt công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh tố giác tội phạm, phát hiện cung cấp cho lực lượng Công an nhiều nguồn tin có giá trị, giúp lực lượng Công an điều tra làm rõ nhiều vụ việc liên quan đến an ninh trật tự ở cơ sở, thường xuyên tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm soát công khai tại các địa bàn phức tạp về trật tự an toàn xã hội.

Bốn là, thường xuyên đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong cộng đồng dân cư giúp người dân hiểu biết quyền và nghĩa vụ khi tham gia các quan hệ xã hội, quyền và nghĩa vụ pháp lý trong đấu tranh, phòng chống tội phạm do nguyên nhân xã hội, giáo dục pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực, xâm phạm nhân thân; định hướng người dân nhất là đối với tầng lớp thanh niên ứng xử phù hợp với đạo đức truyền thống của người Việt Nam, lên án những hành vi thiếu văn hóa, vi phạm pháp luật.



Năm là, tập trung rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự; bổ sung, sửa đổi hệ thống quy chế, quy trình công tác. Nâng cao chất lượng của Tổ thường trực “Một cửa” tại Công an các cấp, công khai, hướng dẫn nội dung quy định, lệ phí thực hiện tại nơi tiếp công dân và Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh;

Sáu là, tăng cường công tác thanh tra, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo; chủ động làm tốt công tác phòng ngừa xã hội, bảo đảm tốt an ninh trật tự ở địa phương.

Bảy là, hoàn thiện thể chế nhằm củng cố và tăng cường vị trí pháp lý, vai trò của công an xã chính quy trong hệ thống chính trị ở cơ sở, từng bước nâng cao chất lượng công an xã chính quy; chuẩn hóa các mặt công tác của Công an xã.

Tám là, tăng cường sự phối hợp, gắn kết chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị chức năng trong và

ngoài lực lượng Công an; huy động sự hỗ trợ của Ủy ban nhân dân mở rộng các nguồn kinh phí, đầu tư cơ sở, vật chất, kỹ thuật, phương tiện cho lực lượng Công an xã.

Chín là, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tự đào tạo cho đội ngũ Công an xã, Điều tra viên bố trí tại Công an cấp xã có kiến thức pháp luật, có nghiệp vụ điều tra theo hướng chuyên sâu, cầm tay chỉ việc. Ưu tiên bố trí các đồng chí là điều tra viên có năng lực, kinh nghiệm làm Trưởng Công an xã, Phó Công an xã (phụ trách phòng chống tội phạm) nhằm nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, phân loại, xác minh tin báo tố giác về tội phạm. Chủ động khắc phục mọi khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vì lợi ích chung; trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng sẵn sàng chấp nhận gian khổ, hy sinh vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân. Thực hiện đúng

phương châm: “lúc dân cần, lúc dân khó, có Công an”; “thức cho dân ngủ ngon, gác cho dân vui chơi, lấy hạnh phúc của nhân dân làm niềm vui, lẽ sống của mình”. Mỗi cán bộ chiến sĩ Công an xã, phường, thị trấn phải am hiểu về chính trị, nắm vững về pháp luật, sắc bén về nghiệp vụ, nêu cao ý thức “tự học, tự rèn”, làm tốt công tác tuyên truyền, công tác phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, công tác dân vận, là chỗ dựa thực sự vững chắc của Nhân dân.

Có thể nói, từ đồng bằng đến miền núi, từ đô thị đến nông thôn, lực lượng Công an xã đã và đang trở thành mũi nhọn trong phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm, không chỉ dựa vào bản lĩnh nghiệp vụ, họ còn biết huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và người dân để tạo nên “lá chắn vững chắc” hiệu quả trong công tác giữ gìn sự bình yên từ cơ sở.■

H.A.Đ-L.T.T.H

MUA BÁN, SỬ DỤNG TRÁI PHÉP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ TRONG CÁC VỤ ÁN KINH TẾ, THAM NHŨNG - MỘT SỐ THỦ ĐOẠN PHỔ BIẾN CỦA TỘI PHẠM VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN

□ TS. MAI THỊ LỆ QUYÊN *

Tóm tắt: Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ, kể từ ngày 01/7/2022, toàn bộ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện hóa đơn điện tử. Hệ thống hóa đơn điện tử đã vận hành ổn định, thông suốt 24/7 và đem lại lợi ích thiết thực cho người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình hình mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn điện tử vẫn đang có chiều hướng diễn biến ngày một phức tạp; và là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự phức tạp của tình hình về tội phạm kinh tế, tham nhũng, buôn lậu; đòi hỏi các cơ quan chức năng, mà chủ công là lực lượng Công an nhân dân cần nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác đấu tranh.

Từ khóa: Hóa đơn điện tử, tội phạm, Công an nhân dân

* Học viện CSND

Đặt vấn đề: Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ tại Việt Nam, hóa đơn điện tử trở thành công cụ quan trọng trong quản lý thuế và hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, cùng với đó là sự gia tăng đáng báo động của tội phạm mua bán trái phép hóa đơn điện tử. Bài viết này phân tích một số thủ đoạn phổ biến nhằm mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn điện tử trong các vụ án kinh tế, tham nhũng; nguyên nhân, từ đó đề xuất các giải pháp của lực lượng Công an nhân dân nhằm đấu tranh phòng, chống hiệu quả hơn.

Hóa đơn điện tử là chứng từ kế toán thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập bằng phương tiện điện tử để ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế, bao gồm cả trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. Trên cơ sở Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn,

chứng từ, kể từ ngày 01/7/2022, toàn bộ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện hóa đơn điện tử. Việc triển khai hệ thống hóa đơn điện tử giúp tiết kiệm chi phí phát hành, lưu giữ hóa đơn; thuận tiện trong khâu đối chiếu, rà soát, kiểm tra việc kê khai thuế, hoàn thuế... góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế; đồng thời còn nhằm góp phần phòng, chống mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn, gian lận thuế.

Tuy nhiên, lợi dụng sự thông thoáng của cơ chế, chính sách, vẫn còn một số đối tượng thành lập doanh nghiệp để mua, bán và sử dụng hóa đơn điện tử bất hợp pháp, hoặc có các hành vi gian lận khi sử dụng hóa đơn điện tử để chiếm đoạt tiền ngân sách nhà nước. Các đường dây mua bán trái phép hóa đơn của các đối tượng không chỉ bán hóa đơn cho các doanh nghiệp để trốn thuế, lừa đảo chiếm đoạt tiền hoàn thuế, mà còn xuất bán cho các doanh nghiệp nhằm tạo doanh số để vay tiền ngân hàng, phát

hành trái phép, chuyển tiền trái phép qua biên giới, hoặc các doanh nghiệp Nhà nước dùng để hợp thức hóa chứng từ nhằm thực hiện các hành vi tham nhũng.

Theo thống kê từ Tổng cục Thuế (2023), từ khi bắt buộc sử dụng HĐĐT toàn quốc, số vụ phát hiện liên quan đến sử dụng hóa đơn bất hợp pháp tăng 42% so với năm liền trước. Đến nay, cơ quan thuế đã tiếp nhận và xử lý gần 7,2 tỷ hóa đơn (gồm hơn 2 tỷ hóa đơn có mã và gần 5,2 tỷ hóa đơn không mã).

Trong những năm qua, lực lượng Công an đã phát hiện, khởi tố hàng trăm vụ, triệt phá nhiều đường dây hoạt động với quy mô lớn, tập trung chủ yếu tại một số địa bàn Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bắc Ninh, Phú Thọ, Thanh Hóa, Đồng Nai, Bình Dương... gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước hàng nghìn tỷ đồng. Thực tế các vụ án điển hình cho thấy, một số thủ đoạn mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn điện tử phổ biến trong các vụ án mà các đối tượng thường sử dụng như:

- Giả mạo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp: Thủ tục đăng ký doanh nghiệp (bao gồm đăng ký mới và thay đổi thông tin) hiện nay rất đơn giản, thuận lợi. Theo đó, giấy tờ pháp lý của cá nhân đại diện pháp luật hoặc chủ sở hữu chỉ cần một trong ba loại là bản sao (không quy định phải công chứng, chứng thực) chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu. Cùng với đó, khi thực hiện hồ sơ nộp điện tử, cá nhân không phải đến cơ quan đăng ký kinh

doanh, các giấy tờ pháp lý nộp kèm theo là bản scan. Hiện nay, hệ thống đăng ký kinh doanh chưa tự động kiểm soát dữ liệu nên xảy ra nhiều trường hợp có dấu hiệu sử dụng giấy tờ pháp lý của cá nhân không phù hợp khi đăng ký doanh nghiệp. Đáng chú ý, các đối tượng có thể kê khai thông tin đăng ký doanh nghiệp không chính xác; cá nhân đăng ký nhiều doanh nghiệp, sau đó bỏ địa điểm kinh doanh để thành lập doanh nghiệp khác với mục đích mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp...

- Doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký: Các doanh nghiệp thành lập với mục đích gian lận về hóa đơn thường chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn khoảng hơn 1 năm đến 2 năm sau đó tạm ngừng hoặc dừng hoạt động nhưng không làm thủ tục với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế để tránh thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng. Khi cơ quan thuế đưa vào danh sách thanh tra, kiểm tra thì doanh nghiệp đã làm thủ tục tạm ngừng hoạt động hoặc không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký.

Cá nhân khi tham gia thành lập doanh nghiệp mới, cá nhân quản lý doanh nghiệp mới thành lập đồng thời đã tham gia thành lập doanh nghiệp, quản lý doanh nghiệp hiện đã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, có vi phạm pháp luật về thuế nhưng chưa có chế tài kiểm soát, ngăn chặn.

Luật Doanh nghiệp hiện hành quy định về thành lập

doanh nghiệp rất thông thoáng để khuyến khích doanh nghiệp thành lập và hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp cho nền kinh tế và cho xã hội. Tuy nhiên, nhiều cá nhân chủ doanh nghiệp hoặc đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, cổ đông góp vốn của doanh nghiệp vi phạm pháp luật, sau đó tiếp tục đăng ký hoặc tham gia thành lập các doanh nghiệp mới trong khi doanh nghiệp cũ của các cá nhân này đang vi phạm pháp luật về thuế (bỏ địa điểm kinh doanh, mua bán hóa đơn bất hợp pháp...), vi phạm pháp luật về đăng ký kinh doanh (giải thể chỉ nộp hồ sơ đến cơ quan thuế không nộp đến cơ quan đăng ký kinh doanh), nợ thuế lớn hoặc nợ thuế trong thời gian dài. Hiện chưa có quy định để gắn trách nhiệm cá nhân này với các hậu quả kinh tế, trong đó có lĩnh vực thuế do các doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh gây ra.

- Người nộp thuế có thay đổi thông tin đăng ký thuế làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp nhiều lần kể từ khi thành lập: Để trốn tránh sự kiểm tra, phát hiện của cơ quan Thuế và các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp thường xuyên chuyển địa điểm; cá nhân sinh sống ở địa bàn này hoặc có địa điểm kinh doanh ở địa bàn này nhưng trụ sở chính của doanh nghiệp ở các địa bàn khác nơi sinh sống, kinh doanh... Địa điểm kinh doanh không có thật hoặc hợp đồng thuê nhà giả mạo để đăng ký địa điểm kinh doanh; cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế chưa có thông tin kiểm

soát địa điểm kinh doanh có đúng địa chỉ đăng ký hay không. Một thủ đoạn khác đó là thay đổi thông tin người đại diện pháp luật bằng hình thức “mua lại doanh nghiệp” đã thành lập nhưng không hoạt động trên thực tế hoặc hoạt động cầm chừng không hiệu quả để thực hiện các hành vi mua bán hóa đơn.

- Người nộp thuế đăng ký tạm ngừng, khôi phục tạm ngừng nhiều lần: Trên thực tế, hiện đã có nhiều doanh nghiệp trong thời gian tạm ngừng kinh doanh đã không chấp hành các quyết định, thông báo của cơ quan quản lý thuế về đơn đốc thu nợ, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế... Đa số các doanh nghiệp không chấp hành này sau khi hết thời gian đăng ký tạm ngừng kinh doanh đều thực hiện bỏ địa chỉ kinh doanh mà không khai báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thành lập doanh nghiệp mới tiếp tục vi phạm pháp luật.

- Lợi dụng các kẽ hở của quy định về xuất hoá đơn chứng từ, các đối tượng mua bán lòng vòng qua nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh để không phải xuất hoá đơn khi bán hàng, không ghi nhận doanh thu để trốn thuế thu nhập doanh nghiệp. Hiện nay, các quy định về trình tự thủ tục, nội dung hình thức của hoá đơn điện tử được quy định khá chi tiết, đầy đủ trong từng trường hợp cụ thể. Tuy nhiên các đối tượng thường không chấp hành đầy đủ các quy trình, hoặc lợi dụng chính sách thông thoáng,

ưu tiên của Nhà nước đối với người nông dân, hộ kinh doanh cá thể... để “lách luật”, mua bán lòng vòng để không phải xuất hoá đơn khi bán hàng, không phải ghi nhận doanh thu, bỏ ngoài sổ sách, với mục đích trốn các loại thuế phải nộp.

Tình trạng trên bắt nguồn từ một số khó khăn, vướng mắc cơ bản sau:

- Một là, Luật quản lý thuế hiện hành tháo bỏ trách nhiệm của cán bộ thuế đối với vi phạm của doanh nghiệp; việc xem xét trách nhiệm của công chức thuế trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp không phát hiện vi phạm nhưng sau đó cơ quan điều tra phát hiện khởi tố; dẫn đến phát sinh một số trường hợp cán bộ công chức thuế thông đồng, tiếp tay, bảo kê cho doanh nghiệp vi phạm, hướng dẫn, thông báo cho doanh nghiệp khi cơ quan Công an thu thập thông tin về hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp từ đó gây khó khăn cho việc điều tra, xác minh.

- Hai là, việc triển khai kê khai thuế điện tử qua trang web đã mang lại nhiều hiệu quả cho người nộp thuế trong việc tiết kiệm thời gian, chi phí và đồng thời cũng giúp cơ quan thuế lý một cách chặt chẽ và hiệu quả nhưng đồng thời cũng tạo ra khó khăn cho việc thu thập thông tin, yếu tố bí mật trong giai đoạn trình sát của cơ quan Công an do người có thể tiếp cận khai thác hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp rất hạn chế. Mặt khác thông tin về người nộp thuế được bảo mật theo quy định tại Điều 99 Luật Quản lý thuế nên việc thu thập thông

tin và bảo mật trong giai đoạn trình sát của cơ quan Công an gặp khó khăn.

- Ba là, việc thu thập tài liệu chứng cứ để làm căn cứ khởi tố hành vi “Mua bán trái phép hóa đơn” gặp nhiều khó khăn vì quá trình các doanh nghiệp kinh doanh, việc thực hiện hành vi phạm tội thường diễn ra trong thời gian dài, liên quan đến nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là liên quan đến các cơ quan nhà nước, các ngân hàng thuộc các chi nhánh khác nhau, trong khi đó pháp luật hiện hành chưa có quy định rõ về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thuế với các cơ quan tiến hành tố tụng nên việc xác minh, thu thập tài liệu còn kéo dài thời gian.

Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm lợi dụng thủ đoạn mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn điện tử trong các vụ án kinh tế, tham nhũng, trong thời gian tới, lực lượng Công an nhân dân cần tiếp tục thực hiện tốt các mặt công tác sau:

- Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý là nền tảng quan trọng nhất để phòng ngừa và xử lý hiệu quả tội phạm mua bán hóa đơn điện tử. Trong môi trường số, việc xác định hành vi phạm tội đòi hỏi hệ thống pháp luật phải không chỉ rõ ràng, minh bạch mà còn có khả năng thích ứng nhanh với các biến đổi công nghệ.

- Ứng dụng giải pháp công nghệ AI trong công tác phân tích số liệu về chủ thể người bán, người mua; sự thay đổi về giá trị hóa đơn, số lượng hóa đơn; các thay đổi về mặt

hàng... Nhanh chóng xây dựng các bộ chỉ tiêu số, xây dựng các ngưỡng cảnh báo phù hợp đặc thù theo từng lĩnh vực ngành nghề hoạt động, vùng miền địa lý hoạt động... giúp phòng chống vi phạm và tội phạm về hóa đơn hiệu quả. Sử dụng các công nghệ theo dõi giám sát tự động để ngăn chặn, xử lý nhanh tình trạng rao bán hóa đơn trên môi trường internet. Nghiên cứu nâng cấp Ứng dụng phân tích thông tin người nộp thuế, đánh giá rủi ro của Tổng Cục thuế, hướng tới phân tích đánh giá, phân loại rủi ro đối với các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp xuất khẩu làm dịch vụ uỷ thác xuất khẩu, các doanh nghiệp kinh doanh thu mua nông sản có sử dụng bảng kê 01 để kê khai thuế.

- Tăng cường phối hợp, quản lý dữ liệu quốc gia về dân cư, hóa đơn điện tử, xây dựng cơ chế cung cấp thông tin tự động, dễ dàng về hóa đơn điện tử, về người đại diện pháp luật doanh nghiệp giữa Bộ Công an và Bộ Tài Chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư và các cơ quan ban ngành khác ngoài việc xác thực thông tin thì có thể cung cấp các thông tin chi tiết phục vụ cho các công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, điều tra và thống kê trong điều hành kinh tế vĩ mô.

Cần thiết phải có sự kết nối liên thông với hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư để giúp cho các lực lượng chức năng dễ dàng truy nguyên được con người thật đã đăng ký thành lập doanh nghiệp để xuất bán trái phép hóa đơn điện tử. Từ đó xử

lý nghiêm tạo sức răn đe trong phòng ngừa tội phạm. Về hành lang pháp lý: Song song với các giải pháp công nghệ phải tập trung xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bắt buộc các cơ quan, cán bộ quản lý, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh phải thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử khi đã ban hành các giải pháp về khoa học công nghệ. Đồng thời có chế tài xử lý nghiêm hành vi vi phạm để nâng cao trách nhiệm của cơ quan, cán bộ quản lý cũng như người sử dụng hóa đơn điện tử.

- Tăng cường công tác nghiệp vụ cơ bản, từ đó kịp thời nhận diện các hiện tượng vi phạm về lĩnh vực thuế, hóa đơn điện tử để tập trung đấu tranh xử lý nghiêm theo quy định pháp luật, kịp thời tham mưu, kiến nghị các cơ quan, ban, ngành bịt kín sơ hở thiếu sót không để tội phạm lợi dụng hoạt động.

- Tiếp tục kiên trì và không ngừng đổi mới nội dung, hình thức công tác tuyên truyền để kịp thời thông tin cảnh báo sớm, truyền thông sâu rộng và liên tục về hành vi gian lận, mức chế tài liên quan đến các hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật liên quan đến thuế và hóa đơn; nghiên cứu hình thức công khai danh sách doanh nghiệp, tổ chức vi phạm về mua bán hóa đơn định kì trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền.

- Tăng cường phối hợp với các ngành chức năng liên quan như: Thuế, Ngân hàng, Thông tin truyền thông.... để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý

những đối tượng, doanh nghiệp có biểu hiện nghi vấn bán hóa đơn, sử dụng các tài khoản ngân hàng, số điện thoại, mạng xã hội để mua bán trái phép hóa đơn

- Tăng cường trang bị các thiết bị khoa học hiện đại cho các lực lượng trinh sát, điều tra. Thường xuyên mở các lớp tập huấn chuyên sâu nâng cao trình độ, hiểu biết cho cán bộ chiến sỹ để kịp thời phát hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và về mua bán trái phép hóa đơn nói riêng.

Hóa đơn điện tử là một bước tiến quan trọng trong nỗ lực hiện đại hóa hệ thống thuế tại Việt Nam, góp phần minh bạch hóa giao dịch và giảm thiểu gian lận thuế. Tuy nhiên, việc chuyển từ hóa đơn giấy sang hóa đơn điện tử cũng tạo ra những khoảng trống pháp lý và kỹ thuật, trở thành điều kiện thuận lợi cho các đối tượng lợi dụng để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn. Loại hình tội phạm này không chỉ gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước mà còn làm suy giảm niềm tin của xã hội vào công tác quản lý thuế. Do đó, trong thời gian tới, lực lượng Công an nhân dân cần tiếp tục chủ động thực hiện tốt các mặt công tác nhằm đấu tranh phòng, chống hiệu quả hơn nữa đối với tội phạm kinh tế, tham nhũng lợi dụng việc mua bán hóa đơn điện tử để thực hiện hành vi phạm tội; góp phần giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. ■

M.T.L.Q

NHẬN DIỆN ÂM MƯU LỢI DỤNG LÔI KÉO, KÍCH ĐỘNG TẬP TRUNG ĐỒNG NGƯỜI, BIỂU TÌNH GÂY RỐI AN NINH TRẬT TỰ NHẪM KÍCH ĐỘNG “CÁCH MẠNG MÀU” TẠI VIỆT NAM

□ ThS. NGUYỄN VŨ LINH *

“Cách mạng màu” là một trong những thủ đoạn vô cùng nguy hiểm nằm trong âm mưu diễn biến hòa bình mà các thế lực thù địch đã và đang thực hiện, một trong những mục tiêu của âm mưu này là lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa.

Thời gian gần đây, các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước triệt để lợi dụng vấn đề khiếu nại, tố cáo, tôn giáo, dân tộc, các vấn đề nhạy cảm về chính trị, kinh tế - xã hội... trên thế giới, khu vực và trong nước để tuyên truyền, kích động, lôi kéo người dân tham gia tụ tập đông người, biểu tình gây mất an ninh, trật tự và thậm chí độc hơn là phát triển thành bạo loạn theo kịch bản “cách mạng màu” nhằm lật đổ chính quyền, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trước hết, để nhận diện âm mưu kích động “cách mạng màu”, chúng ta cần phải nhận định “cách mạng màu” là gì?

* Học viện CSND

“Cách mạng màu” (tiếng Anh là: “colour revolution”) là thuật ngữ chỉ các cuộc bạo lực chính trị có tổ chức, chính biến phi vũ trang ở quốc gia có chủ quyền nhằm lật đổ nhà nước đương nhiệm, gây ra khủng hoảng chính trị bằng phương thức bất bạo động, có sự kết hợp giữa những kẻ chủ mưu trong nước và thế lực bên ngoài, thông qua cái gọi là “giương cao ngọn cờ dân chủ”, lôi kéo người dân tuần hành, biểu tình, bạo loạn lật đổ.

“Cách mạng màu” đang trở thành nguy cơ đối với các nước xã hội chủ nghĩa. Những thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch với nước ta thời gian qua đang hiện hữu những biểu hiện mạnh mẽ màu sắc của “cách mạng màu”. Âm mưu của các thế lực thù địch là tác động đến các lĩnh vực của đời sống, trực tiếp và gián tiếp đến chính trị, kinh tế, văn hoá ở nước ta... Mục tiêu của chúng là kích động, gây mất trật tự xã hội, gây bất ổn, xung đột, tạo điểm nóng ở một số nơi và thổi nóng các mâu thuẫn trong một bộ phận quần chúng nhân dân... Thông qua các hình thức bình luận chuyên đề, hội luận, họ lồng ghép ý đồ xuyên tạc, bịa đặt,

bóp méo lịch sử, bôi nhọ lãnh tụ dân tộc và vai trò lãnh đạo của Đảng, tiến tới kích động bạo loạn, biểu tình tại Việt Nam. Các trang như Việt Tân hay Chân trời mới Media, thì tung hứng kiểu “Liệu Việt Nam có giống như Venezuela”; “chúc mừng người dân Bangladesh thay đổi chế độ độc tài, bao giờ tới Việt Nam”...

Nhưng với thủ đoạn thâm độc đi ngược lại xu thế phát triển của đất nước, ước nguyện hòa bình, mưu cầu hạnh phúc của dân tộc Việt Nam, các thế lực “cách mạng màu” thù địch, xét lại, cơ hội chính trị đã cố tình bôi đen, xuyên tạc, phủ nhận sự thật lịch sử, tuyên truyền sai lệch nhằm làm cho một bộ phận quần chúng thiếu hiểu biết về lịch sử dân tộc, nhất là giới trẻ hoài nghi, phai nhạt niềm tin đối với Đảng, chia rẽ Đảng với Nhân dân, làm suy yếu, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Qua những cuộc biểu tình, bạo loạn, xung đột vũ trang theo hướng “cách mạng màu” nói trên, chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng, chính không gian mạng là một trong những phương tiện



truyền thông quan trọng được các thế lực thù địch và các đối tượng chống đối triệt để lợi dụng nhằm tung tin xuyên tạc, kêu gọi, tổ chức tập hợp người dân, ban đầu là theo các phong trào đường phố, tiến tới đi đến bạo loạn, tấn công lực lượng cảnh sát, quân đội, gây tê liệt, sụp đổ chính quyền. Từ đó, các thế lực thù địch dựng lên những chính quyền tay sai không có quyền lực thực tế hoặc đất nước bị xâu xé bởi những phe phái chính trị, vũ trang sắc tộc, tôn giáo... Tại Việt Nam, từ lâu các thế lực thù địch cũng đã triệt để lợi dụng không gian mạng nhằm thực hiện âm mưu “cách mạng màu” và đã gây ra một số vụ việc phức tạp, gây rối an ninh, trật tự. Điều dễ nhận thấy là các hoạt động của các thế lực thù địch, các tổ chức phản động lưu vong và đối tượng chống đối đều thể hiện có mục tiêu tôn chỉ được tổ chức khá chặt chẽ, bài bản. Lợi dụng những vấn đề nóng trong đời sống xã hội như: ô nhiễm môi trường, khiếu kiện đất đai, chủ quyền biển đảo, các đối tượng đưa ra các thông tin sai trái, xuyên tạc “chính quyền đàn áp dân”, từ đó kêu gọi tụ tập gây rối, biểu tình, bạo loạn, đập phá trụ sở, tài sản, tấn công Cảnh sát, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, phá hoại sự ổn định phát triển đất nước. Hầu hết các tổ chức phản động đều xây dựng tài khoản mạng xã hội tổ chức thành hệ thống các kênh truyền thông, chỉ đạo chặt chẽ từ bên ngoài thông qua các phần tử chống phá bên trong. Với những hoạt động chống phá thời gian qua của các thế lực thù



địch, các tổ chức phản động lưu vong và đối tượng chống đối có thể nhận thấy các chiêu trò, thủ đoạn như: xuyên tạc phá hoại nền tảng tư tưởng, xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; gây mâu thuẫn nội bộ, công kích, bôi nhọ và hạ uy tín các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; thông qua truyền thông mạng xã hội để kêu gọi, kích động biểu tình, gây mất an ninh, trật tự an toàn xã hội. Đối tượng mà các thế lực thù địch, các tổ chức phản động lưu vong nhắm đến là số đối tượng chống đối trong nước, những người có định kiến với Đảng, Nhà nước, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đồng thời, các tổ chức phản động tuyên truyền, lôi kéo người dân tham gia vào các hội nhóm do chúng lập ra; thâm nhập vào các diễn đàn, mạng xã hội, nhất là đối với giới trẻ để phát hiện, tập hợp lực lượng, xây dựng ngọn cờ, tiến tới hình thành và công khai hóa tổ chức núp dưới danh nghĩa các tổ chức xã hội dân sự hay tổ chức phản biện xã hội.

Thực tế từ các cuộc “cách mạng màu” ở một số quốc gia Đông Âu và Trung Đông, Bắc Phi trong thời gian qua, có thể nhận thấy, những nước xảy ra “cách mạng màu” thì đa phần các quốc gia đó vẫn chìm trong xung đột kéo dài, với các hình thức bạo loạn lật đổ mang tính manh động, thiếu kiểm soát thì những mâu thuẫn về dân tộc và tôn giáo càng bị khoét sâu, trầm trọng hơn. Bên cạnh đó, sự can dự từ bên ngoài của các nước lớn với những mưu đồ chính trị riêng, điều mà tầng lớp dân nghèo và người lao động khó có thể tiếp cận để hiểu rõ đã làm méo mó, biến dạng các mục tiêu ban đầu của các cuộc nổi dậy. Truyền thông và mạng xã hội cũng được cho là một tác nhân tiêu cực cả trước, trong và sau các vụ bạo loạn, lật đổ, khiến tình hình ngày càng trở nên mất kiểm soát, ngoài mong muốn của phần đa những người từng tham gia biểu tình, bạo loạn, lật đổ trước đây.

Thời gian qua, một số tổ chức phản động thường đội lốt “dân chủ”, “nhân quyền”, “xã

hội dân sự” để kêu gọi, cấu kết lực lượng thực hiện ý đồ chống phá Đảng, Nhà nước tại Việt Nam. Hành vi của chúng đã gây tác động tiêu cực đến đời sống chính trị, xã hội nước ta, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự. Các tổ chức này tìm cách móc nối, tuyển chọn một số thanh niên trong nước đưa ra nước ngoài đào tạo nhưng thực chất là để tập hợp lực lượng, kích động bạo loạn, biểu tình trong nước, gây dựng các tổ chức chính trị đối lập.

Có thể nêu một số vụ việc điển hình sau: năm 2016, dưới danh nghĩa bảo vệ môi trường sau sự cố môi trường biển do công ty Formosa gây ra, các đối tượng đã kích động một số cuộc tụ tập đông người có hành vi bạo lực vi phạm pháp luật dưới chiêu bài “vì môi trường, chống Công ty Formosa Hà Tĩnh. Năm 2018, một kịch bản thâm độc lại lặp lại khi các thế lực thù địch lợi dụng cái cớ là phản đối dự thảo luật đặc khu tại một số tỉnh, thành phố, đặc biệt tại tỉnh Bình Thuận xảy ra vụ việc các phần tử xấu hô hào gọi là “Hoạt động phản đối Dự thảo Luật Đặc khu” nhằm lôi kéo kích động người dân tụ tập đông người trái phép, gây rối an ninh, trật tự, chống người thi hành công vụ, cố ý huỷ hoại tài sản, đập phá trụ sở cơ quan công quyền, tài trợ kinh phí, hô hào gây rối, xúi giục xuống đường thậm chí là bạo loạn chính trị là những thủ đoạn nhem nhuốc để giật dây, gây rối hòng phá hoại Luật Đặc khu và Luật An ninh mạng. Năm 2019, tổ chức khủng bố “Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời” có



trụ sở tại Mỹ do đối tượng Đào Minh Quân (quốc tịch Mỹ) cầm đầu đã lôi kéo những người nhẹ dạ cả tin bằng cách tổ chức chiến dịch trung cầu dân ý, “vẽ” ra nhiều dự án cùng những lời hứa hẹn sẽ cấp đất, xây nhà để đánh vào lòng tham của một số người nhẹ dạ, thiếu hiểu biết; đối lại những ai đăng ký nhận hỗ trợ sẽ phải tham gia “trung cầu dân ý” thể hiện quan điểm chống đối chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Vì miếng bánh vẽ không có thật đã làm cho nhiều người dính bẫy cứ chờ đợi trong hi vọng và vướng vào vòng lao lý.

Các hành động trên là điều kiện để các thế lực thù địch, phản động lợi dụng tuyên truyền, xuyên tạc chống phá chính quyền, gây mất an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Hậu quả, hệ lụy dẫn đến là phải chịu xử lý theo quy định của pháp luật tại Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) về các tội như: “Lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức, cá nhân (Điều 331) “Gây rối trật tự công cộng”

(Điều 3), “Tội chống người thi hành công vụ” (Điều 330).

Do đó mọi công dân cần nghiên cứu nắm vững các quy định của pháp luật để thực hiện các quyền của mình như: Quyền về khiếu nại, tố cáo (Luật khiếu nại năm 2011, Luật tố cáo năm 2018); Quyền tập trung đông người ở nơi công cộng (Nghị định 38/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính Phủ). Đồng thời, không để lòng yêu nước của mình bị các thế lực thù địch, phản động, chống đối lợi dụng chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Đảng ta đã xác định, “diễn biến hòa bình” là một trong bốn nguy cơ chúng ta cần giải quyết. Đại hội XII xác định, cần “chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, an ninh

mạng”. Theo đó, Đảng ta xác định “củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng”.

Để ngăn chặn nguy cơ “cách mạng màu”, trước hết chúng ta cần phải nhận rõ những yếu tố chủ quan, để người dân tin và không bị các thế lực thù địch lôi kéo.

Về an ninh chính trị: cần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Để lấy lại và tăng cường niềm tin của Nhân dân, cần phải giải quyết tận gốc tình trạng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, xa dân, tham nhũng. Cần tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, bảo đảm thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là ở những vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa - những vùng dễ bị kẻ địch tấn công. Chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, khắc phục kịp thời nguy cơ phân hóa, mâu thuẫn, chấn chỉnh các biểu hiện suy thoái, phai nhạt lý tưởng và xử lý nghiêm minh các hành vi sai trái, lạm dụng chức quyền, tham nhũng, đi ngược lại lợi ích của Nhân dân.

Về hoạch định và tổ chức thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc: cần chủ động dự báo những tình huống chiến lược về quốc phòng - an ninh có thể xảy ra; tích cực “bảo vệ Tổ quốc từ xa”, chủ động phòng ngừa, sớm phát hiện, ngăn chặn mọi nguy cơ từ bên ngoài để triệt tiêu những yếu tố bất lợi có thể dẫn

đến nguy cơ xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ.

Về lĩnh vực an ninh - quốc phòng: cần thực hiện chỉ đạo của Đảng, Nhà nước ta về “xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc” với lực lượng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, có sức chiến đấu cao; đồng thời xây dựng lực lượng dự bị hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Cần chủ động, phát hiện, ngăn chặn kịp thời mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản bác những thông tin, luận điệu sai trái; kiên quyết đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Về an ninh kinh tế: cần tiếp tục hoàn thiện “thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Cần kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng với bảo đảm công bằng xã hội. Thực hiện xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động. Cần ngăn ngừa và kiên quyết chống tình trạng “lợi ích nhóm” trong quá trình phát triển, xâm phạm lợi ích của đất nước, của nhân dân.

Về hợp tác quốc tế: tăng cường hợp tác quốc tế trên nhiều phương diện là một trong những điều kiện thuận lợi để chúng ta nâng cao vị thế quốc gia, cũng đồng thời ngăn chặn những âm mưu và hoạt động thù địch. Tăng cường hợp tác,

mở rộng giao lưu thông qua các diễn đàn đa phương cũng hỗ trợ cuộc đấu tranh với các đối tượng, tổ chức chống phá từ bên ngoài. Trong quá trình hội nhập kinh tế, còn cần hạn chế những mặt trái của toàn cầu hóa, giữ vững độc lập tự chủ trong phát triển, không để rơi vào tình trạng lệ thuộc về kinh tế.

Hiệu bản chất của “cách mạng màu” là điều hết sức quan trọng để mỗi người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ Việt Nam ngày hôm nay hiểu được giá trị vĩ đại của các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và sự nghiệp đổi mới. Đó cũng là cơ sở để giới trẻ không bị mơ hồ, ảo tưởng bởi những luận thuyết kêu gọi cách mạng đường phố, phản kháng phi bạo lực, xúi giục đấu tranh đòi lật đổ chế độ mà kẻ địch rêu rao “vì tương lai tốt đẹp”. Vì vậy, việc ngăn chặn, đẩy lùi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, phản động lợi dụng lôi kéo, kích động tập trung đông người, biểu tình gây rối an ninh trật tự nhằm kích động “cách mạng màu” là vấn đề cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Do đó, để ngăn chặn nguy cơ “cách mạng màu” ở Việt Nam, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh mới hiện nay như sau:

Thứ nhất, nâng cao cảnh giác, nhất là đối với giới trẻ, góp phần phòng ngừa, vô hiệu hoá âm mưu thực hiện “cách mạng màu”. Đặc biệt, quan tâm đến công tác tuyên truyền với sinh viên, thanh niên, trí thức - đây

là lực lượng chiếm tỉ lệ đông đảo trong các cuộc biểu tình của “cách mạng màu” đã xảy ra ở nhiều nước trên thế giới. Vì vậy, các tổ chức chính trị, xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam... cần đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, cảnh báo để thanh niên, sinh viên hiểu rõ âm mưu và bản chất của “cách mạng màu”, tránh xa các tổ chức đội lốt xã hội dân sự, các phong trào mạo danh “yêu nước” nhưng thực chất là kêu gọi tụ tập, gây rối an ninh, trật tự. Thông qua các diễn đàn trên các mạng xã hội với nhiều hình thức phong phú để thu hút cộng đồng trẻ tham gia, tại các diễn đàn đó, cần cung cấp thường xuyên dưới nhiều hình thức hấp dẫn như hỏi - đáp, thi tìm hiểu... về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước, đặc biệt là thông tin về bản chất, âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch... Mọi người dân, đặc biệt là công nhân, sinh viên... cần thể hiện lòng yêu nước đúng đắn, không để bọn chúng dụ dỗ, lôi kéo, kích động vi phạm pháp luật, cần bình tĩnh, tỉnh táo trước hành vi luận điệu sai trái, thù địch; cùng chung tay, hợp lực lên án, vạch mặt, đập tan mọi âm mưu thâm độc của chúng để góp phần ổn định, phát triển kinh tế, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi gia đình.

Thứ hai, cần xây dựng và phát huy vai trò của thông tin chính thống trên các nền tảng truyền thông và hướng tới phát

triển thông tin chính thống trên không gian mạng, qua đó cung cấp thông tin chính thống kịp thời và chính xác, từ đó tạo ra không gian an toàn cho quần chúng nhân dân được tiếp cận với thông tin chính thống để “miễn nhiễm” thông tin xuyên tạc, sai sự thật, kích động từ các tổ chức và đối tượng chống đối.

Thứ ba, cần tăng cường công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo bằng nhiều hình thức, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; ngăn chặn, vô hiệu hóa các tư tưởng li khai, tự trị dân tộc. Tập trung phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao trình độ dân trí, đời sống nhân dân cho đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhất là tại các địa bàn: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Nghệ An, tạo niềm tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước. Kiên quyết không để lặp lại các hiện tượng thành lập “Nhà nước Đêga độc lập” (Tây Nguyên), “Nhà nước Khmer Krom” (Tây Nam Bộ), “Vương quốc Mông” (Tây Bắc), “Vương quốc Chăm-pa” (Nam Trung Bộ). Chú trọng công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Tập trung phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao trình độ dân trí, đảm bảo đời sống cho Nhân dân, từ đó người dân yên tâm lao động, đời sống nâng cao thì không dễ để nghe theo các đối tượng kích động, lôi kéo. Bên cạnh đó, cũng cần công khai, minh bạch, xử lý và thông tin kịp thời những vụ việc phức tạp để người dân được tiếp cận tình hình, không để các thế

lực thù địch lợi dụng, bịa đặt, gây hoang mang trong dư luận.

Thứ tư, chủ động, phát hiện, ngăn chặn kịp thời mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản bác những thông tin, luận điệu sai trái; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các nguy cơ từ bên ngoài, nguy cơ biểu tình, bạo loạn, tập trung đông người gây rối an ninh trật tự.

Thứ năm, củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ dân trí, đời sống Nhân dân, làm tốt công tác nắm tình hình dư luận quần chúng nhân dân, không để xảy ra các điểm nóng về an ninh trật tự, không để các thế lực thù địch, đối tượng phản động lợi dụng tuyên truyền xuyên tạc, kích động nhân dân (nhất là liên quan đến vấn đề. Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã chứng minh, “thế trận lòng dân” là một yếu tố quan trọng, quyết định đến việc hình thành sức mạnh chính trị, quân sự, quốc phòng to lớn chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, “đập tan” âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Thời gian tới cần phát huy hơn nữa thế trận lòng dân vào trong quá trình xây dựng, phát triển đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như bảo vệ vững chắc đất nước trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch để thực hiện âm mưu, thủ đoạn “cách mạng màu” ở nước ta. ■

N.V.L

AN NINH THÔNG TIN Ở VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY: THỰC TRẠNG, NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP

□ ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG *

Hiện nay, số người dùng Internet tại Việt Nam đạt khoảng 80 triệu người; dự báo, con số này sẽ đạt hơn 100 triệu người dùng Internet vào năm 2029. Với sự phát triển mạnh mẽ của các dịch vụ mạng, sự gia tăng người dùng Internet và các hoạt động giao dịch trực tuyến, vấn đề bảo mật thông tin mạng đang là một trong những thách thức lớn đối với chính phủ, các doanh nghiệp, và cộng đồng, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. An toàn thông tin mạng đang trở thành một vấn đề cấp bách đối với cả Chính phủ, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tại Việt Nam, việc đưa ra các giải pháp cụ thể và thiết thực để tăng cường bảo mật thông tin mạng là vô cùng quan trọng. Lĩnh vực viễn thông, Internet, tần số vô tuyến điện có sự phát triển nhanh, mạnh mẽ và đã thành công trong việc đạt được mục tiêu số hóa hoàn toàn mạng lưới, góp phần thực hiện nhiệm vụ trọng tâm quốc gia xây dựng Chiến lược Chính phủ số, xã hội số, phát triển nhiều dịch vụ mới, phạm vi phục vụ được mở rộng, bước đầu hình thành những doanh nghiệp mạnh, có khả năng

vươn tầm khu vực, quốc tế.

Tuy nhiên, trước tình hình an ninh thông tin ở Việt Nam đang đối mặt với những nguy cơ tiềm ẩn, với nhiều diễn biến phức tạp. Đặc biệt, các tổ chức nước ngoài, các thế lực thù địch, phản động tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, khủng bố, phá hoại hệ thống thông tin; tán phát thông tin xấu, độc hại nhằm tác động vào chính trị nội bộ, can thiệp vào chính sách, pháp luật của Việt Nam; gia tăng các hoạt động tấn công nhằm vào hệ thống thông tin quan trọng của quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia. Theo thống kê, trung bình mỗi năm, qua kiểm tra, kiểm soát các cơ quan chức năng đã phát hiện gần 2 triệu tài liệu chiến tranh tâm lý, phản động, ân xá quốc tế, tài liệu tuyên truyền tà đạo trái phép, tài liệu tuyên truyền chống phá Đảng, Nhà nước được tán phát vào Việt Nam qua đường bưu chính. Tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin diễn biến phức tạp, gia tăng về số vụ, thủ đoạn tinh vi, gây thiệt hại nghiêm trọng về nhiều mặt, với các hành vi phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, gây mất an toàn các hoạt động bình thường của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của

các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hệ thống thông tin vô tuyến điện... đã và đang gây ra những thiệt hại lớn về kinh tế, xâm hại trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Hiện nay, đất nước ta đang đứng trước những nguy cơ, thách thức lớn từ cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 với sự phát triển, ứng dụng mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, robot, công nghệ sinh học, đã và đang hình thành nên nhiều lĩnh vực mới như: “Internet công nghiệp”, “Nhà máy tự động thông minh”, “Thành phố thông minh”, “Xã hội số”, “Chính phủ điện tử”... hoạt động trên môi trường không gian mạng, tạo sự đột phá về phát triển kinh tế, chính trị - xã hội. Xu hướng Internet kết nối vạn vật (IoT), gồm Internet kết nối với năng lượng, dịch vụ, truyền thông đa phương tiện, con người, vạn vật sẽ thay đổi phương thức hoạt động của cả một nền kinh tế, thói quen, tâm lý, văn hóa xã hội. Sự phát triển kinh tế xã hội cũng như đảm bảo an ninh quốc gia ở Việt Nam những năm tới chủ yếu dựa trên nền tảng kỹ thuật số. Với xu thế phát triển của nền kinh tế chia sẻ, chuyển đổi số... công nghiệp công nghệ thông tin sẽ trở thành ngành

* Học viện Cảnh sát nhân dân

kinh tế chủ đạo, quyết định sự phát triển nhanh, bền vững của quốc gia. Tuy nhiên, hệ thống thông tin của Việt Nam vẫn còn tồn tại một số điểm yếu, như: lỗ hổng bảo mật dễ bị khai thác, tấn công, xâm nhập; tình trạng lộ lọt, mất bí mật nhà nước qua hệ thống thông tin vẫn còn; hiện tượng khai thác, sử dụng trái phép cơ sở dữ liệu, tài nguyên thông tin quốc gia, dữ liệu cá nhân người dùng diễn biến phức tạp; xuất hiện nhiều dịch vụ mới, hiện đại gây khó khăn cho công tác quản lý, kiểm soát của các cơ quan chức năng.

Thực tế nêu trên đã làm xuất hiện nhiều nguy cơ đe dọa đến an ninh thông tin của Việt Nam ở cả bên trong và bên ngoài. Ở trong nước, trước hết là nguy cơ tụt hậu về công nghệ, lệ thuộc vào công nghệ của nước ngoài, nhất là hệ thống mạng lõi; phần mềm hệ thống, dịch vụ thông tin của nước ngoài dẫn tới mất chủ quyền nội dung số, tài nguyên thông tin về các công ty công nghệ nước ngoài ngày càng nghiêm trọng hơn; các đối tượng cơ hội, chống đối chính trị trong nước, triệt để sử dụng mạng xã hội tán phát thông tin giả, thông tin xấu, độc nhằm gây rối nội bộ, kích động biểu tình, bạo loạn. Ở bên ngoài, các thế lực thù địch triệt để sử dụng hệ thống thông tin để tác động, can thiệp nội bộ, hướng lái chính sách, thao túng dư luận, thúc đẩy “cách mạng màu” ở Việt Nam; xâm phạm độc lập, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, tiến hành chiến tranh thông tin

đối với Việt Nam. Các tổ chức phản động lưu vong, khủng bố tăng cường hoạt động tấn công, phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; sử dụng không gian mạng để tán phát thông tin xấu, độc hại, kích động biểu tình, bạo loạn; hình thành các hội, nhóm, các tổ chức chính trị đối lập... Các tổ chức tin tặc, tổ chức tội phạm thực hiện các cuộc tấn công mạng tự phát, đơn lẻ hoặc có chủ đích nhằm vào hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia, làm tê liệt, gây gián đoạn hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý kinh tế - xã hội của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Trong bối cảnh đó, các cơ quan, ban, ngành ở Trung ương và địa phương đã chú trọng nghiên cứu, xây dựng, áp dụng đồng bộ các giải pháp tăng cường đảm bảo an ninh thông tin. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác đảm bảo an ninh thông tin ở Việt Nam hiện nay đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, như: tiềm lực bảo đảm an ninh thông tin, cả về con người, tài chính và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ chưa đáp ứng với yêu cầu đảm bảo an ninh thông tin trong tình hình mới; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh thông tin chưa cao; năng lực phát hiện, xử lý các hoạt động xâm hại an ninh thông tin, sự cố gây mất an ninh thông tin của các cơ quan, đơn vị còn nhiều hạn chế; hiệu quả ứng dụng khoa học kỹ thuật trong đảm bảo an ninh thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của tình hình mới...

Thời gian tới, tình hình an ninh mạng sẽ tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, không gian mạng là mục tiêu trọng yếu của các cuộc tấn công, là môi trường chủ yếu để tiến hành các hoạt động gián điệp, khủng bố, phá hoại, thực hiện các hành vi phạm tội; đặc biệt là tuyên truyền xuyên tạc, kích động chống phá Đảng, Nhà nước. Việc chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan nhằm mang lại cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đối phó có hiệu quả với những thách thức đối với an ninh của đất nước. Để nắm bắt kịp thời cơ hội và phòng ngừa, ứng phó, hạn chế tác động tiêu cực đối với an ninh đất nước từ không gian mạng, cần quan tâm thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về an ninh thông tin và bảo đảm an ninh thông tin. Cần nhận thức rõ, an ninh thông tin là độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia trên không gian thông tin, sự an toàn, phát triển ổn định, vững mạnh của lĩnh vực thông tin, hệ thống thông tin quốc gia. An ninh thông tin là nội dung trọng tâm của an ninh quốc gia trong điều kiện mới, có mối quan hệ chặt chẽ với các vấn đề an ninh truyền thống khác như an ninh chính trị nội bộ, an ninh quân sự, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội. Nguy cơ gây mất an ninh thông tin là mối đe dọa lớn và ngày càng gia tăng đối với an ninh quốc gia, an ninh quốc tế.



Chính vì vậy, đảm bảo an ninh thông tin là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị trong đó lực lượng Công an nhân dân là nòng cốt. Để đảm bảo an ninh thông tin cần coi trọng và sử dụng đồng bộ các biện pháp chính trị, pháp luật, khoa học kỹ thuật, tuyên truyền giáo dục, tổ chức hành chính, kinh tế, ngoại giao và nghiệp vụ chuyên môn. Thời gian tới, các cơ quan chức năng cần tăng cường giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao ý thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; chú trọng tuyên truyền, phổ biến cho học sinh, sinh viên về các nguy cơ, các yếu tố gây mất an ninh, đe dọa gây mất an ninh thông tin. Từ đó, nâng cao ý thức trong sử dụng các dịch vụ thông tin, nhất là dịch vụ do nước ngoài cung cấp; nâng cao bản lĩnh chính trị, khả năng nhận biết, tiếp nhận thông tin,

khả năng tự vệ, “miễn dịch” trước những thông tin giả, thông tin xấu, độc hại. Có kế hoạch đưa nội dung về nhận diện các nguy cơ, yếu tố gây mất an ninh thông tin và trách nhiệm đảm bảo an ninh thông tin vào hệ thống giáo dục quốc dân, qua đó giáo dục ý thức, trách nhiệm, nâng cao nhận thức cho toàn dân về vấn đề này.

Thứ hai, nghiên cứu xác lập chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ, chủ quyền và lợi ích quốc gia trên không gian thông tin quốc tế; bảo vệ và khai thác có hiệu quả tài nguyên thông tin quốc gia. Việt Nam cần tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, tập trung nghiên cứu, xác lập không gian mạng quốc gia (với cơ sở hạ tầng, dịch vụ, khung pháp lý) nhằm sớm khẳng định chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Xác định các yếu tố cấu thành và đẩy

mạnh giải pháp nhằm thực thi có hiệu quả chủ quyền quốc gia trên không gian thông tin như:

Phát triển công nghệ phần cứng nhằm bảo đảm tự chủ về phương tiện, thiết bị, nhất là hệ thống mạng lõi, máy tính, điện thoại, cơ sở hạ tầng thông tin;

Phát triển công nghệ phần mềm nhằm tạo lập hệ sinh thái phần mềm riêng, bao gồm: hệ điều hành, công cụ tìm kiếm, mạng xã hội và các ứng dụng dịch vụ trên Internet;

Phát triển công nghệ bảo mật riêng và hệ thống kiểm tra, giám sát an ninh nhằm chủ động phát hiện và ngăn chặn, chặn lọc các thông tin giả, thông tin xấu, độc hại;

Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quốc gia tích hợp, liên thông, an toàn (Big Data) tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số;

Xây dựng hệ thống tuyên truyền, định hướng thông tin

hiện đại, an toàn và có trách nhiệm; hệ thống tấn công, phòng thủ riêng, đặc biệt là hệ thống thông tin trọng yếu của Đảng, Nhà nước và trên lĩnh vực an ninh, quốc phòng;

Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật và thị trường dịch vụ phát triển.

Thứ ba, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh thông tin. Tập trung xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo đảm an ninh thông tin, tạo môi trường pháp lý để bảo đảm sự an toàn, tin cậy cho nền kinh tế số, cho việc chia sẻ dữ liệu số, cho hoạt động của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin qua biên giới vào Việt Nam. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng luật về chống thông tin giả, thông tin xấu, độc hại; luật bảo vệ thông tin cá nhân. Có cơ chế công khai giám sát, chặn lọc thông tin xuyên tạc, sai sự thật trên không gian mạng; quy định cụ thể và thực hiện nghiêm túc quy định bắt buộc sử dụng thông tin thật khi đăng ký tài khoản trên mạng. Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng; quy định về bảo vệ, kiểm tra, sử dụng tài nguyên thông tin quốc gia, dữ liệu cá nhân người dùng.

Thứ tư, bảo đảm tuyệt đối an toàn các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, nâng cao năng lực phòng thủ, phục hồi sau các



cuộc tấn công vào hệ thống thông tin, đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động xâm phạm an ninh thông tin của các thế lực thù địch và các loại tội phạm. Chính phủ cần tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng hiện đại, băng thông đủ rộng để vượt qua các cuộc tấn công gây nghẽn mạng, có hệ thống máy lưu trữ dự phòng để chuyển hướng dữ liệu trước các cuộc tấn công và phục hồi sau tấn công mạng. Thường xuyên rà soát, phát hiện, khắc phục lỗ hổng bảo mật trên toàn hệ thống, bổ sung thiết bị, phần mềm chuyên dụng có khả năng kiểm tra, kiểm soát an ninh, an toàn thông tin trên môi trường mạng viễn thông Internet, tần số vô tuyến điện... Xây dựng, triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật chuyên biệt nhằm kiểm tra, phát hiện các nguy cơ gây mất an ninh thông tin. Tổ chức diễn tập hàng năm về phòng, chống tấn công mạng cấp quốc gia với sự tham gia của cơ quan chính phủ, các tập đoàn kinh tế trọng yếu, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet và các cơ quan, tổ chức

có liên quan, đảm bảo xử lý kịp thời các nguy cơ gây mất an ninh, đe dọa gây mất an ninh thông tin ở Việt Nam. Chú trọng dự báo, triển khai các giải pháp đấu tranh vô hiệu hóa hoạt động xâm hại an ninh thông tin của các đối tượng, nhất là hoạt động tấn công làm tê liệt hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia; ý đồ sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big Data) để thao túng, kích động dư luận xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy “cách mạng màu” ở Việt Nam; và âm mưu, ý đồ của các thế lực thù địch, bá quyền quân sự hóa không gian thông tin, phát động chiến tranh thông tin đối với Việt Nam.

Thứ năm, tập trung nguồn lực để xây dựng, từng bước phát triển nền công nghiệp công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghiệp an ninh thông tin (an ninh mạng) của Việt Nam. Với nguồn lực của Việt Nam hiện nay, cần tập trung phát triển công nghiệp an ninh thông tin theo hướng lưỡng dụng, kết hợp cả trong lĩnh vực dân sự với bảo

đảm an ninh, quốc phòng; đổi mới công tư. Nhà nước cần có cơ chế đặc biệt, triển khai ngay các giải pháp đi tắt, đón đầu để từng bước làm chủ và xuất khẩu công nghệ thông tin. Khuyến khích nghiên cứu, phát triển, sử dụng các phần mềm, dịch vụ thông tin riêng của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu bảo mật thông tin, sự an toàn của bí mật nhà nước, giám sát an ninh mạng. Xây dựng doanh nghiệp công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet trong nước lớn mạnh, làm chủ thị trường, hình thành lực lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, có năng lực tự sản xuất các trang thiết bị an ninh thông tin.

Thứ sáu, hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông và an ninh mạng. Tổ chức thực hiện nghiêm Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; quản lý chặt chẽ các loại hình dịch vụ viễn thông, Internet ở Việt Nam. Tham mưu cho Chính phủ xây dựng, ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng, Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng, Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tham khảo chính sách, pháp luật về an ninh mạng của các nước, đồng thời nghiên cứu, rà soát, phát hiện những bất cập trong chính sách, pháp luật của nước ta, những vấn đề mới đang đặt ra trong thực tiễn chưa được điều chỉnh bằng chính sách, pháp luật

để tham mưu, đề xuất ban hành các chính sách, pháp luật về quản lý “tiền ảo”, “tài sản ảo”, dịch vụ trung gian thanh toán, chứng cứ điện tử, các robot AI...

Thứ sáu, tiếp tục tăng cường thực hiện các giải pháp bảo đảm an ninh mạng và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên không gian mạng. Triển khai đồng bộ các giải pháp để bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng. Chủ động phòng ngừa và quyết liệt tấn công, trấn áp mạnh tội phạm mạng, nhất là những loại tội phạm diễn ra phổ biến thời gian qua, như tội phạm tổ chức đánh bạc, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm do người nước ngoài thực hiện...; kịp thời giải quyết các vấn đề phức tạp nổi lên về an ninh, trật tự trên không gian mạng.

Thứ bảy, đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển công nghệ thông tin, nhằm tự chủ về công nghệ và trang thiết bị, không để bị lệ thuộc vào nước ngoài. Có lộ trình phát triển các doanh nghiệp công nghệ thông tin và an ninh mạng, trong đó, lựa chọn các lĩnh vực mà Việt Nam có thể mạnh để ưu tiên phát triển. Hoàn thiện các chính sách nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và an ninh mạng. Nghiên

cứu các mô hình đổi mới, sáng tạo có hiệu quả trên thế giới để vận dụng phù hợp với điều kiện của Việt Nam nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ bảo đảm an ninh mạng.

Thứ tám, chú trọng đào tạo, phát triển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin và an ninh mạng làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp của Việt Nam, không để tình trạng “chảy máu chất xám” về công nghệ thông tin. Nâng cao chất lượng đào tạo về công nghệ thông tin và an ninh mạng tại các cơ sở đào tạo trong nước, đồng thời đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia, các trường đại học, các tập đoàn công nghệ tiên tiến trên thế giới để tiếp thu công nghệ mới và kinh nghiệm bảo đảm an ninh mạng nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Trong thời đại cách mạng Công nghiệp 4.0, an ninh thông tin ngày càng trở thành một nội dung quan trọng của an ninh quốc gia. Việc bảo vệ không gian mạng không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước, mà còn cần sự chung tay của doanh nghiệp và toàn thể người dân. Với các giải pháp đồng bộ và sự đầu tư hợp lý, Việt Nam hoàn toàn có thể xây dựng một môi trường số an toàn, tin cậy, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong kỷ nguyên số. ■

N.T.N.T

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

□ PGS.TS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG *

Tội phạm trên không gian mạng là các hành vi phạm tội được thực hiện thông qua các công nghệ số và Internet, tội phạm này có thể xảy ra ở nhiều hình thức khác nhau, như: tấn công mạng, lừa đảo trực tuyến, đánh cắp thông tin cá nhân, đến các hành vi gây hại cho hệ thống và cơ sở hạ tầng mạng... tội phạm xảy ra không chỉ gây thiệt hại về tài sản chính mà còn đe dọa đến an ninh quốc gia, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong toàn xã hội... Tội phạm trên không gian mạng hiện nay diễn biến hết sức phức tạp, khó lường với phương thức, thủ đoạn tinh vi. Chính vì vậy, phòng chống tội phạm này không chỉ là nhiệm vụ riêng của lực lượng Công an mà cần có sự tham gia, phối hợp, huy động sức mạnh của các ban ngành, cơ quan, doanh nghiệp và người dân.

Trong bối cảnh, tình hình cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang phát triển như vũ bão, công nghệ thông tin, công nghệ số, mạng Internet, mạng xã hội đã phủ sóng hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội thì tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng cũng phát triển mạnh với nhiều hình thức, phương thức, thủ đoạn tinh vi, phức tạp, nguy hiểm, trong đó tập trung vào một số loại phổ biến như:

- Tấn công mạng: là biện pháp những kẻ tấn công xâm nhập vào hệ thống máy tính, hệ thống mạng để đánh cắp dữ liệu hoặc gây thiệt hại cho hệ thống.

Tấn công mạng là hành vi lợi dụng công nghệ thông tin, không gian mạng hoặc các phương tiện điện tử nhằm phá hoại, làm gián đoạn hoặc can thiệp vào hoạt động của hệ thống mạng, cơ sở dữ liệu và các thiết bị điện tử. Theo Điều 2 Luật An ninh mạng 2018, các cuộc tấn công này có thể ảnh hưởng đến mạng viễn thông, Internet, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, gây tổn hại đến an toàn dữ liệu và hoạt động của cá nhân, tổ chức. Các hình thức tấn công mạng có thể xuất phát từ cá nhân, nhóm hacker hoặc tổ chức với nhiều động cơ khác nhau, từ đánh cắp dữ liệu, do thám thông tin, gián điệp mạng cho đến phá hoại hệ thống. Hiện nay, tấn công

mạng ngày càng phổ biến và có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, an ninh thông tin cũng như quyền riêng tư của người dùng.

- Lừa đảo trực tuyến: là hình thức tội phạm sử dụng thủ đoạn lừa đảo bằng cách giả mạo các tổ chức, cá nhân hoặc các hình thức, biện pháp rất đa dạng khác để chiếm đoạt thông tin cá nhân, tài chính, tài sản của người dùng...

Theo Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, các phương thức lừa đảo chủ yếu của tội phạm trên không gian mạng là: tuyển cộng tác viên tham gia kinh doanh, buôn bán, giới thiệu sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử (chiếm 44,7%); phát tán

* Học viện Cảnh sát nhân dân



mã độc, tấn công để chiếm quyền điều khiển tài khoản mạng xã hội để nhắn tin lừa đảo (17,3%), gọi điện giả danh lực lượng chức năng (11,6%); tạo lập các sản phẩm giao dịch, kêu gọi đầu tư tài chính, tiền ảo, chứng khoán (13,2%); giả danh công ty tài chính, ứng dụng vay tiền (8,5%); một số hình thức lừa đảo khác (4,7%). Thống kê trong 6 tháng đầu năm 2024, lực lượng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao toàn quốc đã phát hiện, tiếp nhận hơn 3.500 vụ việc, tổng số tiền thiệt hại hơn 2.487 tỷ đồng.

- Mã độc: là hình thức tội phạm sử dụng các chương trình, phần mềm độc hại như virus, ransomware, trojan nhằm làm hỏng hoặc chiếm quyền kiểm soát thiết bị của người dùng.

Mã độc hay “Malicious software” là một loại phần mềm được tạo ra và chèn vào hệ thống một cách bí mật với mục đích thâm nhập, phá hoại hệ thống hoặc lấy cắp thông tin, làm gián đoạn, tổn hại tới tính bí mật, tính toàn vẹn và tính sẵn sàng của máy tính nạn nhân. Các loại mã độc càng ngày càng phức tạp từ cách thức lây nhiễm, phương pháp ẩn mình, cách thức thực hiện các hành vi nguy hiểm... Giới hạn giữa các loại mã độc ngày càng hạn hẹp vì bản thân các mã độc cũng phải có sự kết hợp lẫn nhau để hiệu quả tấn công là cao nhất.

- Trộm cắp tài khoản trực tuyến: tội phạm thực hiện việc trộm cắp mật khẩu tài khoản



ngân hàng, email, mạng xã hội... để thực hiện hành vi trộm cắp hoặc lừa đảo...

Thời gian qua, hoạt động của tội phạm sử dụng công nghệ cao, nhất là tội phạm lừa đảo, chiếm đoạt tài sản qua mạng diễn ra với nhiều phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp. Kẻ lừa đảo sử dụng số tài khoản ngân hàng của cá nhân/ tổ chức (thường là số điện thoại của người dùng), với nhiều thủ thuật khác nhau, phổ biến nhất là bằng cách nhập sai mật khẩu nhiều lần trên ứng dụng/website ngân hàng để khóa tài khoản. Sau đó, kẻ gian gọi điện thoại cho khách hàng, tự xưng là nhân viên ngân hàng hỗ trợ mở khóa tài khoản. Kẻ lừa đảo giả mạo là Công an, tư vấn Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, mời công dân tham gia giao thông được cấp 12 điểm, giới thiệu cài đặt dịch vụ công để tích hợp điểm. Trên cơ sở các chiêu trò dẫn dắt nêu trên, kẻ gian dụ dỗ khách hàng truy cập đường link lạ hoặc cài

đặt ứng dụng giả mạo yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân, thông tin tài khoản ngân hàng (mật khẩu tài khoản ngân hàng, mã OTP, hình ảnh hai mặt Căn cước, thẻ ngân hàng, thông tin các giao dịch gần nhất,...); kẻ gian cũng có thể dụ dỗ khách hàng cài đặt phần mềm có khả năng chiếm quyền kiểm soát điện thoại của khách hàng, từ đó chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng của khách hàng.

Có một thực tế là nhận thức về an ninh, an toàn mạng của người dân hiện vẫn còn hạn chế, thiếu cảnh giác trước các phương thức, thủ đoạn, hoạt động lừa đảo trên không gian mạng và bị các đối tượng lợi dụng sơ hở để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, bên cạnh đó, việc chấp hành quy định bảo vệ dữ liệu còn chưa nghiêm. Hơn nữa, hầu hết người dân, đặc biệt là người cao tuổi, trung niên, trẻ vị thành niên đều có điện thoại thông minh để tham gia vào môi trường mạng xã hội như: facebook, tiktok, youtube, tuy

nhiên, đây là nhóm người có khả năng nhận diện các dấu hiệu, hành vi lừa đảo và cách thức tấn công mạng còn khá thấp, do đó, tội phạm sử dụng công nghệ cao thường nhắm đến.

Thời gian qua, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại nhiều địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống nhân dân. Thực tế hiện nay xuất hiện các hình thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội như: Tài chính, ngân hàng, bất động sản, dự án đầu tư, môi giới việc làm, đưa người đi lao động, học tập tại nước ngoài, kinh doanh đa cấp, thương mại điện tử..., đặc biệt là lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Các đối tượng sử dụng nhiều thủ đoạn tinh vi như: Giả danh cơ quan thực thi pháp luật, cán bộ cơ quan nhà nước, quen biết qua mạng xã hội; lợi dụng quan hệ tình cảm; trao đổi, mua bán hàng hóa qua mạng, tin nhắn “rác”, tin nhắn trúng thưởng; xin việc làm; xuất khẩu lao động; “chạy” dự án; vay vốn; kêu gọi đầu tư, tài trợ, đầu tư kinh doanh đa cấp, tiền ảo; thiết lập các trang mạng ngân hàng giả mạo để lấy dữ liệu thông tin khách hàng, đánh tráo hồ sơ, sử dụng giấy tờ giả mở tài khoản, giả mạo chứng từ để chuyển tiền, rút tiền, vay tiền;

làm giả cổ vật, đá quý, kim loại quý; lợi dụng hoạt động họ, hội, biểu, phường, phòng, chống dịch bệnh... Quá trình hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các đối tượng thường xuyên thay đổi thông tin cá nhân, số điện thoại, tài khoản ngân hàng, tài khoản mạng xã hội, sử dụng tài khoản ảo, thay đổi địa bàn hoạt động, cư trú, nhằm đối phó với công tác phòng ngừa, xử lý của cơ quan chức năng. Thực trạng trên đòi hỏi các cơ quan chức năng có giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả phòng, chống loại tội phạm này trong tình hình mới, nhất là vấn đề hoàn thiện cơ sở pháp lý. Theo thống kê, từ năm 2018 đến nay, cơ quan Công an phát hiện hơn 13 nghìn vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chiếm 5,2% số vụ phạm pháp hình sự và chỉ tính riêng trong 06 tháng đầu năm 2023 đã phát hiện 1.670 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tăng 30,67% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó, tội phạm sử dụng công nghệ cao lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng qua các năm đều có xu hướng gia tăng về số vụ, số đối tượng và gây thiệt hại lớn.

Qua nghiên cứu cho thấy, ngoài các đặc điểm tương tự như đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản truyền thống, thì đối tượng sử dụng công nghệ cao lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng thường có một số đặc trưng như sau:

- Đối tượng có các hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng internet, mạng viễn thông hoặc

thiết bị số... làm công cụ để tham gia trực tiếp vào quá trình phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Yếu tố sử dụng thiết bị công nghệ thông tin đóng vai trò quyết định trong việc phạm tội, đối tượng phạm tội không cần trực tiếp tiếp xúc với người bị hại, mà thông qua các hình thức như: Chuyển khoản, nạp mã thẻ cào qua điện thoại...

- Để che đậy hành vi phạm tội, đối tượng dùng nhiều thủ đoạn tinh vi như mở tài khoản truy cập, tài khoản ngân hàng bằng thông tin của người khác, sử dụng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để làm sai lệch giọng nói, đặc điểm khuôn mặt, âm thuê bao hoặc hiện thuê bao giống, tương tự các thuê bao đại diện của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội (như ngân hàng, bưu điện, cơ quan Công an, Thuế, Tòa án, Viện kiểm sát...), tạo nhiều vỏ bọc với hình thức đăng nhập nhiều tài khoản, sử dụng nhiều thiết bị máy tính, mạng, di chuyển địa điểm truy cập, làm giả địa chỉ IP, khiến cơ quan chức năng khó xác định vị trí chính xác nơi các đối tượng đăng nhập sử dụng mạng...

Để đấu tranh phòng, chống có hiệu quả với tội phạm và vi phạm pháp luật trên không gian mạng, các cấp, các ngành, mỗi cơ quan, tổ chức, cá nhân cần triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp bảo đảm nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, trong đó chú trọng thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường công



tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, đào tạo các kiến thức, kỹ năng về an ninh mạng, bảo mật mạng cho cộng đồng xã hội, tăng cường các khóa học về bảo mật thông tin, đào tạo cán bộ an ninh mạng và nâng cao nhận thức cho cộng đồng về nguy cơ từ tội phạm mạng và các biện pháp phòng, chống tội phạm trên không gian mạng.

Hai là, tăng cường ý thức bảo mật các loại tài khoản, mật khẩu, mỗi tổ chức, cá nhân cần nghiên cứu, tìm hiểu, nâng cao kiến thức về bảo mật; sử dụng mật khẩu mạnh, không chia sẻ thông tin nhạy cảm trực tuyến và cẩn thận khi tải về hoặc nhấn vào các liên kết không rõ nguồn gốc. Khuyến khích sử dụng phần mềm bảo mật diệt virus, bật các tính năng bảo mật nâng cao như xác thực hai yếu tố (2FA) để ngăn chặn các cuộc tấn công, tăng cường các biện pháp giảm thiểu các lỗ hổng bảo mật do lỗi người dùng.

Ba là, tăng cường các biện pháp ứng dụng công nghệ bảo

mật, các tổ chức, cá nhân, các đơn vị, doanh nghiệp... cần tăng cường sử dụng các công nghệ bảo mật như mã hóa dữ liệu, sử dụng tường lửa, phần mềm chống virus, các hệ thống phát hiện xâm nhập trái phép để bảo vệ thông tin của mình.

Bốn là, cập nhật và thực thi pháp luật; phát triển hệ thống giám sát và điều tra mạng: Các quốc gia, tổ chức, cá nhân hữu quan cần xây dựng, triển khai và thực thi có hiệu quả các quy định về xử lý tội phạm mạng, bao gồm hình phạt nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tiếp tục phát triển và nâng cao năng lực giám sát, điều tra tội phạm trên không gian mạng, nhanh chóng phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trên không gian mạng...

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trên không gian mạng: Vì tội phạm mạng không bị giới hạn bởi biên giới quốc gia, lãnh thổ nên việc hợp tác

giữa các quốc gia, tổ chức quốc tế và các cơ quan thực thi pháp luật là rất quan trọng. Các cơ quan tổ chức như INTERPOL, EUROPOL, các cơ quan an ninh mạng của từng quốc gia cần phối hợp trong việc điều tra, xử lý các vụ tội phạm mạng xuyên quốc gia. Điều này có thể bao gồm việc chia sẻ thông tin, phối hợp điều tra và truy tố tội phạm mạng.

Sáu là, sự cố mạng và phục hồi sau tấn công: Cần có kế hoạch ứng phó sự cố tấn công mạng và xây dựng đội ngũ chuyên gia có khả năng phản ứng nhanh chóng, khắc phục hiệu quả và phục hồi dữ liệu sau các cuộc tấn công trên không gian mạng.

Để chung tay cùng với lực lượng chức năng đấu tranh và ngăn ngừa tội phạm không gian mạng, người dân cần tự mình nâng cao ý thức cảnh giác, tự quản, tự phòng, tự đề kháng để phòng ngừa tội phạm sử dụng công nghệ cao lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Trong đó, cần cảnh giác khi nhận các cuộc điện thoại của người lạ, thường xuyên kiểm tra và cập nhật các tính năng bảo mật và quyền riêng tư trên các tài khoản mạng xã hội, không cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân, địa chỉ, số điện thoại, tài khoản ngân hàng cho bất kỳ đối tượng nào khi chưa biết rõ nhân thân và lai lịch của người đó, thận trọng rà soát và kiểm tra kỹ thông tin khi thực hiện các giao dịch trực tuyến trên môi trường điện tử. ■

N.T.T.H

HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GIỮA VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI TRONG ĐẤU TRANH VỚI TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI VÀ CÁC GIẢI PHÁP

□ ThS. NGUYỄN THẾ SÁNG *

□ NGUYỄN THANH TUẤN *

Trong những năm gần đây, các loại tội phạm xuyên quốc gia như: tội phạm về kinh tế, ma túy, mua bán người ... có nhiều diễn biến phức tạp. Đặc biệt là tội phạm mua bán người ngày càng có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, trở thành vấn nạn trên toàn cầu, nhiều quốc gia đã phải nâng cấp báo động tình trạng này. Trước đây, tội phạm mua bán người chỉ có buôn bán phụ nữ, nay đã xuất hiện tình trạng mua bán cả nam giới với mục đích mua bán để lấy tạng. Trước bối cảnh đó, hoạt động tương trợ tư pháp giữa các quốc gia là một đòi hỏi khách quan trong quá trình toàn cầu hoá.

Hiện nay, việc hợp tác của các quốc gia trên thế giới đã trở thành xu thế tất yếu, tuy nhiên trong quá trình hợp tác việc quan trọng nhất cần phải đảm bảo đó chính là nền tảng quốc tế “bình đẳng, các bên cùng có lợi”, do vậy việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại cũng góp phần khẳng định nền tảng trên. Chế độ có đi có lại được hiểu là một quốc gia sẽ dành những ưu đãi hoặc các chế độ pháp lý nhất định cho những cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài, đổi lại cá nhân và pháp nhân của họ ở nước ngoài cũng sẽ được hưởng những chế độ ưu đãi tương tự.

Bên cạnh đó, Điều 6 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 (Điều ước quốc tế và quy

định của pháp luật trong nước) quy định:

“1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.

2. Căn cứ vào yêu cầu, nội dung, tính chất của điều ước quốc tế, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ khi quyết định chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế đó đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đã đủ rõ, đủ chi tiết để thực hiện; quyết định hoặc kiến nghị

sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế đó.”

Trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý cũng không nằm ngoài nguyên tắc đó, áp dụng nguyên tắc có đi có lại đối với các công dân của các quốc gia đã tham gia ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam có nội dung trợ giúp pháp lý.

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm mua bán người ở nước ta cũng diễn biến hết sức phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả số vụ cũng như tính chất nghiêm trọng về phương thức và thủ đoạn phạm tội. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2024, trên cả nước đã xảy ra 39 vụ án liên quan đến hành vi mua bán người, tăng 18,2%

* Học viện CSND

so với cùng kỳ năm 2023; trong đó lực lượng Công an đã khởi tố 35 vụ, 104 đối tượng về hành vi này. Từ cuối năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, tình hình tội phạm mua bán người diễn biến hết sức phức tạp trên khắp các tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, Việt Nam - Trung Quốc và Việt Nam - Lào. Phương thức, thủ đoạn của các đối tượng mua bán người cũng có những chuyển biến rất lớn và ngày càng tinh vi nhằm dụ dỗ các nạn nhân với các chiêu bài việc nhẹ, lương cao, dụ dỗ yêu đương, tuyển lao động đi xuất khẩu với mức lương cao, lợi dụng những phụ nữ trẻ tuổi ở vùng sâu, vùng xa, có hoàn cảnh khó khăn, hạn chế về hiểu biết pháp luật, hoặc do sinh con ngoài ý muốn, lợi dụng sự nhẹ dạ, mất cảnh giác của các nữ sinh, của một số người có nhu cầu đi lao động nước ngoài hoặc tìm việc làm, lợi dụng kẽ hở trong công tác quản lý nhà nước để môi giới hôn nhân, nhận con nuôi để lừa bán ra nước ngoài. Các nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài qua mạng để làm việc trong các nhóm lừa đảo tại Campuchia, khu vực Tam Giác Vàng, bị bán làm vợ bất hợp pháp tại Trung Quốc, Hàn Quốc hoặc làm gái mại dâm tại các nước Trung Đông như Qatar, UAE... và các nước Đông Nam Á như Malaysia, Singapore, Myanmar...

Nhiệm vụ phòng, chống mua bán người đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia trong khu vực và trên toàn thế giới. Thời gian qua,



Lễ ký Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Lào.

Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước, tham gia tích cực và có trách nhiệm vào các diễn đàn hợp tác quốc tế đa phương, song phương về đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người; tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như: Tổ chức di cư quốc tế (IOM), Cao ủy Liên Hợp Quốc về người tị nạn (UNHRC), Văn phòng Liên Hợp Quốc về phòng chống ma túy và tội phạm (UNODC), Tổ chức phụ nữ Liên Hợp Quốc (UN Women)... và các tổ chức phi chính phủ như: Quỹ toàn cầu nhằm chấm dứt tình trạng nô lệ hiện đại (GFEMS), Tổ chức tầm nhìn thế giới (World Vision) nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật, tài chính trong các hoạt động nâng cao năng lực phòng, chống mua bán người của Việt Nam. Do tội phạm mua bán người chủ yếu là đưa người ra nước ngoài nên đa số các vụ án xảy ra đều ít nhiều liên quan đến yếu tố nước ngoài và phải

thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nhằm thu thập thông tin, chứng cứ hay thực hiện các thủ tục tố tụng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tương trợ tư pháp về hình sự là một kênh chính thức và hiệu quả để được hỗ trợ làm rõ các đối tượng đồng phạm ở nước ngoài và tình trạng của nạn nhân, qua đó chứng minh cho hành vi phạm tội của các đối tượng trong nước. Thực tiễn cho thấy, hoạt động này đã góp phần giải quyết triệt để các vụ án liên quan đến loại tội phạm này, tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức và chưa đảm bảo tính kịp thời so với đòi hỏi của thực tiễn và yêu cầu của quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự Việt Nam được xây dựng dựa trên các quy định của pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế có liên quan, cụ thể là:

(1) Quy định của pháp luật trong nước Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự được

điều chỉnh chủ yếu bởi Luật tương trợ tư pháp năm 2007 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 17 Luật tương trợ tư pháp năm 2007 quy định: phạm vi tương trợ tư pháp được áp dụng cho cả yêu cầu tương trợ của Việt Nam gửi nước ngoài và của nước ngoài gửi Việt Nam, bao gồm: tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến các vụ việc hình sự; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập, cung cấp chứng cứ; truy cứu trách nhiệm hình sự; trao đổi thông tin; các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về hình sự.

Ngoài ra, theo quy định tại Phần thứ tám Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự (từ Điều 491 đến Điều 508), tương trợ tư pháp còn bao gồm: việc tiến hành tố tụng của người có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài và người có thẩm quyền của nước ngoài ở Việt Nam (Điều 495); sự có mặt của người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam ở nước ngoài; người làm chứng người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại nước ngoài ở Việt Nam (Điều 496); xử lý tài sản do phạm tội mà có (Điều 502). Quy định về Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam: theo quy định tại Điều 64 Luật tương trợ tư pháp năm 2007, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm “Tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện ủy thác tư pháp



Đồng chí Ngô Thị Quỳnh Anh, Phó Vụ trưởng Vụ 13 VKSND tối cao và ông Luke Tang, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Pháp luật Singapore ký nháy dự thảo Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam - Singapore

về hình sự; xem xét, quyết định việc thực hiện và yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan điều tra có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự; từ chối hoặc hoãn thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự theo thẩm quyền”. Theo đó, Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao là đơn vị tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện chức năng Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp hình sự. Điều 493 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định cụ thể hơn vai trò của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự, theo đó: Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Cơ quan Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự và các hoạt động hợp tác quốc tế khác.

(2) Quy định của các điều ước quốc tế Bên cạnh các quy

định pháp luật trong nước, những điều ước quốc tế đa phương, song phương là hợp phần quan trọng của khung pháp lý điều chỉnh hoạt động tương trợ tư pháp hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài. Việt Nam đã ký kết và tham gia nhiều điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự hoặc có các điều khoản về tương trợ tư pháp hình sự.

Việt Nam là thành viên của Công ước quốc tế của Liên Hợp Quốc về phòng, chống ma túy, Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Nghị định thư của Liên Hợp Quốc về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (năm 2021), Công ước ASEAN về phòng, chống mua bán người (năm 2015), Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng (UNCAC), Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN (năm

2004). Các Công ước đa phương UNCAC và UNTOC đều khuyến nghị các quốc gia thành viên dành cho nhau sự tương trợ tối đa trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự và điều này cũng đã được ghi nhận trong nhiều Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự song phương mà Việt Nam đã ký kết. Việt Nam hiện đã ký kết 14 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với các nước, trong đó có 09 Hiệp định tương trợ tư pháp điều chỉnh đa lĩnh vực gồm dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình và lao động⁴ (đây là các hiệp định đã ký ở giai đoạn trước những năm 2000) và 14 Hiệp định tương trợ tư pháp điều chỉnh riêng về lĩnh vực tương trợ tư pháp hình sự. Những điều ước quốc tế này là cơ sở pháp lý trực tiếp, có ràng buộc về nghĩa vụ, bao gồm những điều khoản cụ thể, đầy đủ, hài hòa hóa pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với các nước ký kết; từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nhau. Trong thời gian tới, với nhiệm vụ được pháp luật quy định, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục thúc đẩy các hoạt động đàm phán, ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với nước ngoài, nhất là các nước có quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống, đối tác chiến lược, các quốc gia láng giềng trong khu vực và các nước có đông cộng đồng người Việt đang sinh sống, học tập và làm việc. Theo số liệu thống kê của Vụ Hợp tác quốc tế và Tương

trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, thông qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp đã tiếp nhận, giải quyết 67 yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm mua bán người của các cơ quan tiến hành tố tụng trong nước gửi cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị thực hiện, chiếm khoảng hơn 10% trong tổng số yêu cầu đi trong giai đoạn này; trong đó có 32 yêu cầu liên quan đến hành vi tổ chức/môi giới đưa người ra nước ngoài trái phép, 35 yêu cầu liên quan đến hành vi mua bán người, bao gồm cả hành vi mua bán trẻ em dưới 16 tuổi. Địa phương có cơ quan tiến hành tố tụng lập nhiều yêu cầu loại này là các tỉnh có chung đường biên giới với Trung Quốc, Campuchia, các tỉnh miền tây Nam Bộ và một số tỉnh như: Bắc Ninh, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Ninh Bình... Các yêu cầu đề nghị nước ngoài thực hiện chủ yếu nhằm thu thập thông tin nhân thân và tiền án, tiền sự, thu thập chứng cứ (lấy lời khai, cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật), tổng đạt giấy tờ. Các yêu cầu liên quan đến tội phạm mua bán người đa số gửi cơ quan có thẩm quyền Trung Quốc đề nghị thực hiện; một số yêu cầu gửi đi các nước Lào, Campuchia, Singapore, Úc, Malaysia...

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, có 09 yêu cầu tương trợ liên quan đến tội phạm mua bán người của cơ

quan có thẩm quyền nước ngoài gửi Việt Nam đề nghị hỗ trợ thực hiện, trong đó có 04 yêu cầu liên quan đến hành vi vượt biên trái phép/tổ chức nhập cảnh trái phép; 04 yêu cầu về hành vi mua bán người và 01 yêu cầu của Malaysia đề nghị hỗ trợ triệu tập người làm chứng là công dân Việt Nam để giải quyết vụ án mua bán người tại Malaysia. Việc thực hiện tương trợ về phía Việt Nam cơ bản đáp ứng về thời hạn, kết quả, thủ tục theo yêu cầu của phía nước ngoài, góp phần đấu tranh phòng, chống có hiệu quả tội phạm về mua bán người, đồng thời khẳng định những nỗ lực của Việt Nam trong hợp tác quốc tế đấu tranh với loại tội phạm này. Ngoài ra, kết quả thực hiện tương trợ cho nước ngoài còn góp phần bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam ở nước ngoài, các trường hợp là nạn nhân của tội phạm mua bán người.

Trong thời gian tới, dự báo tình hình mua bán người tiếp tục diễn biến phức tạp và có xu hướng ngày càng gia tăng, do vậy các yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến tội phạm này cũng sẽ ngày càng nhiều. Để nâng cao hiệu quả giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự nói chung và tội phạm liên quan đến mua bán người nói riêng, cần tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự

trong đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên để nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác này. Trong đó, quán triệt và thực hiện tốt các quy định về tương trợ tư pháp hình sự trong Luật tương trợ tư pháp năm 2007, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài; các điều ước quốc tế đa phương có điều khoản tương trợ tư pháp về hình sự, đặc biệt là Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000. Đây đều là các điều ước quốc tế đa phương có thể viện dẫn để lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đối với tội mua bán người để đề nghị nước ngoài thực hiện.

Hai là, tăng cường công tác phối hợp liên ngành, đặc biệt tăng tính chủ động và kịp thời trong công tác phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, giữa hai cơ quan này với Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc lập, gửi yêu cầu tương trợ cho nước ngoài; giữa Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp hình sự của Việt Nam và nước ngoài nhằm bảo đảm hiệu quả quá trình liên hệ, đôn đốc thực hiện, có kết quả tương trợ.

Ba là, tiếp tục nâng cao chất lượng lập hồ sơ yêu cầu gửi nước ngoài đề nghị thực hiện. Đối với yêu cầu tương trợ đề nghị cung cấp thông tin lý lịch và tiền án, tiền sự của bị can, bị cáo, cần trình bày rõ lý

do, mục đích của nội dung tương trợ này để nước được yêu cầu có cơ sở thực hiện. Đối với các yêu cầu gửi Trung Quốc, các thông tin trong văn bản yêu cầu phải đầy đủ, chính xác và được dịch sang tiếng Trung giản thể, đặc biệt là thông tin về tên và địa chỉ của cá nhân, tổ chức liên quan đến việc thực hiện tương trợ; cần gửi theo văn bản yêu cầu các tài liệu bằng tiếng Trung thể hiện danh tính của cá nhân, tổ chức đó để tạo điều kiện cho các cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc thực hiện tương trợ.

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước về tương trợ tư pháp. Trước mắt, cần tập trung nghiên cứu xây dựng Luật tương trợ tư pháp về hình sự tách khỏi Luật tương trợ tư pháp năm 2007; xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn các đạo luật có liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự, trong đó có Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Phần hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự); từ đó góp phần hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam.

Năm là, tiếp tục kiện toàn bộ máy làm công tác tương trợ tư pháp; thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ cho cán bộ làm công tác tương trợ tư pháp; tăng cường các điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất nhằm phục vụ tốt hơn cho hoạt động tương trợ tư pháp.

Sáu là, tăng cường đàm phán, ký kết và thực hiện có hiệu quả các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, các điều ước quốc tế đa phương, các thỏa thuận quốc tế về phòng, chống mua bán người; đồng thời tích cực tham gia các các diễn đàn hợp tác quốc tế song phương, đa phương, hợp tác với các cơ quan Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế. Thông qua việc hợp tác này sẽ giúp tiếp cận và chia sẻ thông tin về công tác phòng, chống mua bán người trên thế giới, đồng thời tranh thủ nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật tiến bộ của các nước.

Với tình hình tội phạm có xu hướng xuyên biên giới, xuyên quốc gia như hiện nay, việc hoàn thiện Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với các nước khác là một yêu cầu khách quan. Đây là cơ sở pháp lý trực tiếp, đầy đủ, quan trọng để các cơ quan thực thi pháp luật hai nước, phối hợp điều tra, thu thập chứng cứ, tiến hành các hoạt động tố tụng nhằm giải quyết toàn diện các vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mỗi nước. ■

N.T.S-N.T.T

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2015), Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Quốc hội (2015), Bộ luật Hình sự.
3. Quốc hội (2007), Luật Tương trợ tư pháp.

VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG ĐẤU TRANH, PHẢN BÁC NHỮNG QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

□ VI THỊ TIỆP *

Thời gian qua, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị không ngừng ra sức chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta dày công xây dựng, nhằm thực hiện mưu đồ “chuyển hóa” về nhận thức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân ta. Một trong những nội dung mà các thế lực này xuyên tạc, suy diễn, bôi nhọ nhiều nhất là những vấn đề liên quan đến xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Có thể nói, đấu tranh bảo vệ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một nội dung quan trọng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Trong giai đoạn cách mạng mới, sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; thực hiện tốt chức năng đối nội và đối ngoại, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Trong suốt 78 năm

xây dựng, phát triển và trưởng thành, lực lượng Công an nhân dân luôn nhận thức sâu sắc, đầy đủ về vai trò lãnh đạo của Đảng, luôn được Đảng, Nhà nước tin cậy giao đảm nhiệm những trọng trách và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình trong công tác bảo vệ Đảng. Cách mạng Tháng Tám thành công, trước tình thế đất nước “ngàn cân treo sợi tóc” và nguy cơ “thù trong, giặc ngoài” lực lượng Công an nhân dân đã mưu trí, dũng cảm, kịp thời phát hiện, trấn áp, bóc gỡ nhiều tổ chức, đảng phái phản động, để lại nhiều bài học quý báu về bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ. Trong thời kỳ hòa bình, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, với tinh thần “Chỉ biết còn Đảng thì còn mình”, lực lượng Công an nhân dân đã tích cực, chủ động tham gia xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng của Đảng và dân tộc.

Lực lượng Công an nhân dân luôn thấm nhuần quan điểm, tư tưởng về Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta nhận thức và vận dụng từ rất sớm. Thông qua vai trò lãnh đạo, Đảng xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề Nhà nước và pháp luật giữ một vị trí đặc biệt quan trọng và có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp xây dựng, củng cố một nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân. Ngay sau khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời (tháng 8/1945), Đảng ta đã khẳng định, nhiệm vụ lịch sử của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là “bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ”. Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực đang diễn biến phức tạp, nhanh chóng. Các thế lực thù địch, phản động và số cơ hội chính trị luôn tìm mọi cách tiến hành các hoạt động chống phá sự lãnh đạo của Đảng, kích động chia rẽ nội bộ và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hòng thực hiện âm mưu

* Lớp B1B-VB2TMK4, Học viện CSND

phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng... Hơn bao giờ hết, bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ có ý nghĩa cơ bản, lâu dài, đồng thời là yêu cầu cấp bách, có ý nghĩa “sống còn” với vận mệnh quốc gia, dân tộc hiện nay. Đó là trách nhiệm của toàn Đảng, của cả hệ thống chính trị và toàn dân. Trong đó lực lượng Công an nhân dân có vai trò hết sức quan trọng, Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được xác định là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của lực lượng Công an nhân dân trong trận tuyến bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Sau hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong nhiều lĩnh vực. Lực lượng Công an nhân dân Việt Nam do Đảng ta xây dựng, giáo dục và rèn luyện, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng. Do vậy, nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là nền tảng tư tưởng của lực lượng Công an nhân dân. Từ đây đòi hỏi lực lượng Công an nhân dân phải luôn kiên định, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, tích cực tham gia nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” trên các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phê phán những luận điệu

tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà chủ tập trung vào một số lĩnh vực sau đây:

Một là, xuyên tạc, phủ nhận bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng các luận điệu xuyên tạc, suy diễn, bôi nhọ, hòng phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng ta, phủ nhận thành tựu thực tiễn về các giá trị lý luận, quan điểm, đường lối của Đảng, kích động nhằm thúc đẩy “tự diễn biến, “tự chuyển hóa” sang tư tưởng “nhân quyền tư sản”, đưa ra nhiều luận điệu sai trái nhằm phê phán, bác bỏ, phủ nhận vai trò, tính chất pháp quyền của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cho rằng Nhà nước pháp quyền là giá trị của các nước tư bản, việc Việt Nam đặt lại vấn đề xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Đặc biệt, đòi dân sự hóa hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, nhằm thúc đẩy phát triển tối đa cái gọi là xã hội dân sự theo kiểu phương Tây. Họ móc nối và tìm cách mua chuộc bằng tiền, hiện vật có giá trị để làm thay đổi tư tưởng, dẫn đến “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một số cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược và cơ quan trọng yếu nhằm thay đổi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo hướng phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa và quá trình đổi mới đất nước nói chung.

Hai là, lợi dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền đã không ngừng bôi nhọ, bóp méo, xuyên tạc việc thực hiện dân chủ ở nước ta. Họ cho rằng “Việt Nam không có dân chủ”, “không có pháp quyền” bởi chế độ một đảng cầm quyền. Từ đó kích động tư tưởng hoài nghi về nền dân chủ Việt Nam...

Trong Cương lĩnh của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước Việt Nam, thể hiện rõ quan điểm “mọi quyền lực thuộc về Nhân dân”, “Nhân dân lao động là người chủ đất nước”... Nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, một nền dân chủ hướng về đông đảo quần chúng nhân dân, rất khác biệt so với nền dân chủ tư bản chủ nghĩa, vốn cơ bản chỉ hướng đến bảo vệ lợi ích cho giai cấp tư sản, vốn chỉ chiếm thiểu số trong xã hội. Những thành tựu về phát huy dân chủ của Việt Nam hiện nay được chính Nhân dân, những người trực tiếp thụ hưởng các giá trị dân chủ, thừa nhận. Từ lý luận, thực tiễn cho thấy, dân chủ không quyết định bởi một đảng hay nhiều đảng mà tùy thuộc vào bản chất của đảng cầm quyền đại diện cho lợi ích của ai, hướng đến mục đích gì. Việc tồn tại một đảng hay nhiều đảng còn phụ thuộc vào tương quan lực lượng chính trị, bối cảnh lịch sử, truyền thống văn hóa, chính trị của mỗi quốc gia dân tộc. Thực tế cho thấy, không phải cứ “đa đảng đối lập, đa nguyên chính trị” là tự do, dân chủ, bình đẳng. Cần khẳng định rằng, “đa



nguyên, đa đảng” cũng có những yếu tố tích cực của nó, song thực chất “đa nguyên, đa đảng” không hề đồng nhất với “dân chủ thật sự”. Bởi lẽ “dân chủ” là một giá trị xã hội, được hình thành và bảo đảm bởi nhiều yếu tố, điều kiện khác nhau. Trong bất kỳ xã hội nào, dù “nhất nguyên” hay “đa nguyên”, “một đảng lãnh đạo” hay “đa đảng đối lập”, nhưng chỉ khi đảng cầm quyền và nhà nước thực sự quan tâm đến thể chế bảo đảm quyền lực thực tế của Nhân dân, chăm lo cho nhân dân, tôn trọng Nhân dân... thì xã hội đó mới có “dân chủ thật sự”.

Ba là, các thế lực thù địch ra sức tuyên truyền cho rằng “tam quyền phân lập” và “xã hội dân sự” chính là “phương thuốc vạn năng” để kiểm soát quyền lực và ngăn ngừa tham nhũng, nhưng thực chất âm mưu phía sau của luận điệu này nhằm phá hoại thể chế chính trị của ta, phá hoại nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, tiến tới phá hoại vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Điểm tào nên tính ưu việt của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các nước tư bản trên thế giới là pháp luật phục vụ Nhân dân, để thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân; mục tiêu phát triển đất nước là để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Như vậy, cơ chế phân công và kiểm soát quyền



lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay đã khẳng định được tính hợp lý, tính khoa học đúng đắn của nó. Vấn đề cốt lõi giai đoạn hiện nay không phải là lựa chọn làm theo mô hình nào mà là chúng ta phải thực hiện mô hình mà chúng ta đã dày công, tâm huyết lựa chọn, xây dựng đó như thế nào để xứng đáng với kỳ vọng của Nhân dân. Việt Nam không kỳ thị, không ngăn cản người dân tham gia thành lập hội, tham gia các tổ chức nhưng tất cả các hội, nhóm, đoàn thể đều phải tuân thủ nghiêm các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Cái mà Việt Nam không thừa nhận và ngăn chặn là cái “xã hội dân sự” đã bị “bóp méo”, “làm biến tướng” nhằm làm tiền đề sản sinh ra các hội, nhóm chống đối Đảng, Nhà nước.

Bốn là, kích động vấn đề dân tộc thiểu số và xuyên tạc, vu cáo Đảng, Nhà nước Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền trên lĩnh vực tôn giáo, chỉ trích các văn bản, chính

sách, pháp luật về tôn giáo và lợi dụng các vụ việc và việc Nhà nước xử lý các đối tượng, vụ việc phức tạp liên quan tới tôn giáo để xuyên tạc, vu cáo. Chúng phê phán, xuyên tạc Nhà nước Việt Nam ngăn cản tự do ngôn luận, tự do bày tỏ chính kiến, tự do hội họp. Chỉ trích chính quyền “trì hoãn” việc ban hành Luật Biểu tình để tiếp tục dung túng bạo lực, đàn áp, bắt giam những nhà hoạt động nhân quyền.

Trong từng giai đoạn cách mạng, lực lượng Công an nhân dân không ngừng được xây dựng vững mạnh toàn diện về mọi mặt cả chính trị, tư tưởng, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được Đảng, nhà nước và nhân dân giao phó, xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của đất nước. Hình ảnh lực lượng Công an nhân dân xung kích dũng cảm trên các trận tuyến, lĩnh vực trong đấu tranh với các loại tội phạm đã góp phần kiềm chế gia tăng tội phạm,

triệt xóa nhiều băng, nhóm tội phạm nguy hiểm, tăng tỉ lệ điều tra, khám phá tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự tại các địa bàn, tuyến trọng điểm. Với mục tiêu cơ bản là trong bất cứ tình huống nào phải bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường hòa bình, ổn định, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của đất nước, không để bị động, bất ngờ.

Lực lượng Công an nhân dân Việt Nam là lực lượng chuyên trách, nòng cốt trong bảo vệ an ninh quốc gia, đấu tranh chống địch phá hoại tư tưởng. Lực lượng Công an nhân dân có vai trò đặc biệt quan trọng trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nói chung, các luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thời gian tới cần nhận thức đúng đắn và tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả một số công tác trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, toàn lực lượng Công an nhân dân tiếp tục nhận thức sâu sắc, đầy đủ về vị trí, vai trò và sự lãnh đạo của Đảng đối với cả hệ thống chính trị, đối với toàn xã hội. “Ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam, có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng

của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”.

Thứ hai, lực lượng Công an nhân dân cần phải chủ động nắm chắc tình hình có liên quan đến hoạt động chống phá trên mặt trận tư tưởng, lý luận của Đảng của các thế lực thù địch, từ đó có cơ sở đề xuất, kiến nghị với Đảng, Nhà nước đề ra các chủ trương, chính sách đúng đắn, sát với thực tiễn, hạn chế các sơ hở, thiếu sót không để các thế lực thù địch chống phá ta, đồng thời mới có thông tin để nghiên cứu, phán đoán, dự báo khả năng, tình huống có thể xảy ra. Từ đó, chủ động có kế hoạch chỉ đạo các hoạt động phòng, chống có hiệu quả. Để nắm chắc tình hình, lực lượng Công an nhân dân cần triển khai đồng bộ, đa dạng, linh hoạt các biện pháp, công tác trong nắm tình hình, kịp thời phát hiện âm mưu, hoạt động chống phá ta trên mặt trận tư tưởng, lý luận, đối tượng và các luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để chủ động, kịp thời trong đấu tranh phản bác.

Thứ ba, lực lượng Công an nhân dân tích cực, chủ động tham gia xây dựng, bảo vệ việc triển khai thực hiện các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh. Phát huy vai trò xung kích, tích cực tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, phản động chống phá Đảng, coi đây là nội

dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ vai trò và sự lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, lực lượng Công an nhân dân thực hiện tốt chức năng tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, giải pháp đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, phản động. Tập trung bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, chủ động phòng ngừa, giữ vững bên trong; tăng cường phối hợp nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý theo quy định các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, hành vi tiêu cực, tham nhũng, vi phạm các quy định của Đảng và Nhà nước, vi phạm pháp luật trong nội bộ. Chủ động phát hiện, đề xuất xử lý các đối tượng chống đối, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị, số cầm đầu, cốt cán các hội, nhóm trái pháp luật. Đồng thời chủ động phối hợp với các ban, bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả các mặt công tác bảo vệ Đảng, tập trung: bảo vệ nền tảng tư tưởng, quan điểm, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ nội bộ, hệ thống tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; bảo vệ, giữ vững cơ chế, thể chế xác lập vai trò và sự lãnh đạo của Đảng; chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn,

vô hiệu hóa những nguy cơ đe dọa và hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ. Trong đó, đặc biệt chú trọng bảo vệ công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng để Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, đóng góp tích cực trong việc nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức đảng.

Thực tế đòi hỏi công tác đấu tranh tư tưởng cần có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với xu thế phát triển nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả ngăn chặn, đẩy lùi những suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức... trong đó vai trò của lực lượng Công an nhân dân cần phải được đặt lên hàng đầu. Với vai trò là thanh bảo kiếm “bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội”, mỗi cán bộ chiến sĩ lực lượng Công an nhân dân cần phát huy tinh thần trách nhiệm, trước hết là làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo đơn vị chỉ đạo tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 18/8/2014 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình hiện nay”, Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” và các văn bản chỉ đạo của Bộ Công an, lực lượng Công an nhân dân chủ động, tích cực nghiên cứu, học tập lý luận cũng như nắm

rõ các quy định của pháp luật trên các lĩnh vực, nhất là nhận diện làm rõ các luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay. Trong công tác, nhiệm vụ chuyên môn, phải quyết liệt, tập trung thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và chiêu trò của các phần tử bất mãn, chống đối chính trị. Chủ động, sáng tạo, nhạy bén trong việc nắm, dự báo sát, đúng tình hình trong nước, khu vực và thế giới có tác động trực tiếp tới Việt Nam để kịp thời tham mưu, chỉ đạo triển khai các biện pháp đấu tranh, bóc gỡ, đồng thời cung cấp thông tin cho báo chí để thông tin đến quần chúng nhân dân.

Quán triệt Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị, những năm qua, lãnh đạo Bộ Công an đã tập trung chỉ đạo xây dựng lực lượng, chỉ đạo đồng bộ, thống nhất các đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng và đấu tranh phản bác các thông tin xấu độc, quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã chỉ rõ mục tiêu xây dựng lực lượng Công an nhân dân đến năm 2030 đạt được tổng thể 4 nội dung “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, trong đó nội dung “hiện đại” được quan

tâm nhấn mạnh và xác định lộ trình cụ thể về thời gian để tập trung đầu tư. Trong thời bình, nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc của lực lượng Công an nhân dân lại càng thêm nặng nề, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sỹ Công an nhân dân hôm nay phải luôn ghi nhớ những lời của Bác Hồ, đó là: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng. Phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người đầy tớ trung thành của nhân dân” và phải không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trau dồi đạo đức cách mạng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và “Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân” để luôn xứng đáng là một chiến sĩ Công an nhân dân “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ”. 78 năm qua, dưới sự lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, lực lượng an Công an nhân dân đã không ngừng trưởng thành về mọi mặt, đánh thắng các thế lực tình báo gián điệp, phản động và các loại tội phạm khác, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ■

V.T.T

LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG CHỦ ĐỘNG PHÒNG NGỪA, ĐẤU TRANH VỚI TỘI PHẠM MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TUYẾN BIÊN GIỚI

□ ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI *

Hiện nay, tình hình tội phạm ma túy đang diễn biến hết sức phức tạp và có dấu hiệu gia tăng trên các tuyến biên giới. Đó là hoạt động vận chuyển ma túy từ Lào vào Việt Nam qua địa bàn các tỉnh biên giới Tây Bắc, Bắc miền Trung, Tây Nguyên; từ Campuchia qua khu vực biên giới các tỉnh Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp về thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh nội địa. Đáng chú ý là hoạt động của các đường dây vận chuyển heroin, ma túy tổng hợp qua một số cửa khẩu đường bộ tuyến biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia vào Việt Nam gia tăng, nhiều vụ với số lượng rất lớn. Cùng với diễn biến phức tạp của tội phạm ma túy trên tuyến biên giới đất liền, hoạt động của tội phạm ma túy trên tuyến biển cũng đang có nhiều diễn biến phức tạp. Do tác động của tình hình tội phạm ma túy ở quốc tế, khu vực và trong nước; sự đa dạng và thuận lợi của loại hình vận tải biển cùng với “miếng bánh” khổng lồ thu được từ việc buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, các tổ chức tội phạm ma túy quốc tế sử dụng tàu

thuyền di chuyển đến vùng biển quốc tế trên biển Đông, giáp ranh vùng biển Việt Nam để tiến hành mua bán, giao nhận ma túy hoặc thả các bao cất giấu ma túy có gắn định vị để xác định vị trí, địa điểm giao nhận hàng.

Dự báo thời gian tới, tình hình tội phạm trong khu vực vẫn diễn biến hết sức phức tạp, do Việt Nam có tuyến biên giới gần khu vực Tam giác vàng, một trong những trung tâm sản xuất ma túy lớn, vì vậy, các đường dây, tổ chức tội phạm xuyên quốc gia luôn tìm cách trung chuyển ma túy vào nước ta và chuyển đi nước thứ ba tiêu thụ. Trong khi đó, tình hình tội phạm, tệ nạn ma túy ở trong nước có chiều hướng gia tăng trên các tuyến biên giới: Tây Bắc, Đông Bắc, miền trung - Tây Tây Nguyên và trên biển. Trong 5 năm qua, việc triển khai Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị diễn ra trong bối cảnh tình hình ma túy trên thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, gia tăng mạnh cả về nguồn cung và cầu. Đối với tình hình tội phạm ma túy trong nước, do Việt Nam nằm gần khu vực Tam giác vàng, cùng với vị trí thuận lợi về giao thông quốc tế

nên chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tội phạm ma túy trên thế giới. Về nội địa, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật về ma túy diễn biến phức tạp, nhất là một số tỉnh, thành lớn và các tỉnh, thành biên giới. Bên cạnh đó, tình hình tệ nạn ma túy cũng diễn biến phức tạp. Số người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy vẫn còn ở mức cao. Tính đến năm 2024, toàn quốc có gần 300 ngàn người sử dụng, người nghiện ma túy và người bị quản lý sau cai. Ngoài ra, còn có hơn 65 ngàn người nghiện ma túy đang ở ngoài cộng đồng.

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 36-CT/TW, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã tổ chức hội nghị trực tuyến toàn quốc để triển khai chỉ thị này. Các cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc Trung ương và địa phương đã ban hành các chỉ thị nghị quyết, chương trình hành động và kế hoạch cụ thể để chỉ đạo triển khai chỉ thị. Về công tác đấu tranh với tội phạm ma túy, trong 5 năm qua, lực lượng Công an cả nước đã phát hiện, đấu tranh, bắt giữ hơn 124 ngàn vụ, hơn 188 ngàn đối tượng tội phạm về ma túy, thu giữ hơn 3 tấn heroin, hơn 15 tấn và hơn 14 triệu viên ma túy tổng hợp...

* Học viện CSND



Tội phạm ma túy mang tính quốc tế cao, hoạt động xuyên quốc gia, liên kết chặt chẽ hình thành các đường dây rộng lớn và luôn có sự chuyển hướng, thích nghi hoạt động để phù hợp tính chất, đặc điểm từng tuyến, từng địa bàn, triệt để đối phó với hoạt động nghiệp vụ và sự truy quét của các cơ quan chức năng. Từ đó, tạo áp lực rất lớn trong công tác phòng chống ma túy lên các tuyến biên giới Việt Nam. Do ở gần khu vực Tam giác vàng, nguồn cung dồi dào, giá thành ngày càng rẻ (1kg ma túy đá có giá khoảng 400 USD, tương đương 10 triệu đồng Việt Nam), trong khi nhu cầu tiêu thụ trong nước và khu vực ngày càng tăng. Đáng chú ý, hoạt động của các đường dây vận chuyển heroin, ma túy tổng hợp qua một số cửa khẩu đường bộ tuyến biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia vào Việt Nam gia tăng, nhiều vụ với số lượng rất lớn. Các đường dây, tổ chức tội phạm quốc tế có thể sử dụng tàu, thuyền di chuyển đến vùng biển quốc tế trên biển Đông khu vực giáp ranh vùng biển Việt Nam để tiến hành mua bán, giao nhận ma túy, hoặc thả các bao cát giấu ma túy có gắn định vị, sau đó thông báo cho các đối tượng nhận ma túy theo định vị; khi bị lực lượng chức năng kiểm tra, chúng sẽ thả trôi trên biển để tẩu tán. Qua công tác nghiệp vụ nắm tình hình, đến nay chưa có cơ sở khẳng định các đường dây tội phạm ma túy vận chuyển số ma túy nêu trên vào Việt Nam để tiêu thụ.



Đề chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với tội phạm mua bán, vận chuyển ma túy qua biên giới cửa khẩu cần tăng cường triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, kịp thời phát hiện, xác lập chuyên án đấu tranh với các tổ chức, đường dây ma túy lớn, xuyên quốc gia; tập trung đánh đúng, đánh trúng đối tượng chủ mưu, cầm đầu. Chủ động phát hiện, ngăn chặn tội phạm từ sớm, từ xa từ ngoài biên giới. Tăng cường phối hợp hiệp đồng với các lực lượng chức năng trong và ngoài nước để phòng ngừa đấu tranh với tội phạm nói chung, tội phạm ma túy nói riêng; chú trọng triển khai thực hiện các quy chế phối hợp, biên bản thỏa thuận hợp tác với các nước một cách thực chất, hiệu quả. Một trong những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm về ma túy là làm tốt vai trò tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giúp Nhân dân phát triển kinh tế, văn

hóa, xã hội; từng bước xóa bỏ nguyên nhân và điều kiện nảy sinh tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nhất là, ở những xã, bản phức tạp về tội phạm, từng bước tạo “phòng tuyến”, “lá chắn thép” vững chắc trong phòng chống tội phạm ở khu vực biên giới; đồng thời, xây dựng lực lượng chuyên trách đủ mạnh để phát huy vai trò chủ trì bảo đảm an ninh trật tự ở khu vực biên giới, góp phần giảm đến mức thấp nhất lượng ma túy thâm lậu vào Việt Nam.

Tội phạm ma túy đã làm ảnh hưởng lớn đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm bức xúc trong Nhân dân. Ma túy đã gây ra biết bao nỗi khổ cho gia đình, cho xã hội, ảnh hưởng đến kinh tế, chính trị, xã hội, đến hạnh phúc, giống nòi, là nguyên nhân chính dẫn đến tội phạm hình sự, đồng thời là nguyên nhân chính dẫn đến lây nhiễm HIV. Thủ đoạn hoạt động của tội phạm ma túy ngày càng tinh vi với tổ chức chặt chẽ, vận chuyển với

số lượng lớn, có địa bàn TPMT hoạt động công khai, trắng trợn, trang bị vũ khí chống trả quyết liệt lại lực lượng chức năng như tại một số huyện của Sơn La, Điện Biên, Nghệ An... Nguồn ma túy vào Việt Nam chủ yếu là hêrôin từ Lào, ma túy tổng hợp từ Trung Quốc, Lào và Campuchia. Những năm gần đây ma túy tổng hợp (ma túy đá) không ngừng gia tăng từ nước ngoài vào Việt Nam đã làm bao nhiêu gia đình tan nát, nhiều trường hợp “ngáo đá” hoang tưởng không làm chủ được hành vi đã giết hại người thân, gây hại cho gia đình và xã hội. Trước tình hình ma túy phức tạp, những năm qua Đảng, Chính phủ đã có nhiều Chỉ thị, nghị quyết, chương trình mục tiêu quốc gia về công tác phòng chống ma túy nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn ma túy nhưng tình hình tội phạm ma túy còn rất phức tạp.

Đứng trước những thử thách của cuộc chiến đấu phòng, chống ma túy lực lượng Công an nhân dân với vai trò chủ công, nòng cốt trên mặt trận phòng chống ma túy đã chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội triển khai có hiệu quả nhiều chương trình hành động, nhiều biện pháp công tác để phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm ma túy trên các tuyến biên giới. Trong đó, công tác tuyên truyền phòng chống ma túy và tội phạm ma túy có vị trí đặc biệt quan trọng, bởi công tác tuyên truyền, giáo dục ngày càng

đóng vai trò quan trọng trong xã hội hiện đại. Ngoài việc cung cấp thông tin, kiến thức cần thiết phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và đời sống của người dân một cách thiết thực và hiệu quả. Để nâng cao nhận thức người dân, công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy phải được tiến hành đồng bộ, có hiệu quả từ trung ương đến cơ sở, tập trung chủ yếu vào những đối tượng có nguy cơ về nghiện ma túy, có điều kiện khả năng phạm tội về ma túy; thường xuyên đổi mới hình thức, nội dung và biện pháp tuyên truyền, giáo dục; triển khai đồng loạt các phương tiện truyền thông, nhất là các phương tiện thông tin đại chúng. Lực lượng làm công tác tuyên truyền thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn và trách nhiệm cá nhân. Tệ nạn ma túy có đặc điểm là: vừa tiềm ẩn lại vừa biến động; phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm thường xuyên thay đổi, tinh vi và xảo quyệt hơn, triệt để lợi dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật trong hoạt động phạm tội; ngày càng có nhiều loại ma túy mới được tội phạm đưa ra thị trường tiêu thụ trái phép, trong khi nhận thức xã hội chưa kịp. Vì vậy, việc thường xuyên tuyên truyền, phổ biến cho quần chúng nhân dân, đặc biệt là nhân dân trên địa bàn các xã vùng sâu, vùng xa, các xã biên giới hiểu biết về tác hại của việc sử dụng ma túy và các thủ đoạn hoạt động của tội phạm ma túy để tham gia phòng, chống là hết sức cần thiết. Bên cạnh đó công

tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy còn tồn tại hạn chế. Công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy tại địa bàn dân cư trọng điểm phức tạp, các đối tượng có hành vi nguy cơ cao về tệ nạn ma túy vẫn còn nhiều bất cập, chưa được thường xuyên, làm có thời vụ: chưa thật sự xuống tới cơ sở, các hình thức, biện pháp chưa tiếp cận đầy đủ các đối tượng cần được tuyên truyền, giáo dục. Tài liệu tuyên truyền giáo dục còn thiếu, nội dung và biện pháp tuyên truyền, giáo dục chưa sáng tạo, khô cứng, thiếu sức thu hút; chưa tạo ra động lực mạnh mẽ để thay đổi nhận thức, từ đó tác động tích cực đến hành vi của mỗi người. Nên dẫn đến một bộ phận nhân dân lao động do thiếu hiểu biết hoặc vì mưu sinh bị đối tượng phạm tội ma túy mua chuộc lôi kéo, khống chế, sa vào con đường vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy cho bọn tội phạm mà không biết mình đang đồng lõa với bọn tội phạm gây tội ác với đồng bào, con em mình.

Để làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm ma túy trên địa bàn các tuyến biên giới, lực lượng Công an nhất là Công an cấp cơ sở tại các tuyến biên giới phức tạp về ma túy với vai trò chủ công nòng cốt phải chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xây dựng kế hoạch đề xuất thành lập Ban chỉ đạo, dự trù phân bổ kinh phí tổ chức thực hiện, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể để tổ chức

thực hiện hàng năm phải tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, đề xuất thi đua khen thưởng. Tích cực gọi hỏi, răn đe, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm ma túy góp phần làm trong sạch địa bàn khu dân cư.

Đồng thời xác định chú trọng công tác tuyên truyền làm sao cho phù hợp với văn hóa vùng miền, đúng đối tượng; người tuyên truyền phải là người có trình độ, uy tín với Nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, dòng họ, nhà trường và xã hội để quản lý con em, tuyên truyền, vận động Nhân dân tại các xã vùng cao, biên giới tham gia tố giác tội phạm, địa phương nào giữa gia đình, nhà trường, xã hội quản lý tốt thì ở đó tình hình tội phạm ít phức tạp. Về nội dung tuyên truyền cần chú ý tuyên truyền giáo dục sâu rộng về tác hại của ma túy, những vấn đề cơ bản nhất về pháp luật phòng chống ma túy để nhân dân hiểu biết và phòng chống kịp thời, có hiệu quả về Bộ luật hình sự phải tập trung vào chương XVIII hoặc chương XX, Bộ luật hình sự năm 2015, phần các tội phạm về ma túy. Về luật xử lý vi phạm hành chính, nghị định 221 của Chính phủ về đưa người nghiện ma túy tại các trung tâm chữa bệnh, cai nghiện... Cần coi trọng tuyên truyền tác hại của ma túy, thủ đoạn của tội phạm ma túy; đưa các vụ án ma túy xét xử lưu động để mọi người dân biết chủ động phòng ngừa. Biểu dương khích lệ, nhân rộng những nhân tố tích cực điển hình trong

phòng ngừa, đấu tranh, trong phong trào xây dựng và phát triển mô hình cơ quan, trường học, xã, bản, họ tộc... không có ma túy. Sớm nghiên cứu đưa ra các nội dung giáo dục phòng, chống ma túy vào giảng dạy thường xuyên trong trường học mà cốt lõi là làm cho học sinh, sinh viên thấy được tác hại của ma túy, cách phòng, chống ma túy và những quy định của pháp luật xử lý các hành vi liên quan đến ma túy, nhất là tội phạm ma túy. Đối với đồng bào dân tộc do trình độ hạn chế nên việc tuyên truyền phải ngắn gọn, dễ hiểu, dịch ra tiếng dân tộc. Hình thức tuyên truyền bằng các hình ảnh, truyền thanh, truyền hình, đài báo, tập trung tuyên truyền vào những người có độ tuổi từ 13 đến 40 tuổi. Thực tế hiện nay tuyên truyền cho những đối tượng này rất khó khăn vì họ không tham gia đoàn thể, không theo dõi phương tiện thông tin đại chúng nên việc tuyên truyền phải giao cho gia đình, người thân vận động tuyên truyền về phòng chống ma túy. Các vùng trọng điểm trồng cây thuốc phiện, cây cần sa; các xã biên giới nơi có đường giao thông, đường mòn, cửa khẩu qua lại biên giới mà bọn tội phạm ma túy dễ lợi dụng để buôn bán và lôi kéo người dân tộc, người không hiểu biết pháp luật tham gia vận chuyển ma túy thuê cho chúng.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy trên các tuyến biên giới, theo chúng tôi cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tập trung điều tra cơ bản nắm thật chắc tình hình, phân tích, đánh giá, dự báo cho được tình hình tội phạm ma túy trong nước, trong khu vực và trên thế giới; đặc biệt chú ý vào các khu vực biên giới, cửa khẩu, các khu công nghiệp, khu chế xuất, các liên doanh có sử dụng nhiều loại tiền chất.

Hai là, đổi mới tư duy nghiệp vụ, điều chỉnh phương thức hoạt động, phương pháp công tác, đổi mới chủ trương, đổi sách cho phù hợp với tình hình mới. Theo đó cần nhận thức rõ: phòng chống tội phạm ma túy trong xu thế hội nhập sẽ không thể áp dụng các biện pháp kiểm tra cấm đoán như trước đây; phòng chống tội phạm về ma túy phải phục vụ có hiệu quả cho hội nhập và phát triển; phải có cách ứng xử linh hoạt cả về nhận thức, tổ chức hoạt động và có đổi sách với mục tiêu cao nhất phục vụ cho nền kinh tế phát triển, rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước trên thế giới và trong khu vực, ngăn chặn không cho tội phạm về ma túy lợi dụng hoạt động.

Ba là, đổi mới, nâng cao chất lượng các mặt công tác nghiệp vụ cho phù hợp với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới; đổi mới trong việc xác định đối tượng đấu tranh để áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để quản lý, kiểm tra, giám sát phân công, phân cấp cho phù hợp với biên chế tổ chức. Cần phân biệt rõ ranh giới giữa đối tác và đối tượng không để sót lọt, nhưng cũng không làm cản

trở, ảnh hưởng đến tiến trình hội nhập. Việc thực hiện Luật Cư trú, quy định miễn thị thực nhập cảnh cho người Việt Nam ở nước ngoài khi vào Việt Nam không thể áp dụng biện pháp cấm nhập, cấm xuất như trước đây để ngăn cản mà phải áp dụng các biện pháp quản lý để chú ý kiểm tra khi xuất, nhập cảnh. Đổi mới trong các phương pháp chiến thuật, nghiệp vụ bắt giữ. Đổi mới nhận thức trong việc phối hợp điều tra các vụ án, chuyên án ma túy lớn có liên quan với cảnh sát chống ma túy các nước trong khu vực và trên thế giới.

Bốn là, nâng cao hiệu quả công tác phát hiện điều tra, xử lý các loại tội phạm ma túy và kiểm soát tiền chất. Tăng cường quan hệ phối hợp liên ngành Công an - Hải quan - Biên phòng - Cảnh sát biển trên 3 tuyến biên giới và khu vực trọng điểm để kiểm soát và ngăn chặn, bắt giữ ma túy ở các cửa khẩu, biên giới, bến cảng, sân bay và trên biển. Tập trung lực lượng đấu tranh chống tội phạm ma túy ở các cụm địa bàn trọng điểm; thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công bóc gỡ các đường dây, triệt xóa các tụ điểm sử dụng, tổ chức sử dụng và buôn bán lẻ ma túy. Không để hình thành các cơ sở sản xuất điều chế ma túy dưới bất cứ hình thức nào, kể cả ở khu vực biên giới Việt nam với các nước láng giềng.

Năm là, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong phòng chống ma túy. Tăng cường kiểm soát tiền chất, tổ chức

nghiên cứu, tổng kết công tác quản lý tiền chất ma túy nhằm kiến nghị bổ sung, sửa đổi những quy định có liên quan đến công tác xuất nhập khẩu, tồn trữ và quản lý tiền chất ma túy; xây dựng quy chế phối hợp hoặc thông tư liên tịch giữa Bộ Công an với Bộ Y tế, Bộ Công nghiệp, Bộ Tài chính trong việc phối hợp quản lý và kiểm soát các loại tiền chất. Tăng cường quản lý nhà nước trong công tác cai nghiện ma túy, công tác thay đổi cây trồng ở vùng còn tái trồng cây có chất ma túy; quản lý nhà nước trong công tác xuất nhập cảnh, tập trung kiểm tra đối tượng nghi vấn khi xuất, nhập cảnh và cư trú bất hợp pháp của người nước ngoài mua bán, vận chuyển ma túy; tăng cường công tác quản lý nhà nước trong các dịch vụ kinh doanh nhạy cảm mà đối tượng ma túy thường lợi dụng.

Năm là, tăng cường công tác hợp tác quốc tế về phòng chống ma túy. Tiếp tục phát triển quan hệ với lực lượng phòng chống ma túy các nước có chung đường biên giới, các nước tiểu vùng sông Mê Kông, đa dạng hóa công tác phòng chống ma túy với các nước, các tổ chức Interpol, Aseanpol... nhất là những nước là bạn bè truyền thống, các nước có kinh nghiệm trong công tác phòng chống ma túy.

Sáu là, tăng cường lực lượng, triển khai các mặt công tác nghiệp vụ cơ bản, nắm tuyến, nắm địa bàn, xác định được các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy, các cung đường chính đối

tượng thường xuyên lợi dụng vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy để có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh phù hợp. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm ma túy để tập trung triệt xóa triệt để các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn, xuyên quốc gia; triệt phá các tụ điểm ma túy phức tạp ở nội và ngoại biên; bắt giữ bằng được các đối tượng chủ mưu cầm đầu. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào công tác đấu tranh với tội phạm ma túy trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Bên cạnh đó cần tăng cường quan hệ phối hợp với lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy của Bộ đội Biên phòng, Hải quan... trong công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm ma túy. Làm tốt công tác hợp tác quốc tế với lực lượng phòng, chống ma túy các nước láng giềng; với lực lượng Công an, Biên phòng các tỉnh giáp biên thông qua việc việc trao đổi thông tin, thành lập các chuyên án chung với mục tiêu đấu tranh, ngăn chặn ma túy từ xa.

Trận chiến với tệ nạn và tội phạm ma túy chưa bao giờ hết cam go, thử thách, với quyết tâm cao của lực lượng Công an cùng sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và sự đồng lòng của Nhân dân, công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn các tuyến biên giới luôn được thực hiện quyết liệt, hiệu quả góp phần giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ cuộc sống bình yên của Nhân dân.■

N.T.P.M

QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VỀ MA TÚY VỚI LỰC LƯỢNG KHÁC TRONG ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NHẪM PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY LỢI DỤNG DỊCH VỤ LOGISTICS NỘI ĐỊA

□ ThS. LÊ VĂN ĐỨC *

□ ThS. ĐẶNG TỔ LY **

Tóm tắt: Nội dung bài viết tập trung phân tích thực trạng quan hệ phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy với lực lượng khác trong ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phòng ngừa tội phạm vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy lợi dụng dịch vụ logistics nội địa. Từ đó nhóm tác giả chỉ ra một số hạn chế, nguyên nhân và đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hoạt động quan hệ phối hợp trên.

Từ khoá: Khoa học công nghệ/ phòng ngừa tội phạm/ vận chuyển, mua bán/ ma túy/ logistics nội địa/ Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy

Những chuyển biến nhanh chóng trong tình hình tội phạm xuyên quốc gia, đặc biệt là tội phạm ma túy đã và đang đặt ra thách thức ngày càng lớn đối với an ninh toàn cầu. Các tổ chức tội phạm về ma túy không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động, đẩy mạnh sản xuất, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy (VC, MB TPCMT) với quy mô ngày càng lớn và tinh vi. Theo Báo cáo do Cơ quan Liên hợp quốc về ma túy và tội phạm (UNODC) công bố tháng 12/2023, số người sử dụng ma túy trên thế giới đã tăng từ 240 triệu người vào năm 2013 lên tới 296 triệu người vào năm 2023, tương đương khoảng 5,8% dân số toàn cầu⁽¹⁾. Tại Việt Nam, tội phạm và tệ nạn ma túy vẫn đang diễn biến phức tạp, là nguyên nhân sâu xa

gây ra nhiều hệ lụy xã hội, tác động tiêu cực đến trật tự, an toàn cộng đồng và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, khoa học và công nghệ (KHCN) ngày càng chứng tỏ vai trò then chốt trong công tác phòng, chống tội phạm, đặc biệt đối với tội phạm nguy hiểm và biết ứng dụng KHCN vào hoạt động phạm tội như VC, MB TPCMT thông qua việc lợi dụng dịch vụ logistics nội địa. Những tiến bộ vượt bậc trong công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data), hệ thống định vị GPS, giám sát hành trình và camera thông minh... đã mở ra nhiều cơ hội để nâng cao hiệu quả giám sát, nhận diện và cảnh báo sớm các hành vi phạm tội. Đây là công cụ hỗ trợ đắc lực

giúp các cơ quan chức năng chủ động hơn trong việc phát hiện và xử lý các thủ đoạn tinh vi, ẩn danh và nguy hiểm của tội phạm VC, MB TPCMT.

Với chức năng nòng cốt trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (CSĐTTPMT) giữ vai trò trung tâm trong việc triển khai các biện pháp nghiệp vụ, cũng như phối hợp với các lực lượng liên quan để kiểm soát, phát hiện và ngăn chặn tội phạm ma túy trên các tuyến, địa bàn trọng điểm. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc ứng dụng KHCN vào công tác phòng ngừa tội phạm VC, MB TPCMT lợi dụng dịch vụ logistics của lực lượng CSĐTTPMT hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế. Đặc biệt, lực lượng CSĐTTPMT vẫn chưa thiết lập được cơ chế phối hợp

*** Học viện CSND

chặt chẽ với các đơn vị quản lý nhà nước như Bộ Công thương, Sở Công thương hay các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics nhằm xây dựng một hệ thống phần mềm chuyên biệt phục vụ quản lý, giám sát và cảnh báo rủi ro trong lĩnh vực logistics nội địa. Theo báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), chỉ có khoảng 50 - 60% doanh nghiệp logistics đang ứng dụng các loại hình công nghệ khác nhau, tùy theo quy mô và tính chất dịch vụ của từng doanh nghiệp. Đặc biệt, các ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản như hệ thống quản lý giao, nhận chỉ đạt 41,9%, theo dõi và truy xuất đạt 38,5%, hệ thống quản lý vận tải đạt 37,6%, trong khi các ứng dụng tiên tiến như logistics thông minh và logistics xanh chỉ đạt lần lượt 6,1% và 5,4%⁽²⁾. Việc thiếu vắng một hệ thống công nghệ đồng bộ và hiệu quả khiến cho các hoạt động kiểm soát chủ yếu vẫn dựa vào phương pháp thủ công, truyền thống, không đáp ứng được yêu cầu trong bối cảnh số lượng giao dịch logistics nội địa ngày càng lớn và phức tạp. Nguyên nhân của thực trạng này xuất phát từ nhiều yếu tố, trong đó nổi bật là:

Thứ nhất: Thiếu định hướng chiến lược giữa lực lượng CSĐTTPMT với lực lượng khác về ứng dụng KHCN trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm ma túy nói chung, phòng, chống tội phạm VC, MB TPCMT nói riêng.

Thứ hai: Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng công nghệ còn hạn chế; khả năng tiếp cận và vận hành các công nghệ mới của lực lượng chức năng còn chưa đồng đều.

Thứ ba: Sự phối hợp liên ngành giữa lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này chưa được thiết lập bài bản, thiếu nền tảng chia sẻ dữ liệu và thông tin theo thời gian thực. Những khoảng trống này đã và đang tạo điều kiện để các đối tượng tội phạm lợi dụng, sử dụng các tuyến vận chuyển hàng hóa chính thống làm phương thức che giấu hành vi phạm tội, gây khó khăn cho công tác kiểm soát và phòng ngừa.

Thứ tư: Phần lớn doanh nghiệp logistics nội địa tại Việt Nam có quy mô nhỏ và vừa, với 90% số doanh nghiệp có vốn dưới 10 tỷ đồng⁽²⁾, dẫn đến hạn chế về khả năng tài chính và đầu tư vào công nghệ trong đó có công nghệ phòng, chống tội phạm VC, MB TPCMT.

Việc nâng cao quan hệ phối hợp giữa lực lượng CSĐTTPMT với lực lượng khác trong ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phòng ngừa tội phạm vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy lợi dụng dịch vụ logistics nội địa là rất cần thiết. Để nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp trên, trong thời gian tới cần tập trung một số nội dung sau:

Một là: Sử dụng công nghệ định vị toàn cầu (GPS) và nhận diện tần số vô tuyến (RFID) trong việc theo dõi hành trình của hàng hóa, từ đó giúp lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này phát hiện, ngăn chặn các hoạt động nghi vấn liên quan đến VC, MB TPCMT trong quá trình sử dụng dịch vụ logistics nội địa. Công nghệ GPS

cho phép xác định vị trí chính xác của hàng hóa trong thời gian thực, giúp lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics dễ dàng giám sát lộ trình vận chuyển. Đồng thời, RFID cung cấp khả năng nhận diện, theo dõi hàng hóa một cách tự động, giảm thiểu rủi ro và sai sót trong quá trình quản lý. Sự kết hợp giữa hai công nghệ này không chỉ nâng cao hiệu quả kiểm soát mà còn tạo ra một hệ thống minh bạch, góp phần bảo đảm an ninh và an toàn cho chuỗi cung ứng.

Hai là: Lắp đặt camera giám sát tại các điểm giao nhận hàng hóa, đây là một biện pháp hiệu quả trong việc ghi lại hình ảnh và giúp phát hiện các hành vi nghi vấn liên quan đến VC, MB TPCMT. Hệ thống camera không chỉ cung cấp hình ảnh trực tiếp về hoạt động giao nhận, mà còn tạo ra một nguồn dữ liệu quan trọng cho việc phân tích và điều tra sau này. Việc ghi lại các hoạt động này giúp các cơ quan chức năng kịp thời nhận diện những hành vi nghi vấn, từ đó nâng cao khả năng phòng ngừa và xử lý tội phạm. Đồng thời, sự hiện diện của camera cũng có tác dụng răn đe, làm giảm khả năng thực hiện các hoạt động phạm pháp như VC, MB TPCMT trong khu vực, góp phần bảo đảm an ninh trong chuỗi cung ứng hàng hóa.

Ba là: Sử dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn trong việc nhận diện các mẫu hành vi bất thường khi vận chuyển hàng hóa, đây là một giải pháp tiên tiến giúp lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics phát hiện sớm các hoạt động VC, MB TPCMT. Công nghệ này cho phép xử lý và phân tích khối

lượng lớn dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, giúp xác định các xu hướng và mô hình hành vi có liên quan đến tội phạm về ma túy nói chung, tội phạm VC, MB TPCMT lợi dụng dịch vụ logistics nội địa nói riêng. Bằng cách phát hiện những bất thường trong các giao dịch hoặc lộ trình vận chuyển, lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics có thể kịp thời can thiệp và điều tra, ngăn chặn các hoạt động phi pháp trước khi các đối tượng hình thành đường dây, tổ chức tội phạm có tổ chức.

Bốn là: Sử dụng các thuật toán học máy để dự đoán các khu vực tập trung hoạt động logistics nội địa có nguy cơ cao về tội phạm VC, MB TPCMT dựa trên dữ liệu lịch sử, kết hợp với các thông tin có được qua hoạt động nghiệp vụ của lực lượng CSĐTTPMT. Các thuật toán này cần có khả năng phân tích và rút ra những mẫu hình từ dữ liệu quá khứ, thông tin từ hoạt động nghiệp vụ, từ đó xác định các yếu tố và điều kiện có thể dẫn đến các hoạt động phạm pháp về hành vi VC, MB TPCMT. Bằng cách xác định các khu vực có nguy cơ cao, lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics có thể tập trung nguồn lực và triển khai các biện pháp giám sát chặt chẽ hơn, góp phần ngăn chặn kịp thời các hành vi tội phạm.

Năm là: Phát triển các hệ thống thông tin để quản lý và theo dõi quy trình logistics nội địa trong vận chuyển hàng hóa, từ đó ngăn chặn việc lợi dụng logistics nội địa để VC, MB TPCMT. Những hệ thống này cho phép ghi nhận và theo dõi mọi hoạt động trong chuỗi cung ứng, từ khâu xuất phát đến điểm đến cuối cùng, giúp lực

lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics có thể giám sát chặt chẽ hơn. Tính minh bạch trong quy trình logistics nội địa không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hiện các hành vi nghi vấn mà còn xây dựng niềm tin cho các bên liên quan. Hơn nữa, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý logistics nội địa giúp tối ưu hóa quy trình vận chuyển, giảm thiểu rủi ro và sai sót, đồng thời tăng cường khả năng phát hiện, xử lý các hoạt động tội phạm về ma túy nói chung, tội phạm VC, MB TPCMT nói riêng.

Sáu là: Tạo ra ứng dụng cho lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics và doanh nghiệp logistics nhằm trao đổi thông tin nhanh chóng trong công tác phòng ngừa tội phạm VC, MB TPCMT lợi dụng dịch vụ logistics nội địa. Những ứng dụng này không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình giao tiếp giữa các bên liên quan mà còn cung cấp nền tảng để chia sẻ dữ liệu và thông tin mới về phương thức, thủ đoạn trong khâu liên lạc, móc nối thành lập các đường dây, tổ chức do lực lượng CSĐTTPMT cung cấp hoặc ngược lại về các hoạt động nghi vấn. Nhờ vào khả năng cập nhật và phản hồi nhanh chóng, lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics có thể kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi phạm pháp, từ đó giảm thiểu rủi ro cho toàn bộ chuỗi cung ứng.

Bảy là: Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích hình ảnh từ camera giám sát, đây là một phương pháp tiên tiến giúp nhận diện các hành vi bất thường hoặc các đối tượng nghi vấn lợi dụng dịch vụ logistics nội địa để VC, MB TPCMT. Công nghệ AI có

khả năng xử lý và phân tích khối lượng lớn dữ liệu hình ảnh một cách nhanh chóng và chính xác, từ đó phát hiện ra những mẫu hình và hành vi đáng ngờ mà lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics có thể bỏ sót. Nhờ vào khả năng học máy, hệ thống có thể cải thiện độ chính xác theo thời gian, giúp lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics kịp thời can thiệp, ngăn chặn và điều tra các hoạt động phạm pháp.

Tám là: Triển khai chatbot để tư vấn và hỗ trợ người dân trong việc báo cáo các doanh nghiệp logistics nội địa hay người dân có hành vi nghi vấn VC, MB TPCMT. Chatbot có khả năng cung cấp thông tin nhanh chóng và dễ dàng, giúp người dân hiểu rõ hơn về các hành vi khả nghi và cách thức báo cáo. Đồng thời, việc sử dụng chatbot cũng tạo ra một kênh giao tiếp thuận tiện, bảo mật và không tốn nhiều thời gian, khuyến khích người dân chủ động cung cấp thông tin. Thông qua việc thu thập dữ liệu từ các báo cáo, lực lượng CSĐTTPMT với các đơn vị quản lý logistics có thể phân tích và xác định các mối đe dọa tiềm ẩn, từ đó triển khai các biện pháp can thiệp kịp thời. ■

L.V.Đ-Đ.T.L

Tài liệu tham khảo:

1. Cơ quan Liên hợp quốc về ma túy và tội phạm - UNODC (2023), Báo cáo số người sử dụng ma túy trên toàn thế giới;
2. Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam - VLA (2024), Tình hình áp dụng công nghệ thông tin ở các doanh nghiệp thuộc VLA.

KINH NGHIỆM TỔ CHỨC DẠY GIỎI MÔN VÕ THUẬT TẠI HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

□ ThS. NGUYỄN MINH HUỆ *

Học viện Cảnh sát nhân dân là trung tâm đào tạo, nghiên cứu về giữ gìn TTATXH. Trong chương trình đào tạo, nội dung võ thuật là môn học thực hành thường xuyên, liên tục, chiếm thời lượng lớn trong quỹ thời gian đào tạo. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược của Bộ Công an nói chung và Học viện CSND nói riêng. Với thực tế tình hình tội phạm ngày càng gia tăng và có diễn biến phức tạp hiện nay thì yêu cầu các cán bộ chiến sĩ cần có năng lực tốt hơn về võ thuật, cùng với đó công tác giảng dạy môn võ thuật tại Học viện CAND cần được nâng cao hơn về chất lượng đáp ứng yêu cầu thực tế trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Với hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo môn võ thuật ngày càng được hoàn thiện, Khoa Cảnh sát Vũ trang, Học viện CSND đã

* Khoa Cảnh sát Vũ trang, Học viện CSND

tập trung xây dựng, biên soạn giáo án, giáo án điện tử theo nội dung giáo trình mới được biên soạn, sử dụng các phần mềm công nghệ thông tin vào công tác huấn luyện, với cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy được củng cố, xây dựng và trang bị như: cải tạo nhà thi đấu đa năng, trang bị mới nhiều các phương tiện, thiết bị dạy học... Nhờ đó, công tác giảng dạy võ thuật tại Học viện CSND đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Phần lớn học viên sau khi học tập các môn quân sự, võ thuật đã nắm được những kiến thức lý luận cơ bản về võ thuật; thực hành thành thạo các động tác kỹ thuật, chiến thuật võ thuật; thể lực, ý chí chiến đấu và bản lĩnh nghề nghiệp được nâng lên rõ rệt... Tuy nhiên, trên thực tế, công tác giảng dạy võ thuật tại Học viện CSND bộc lộ những tồn tại, hạn chế nhất định: Đội ngũ giáo viên còn thiếu về số lượng, chất lượng giảng dạy chưa thực sự cao và ổn định, cơ sở vật chất còn thiếu thốn. Các công trình khoa học nghiên cứu về giảng dạy và sử dụng võ thuật còn rất ít.

Đối với phong trào dạy giỏi môn võ thuật, trong những năm qua hoạt động này luôn được lãnh đạo và giáo viên Khoa Cảnh sát vũ trang quan tâm

thực hiện, nhờ đó đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Năm năm gần đây, Khoa đã tiến hành hơn 60 bài dạy giỏi cấp Khoa và Học viện. Phần lớn các bài dạy giỏi đều được chuẩn bị công phu về hồ sơ bài giảng, nội dung, phương pháp thuyết trình và kỹ năng thực hành động tác thị phạm... được Hội đồng chuyên môn đánh giá cao về chất lượng mỗi bài dạy giỏi. Đối với mỗi khóa học, Khoa thường tổ chức từ 01 đến 2 buổi hội thảo có sự tham gia nhiệt tình của học viên và giảng viên. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên tổ chức diễn tập, biểu diễn võ thuật để đón tiếp các đoàn đại biểu trong và ngoài nước đến thăm quan và làm việc tại Học viện. Tuy nhiên, để có thể tổ chức 1 buổi dạy giỏi thành công, 1 buổi hội thảo đạt chất lượng tốt và có thể phục vụ cho nhiều hoạt động khác như trình diễn, thi đấu là một vấn đề hết sức khó khăn. Với cương vị là giảng viên trực tiếp giảng dạy, huấn luyện từ năm 2015 đến nay, tôi xin trao đổi một số kinh nghiệm trong quá trình tổ chức giảng dạy, huấn luyện như sau:

Thứ nhất, về kế hoạch tổ chức dạy giỏi. Để làm tốt bất kỳ một công việc gì đòi hỏi phải có kế hoạch cụ thể, chi tiết. Muốn tổ chức một buổi dạy giỏi thành



công, kế hoạch được xây dựng bắt đầu từ thời điểm giảng viên lựa chọn bài giảng để phù hợp với khả năng và cả năng lực của học viên. Bên cạnh đó, giảng viên cần lên kế hoạch chi tiết về các nội dung giảng dạy, thực hành, chuẩn bị tốt về giáo án, phương tiện dạy học, cách thức tiếp cận đối với học viên để tạo không khí hứng thú và sôi nổi cho học viên trong quá trình học tập. Bất kỳ một nội dung nào trong phần dạy giỏi đều cần có kế hoạch chi tiết trình lãnh đạo để có sự quản lý, chỉ đạo, phối hợp đồng bộ, ăn ý trong công tác tổ chức dạy giỏi.

Thứ hai, đối với học viên.

Quá trình tập trung lớp học để tiến hành dạy giỏi cần có thời gian tập trung cao độ của cả giáo viên và học viên, vừa phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động học tập, rèn luyện trong trường nhưng cũng phải vừa đảm bảo sức khỏe tốt để tổ chức học tốt. Mỗi học viên cần có ý thức tổ chức kỷ luật, nỗ lực không ngừng để tiếp thu nội dung bài học, có những động tác đúng, dứt khoát và đẹp mắt. Nếu những vấn đề trên không được giải quyết từ khi mới bước vào tập sẽ gây cho học viên một trạng thái tâm lý ức chế lo lắng, không thể sắp xếp công việc cho hợp lý, tập luyện một cách cầm chừng, không quyết tâm hoàn thành các bài tập do giảng viên đề ra. Xác định rõ quan điểm việc tham gia tập luyện trong buổi dạy giỏi, học tốt, hội thao cùng đội tuyển vừa là vinh dự được lựa chọn, đại diện cho lớp học, khóa học nhưng cũng là trách



nhiệm với mỗi cá nhân học viên. Quá trình huấn luyện phải thường xuyên bám sát, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của học viên để khi có vấn đề xảy ra phải được giải quyết kịp thời, giảng viên vừa phải đảm bảo chuyên môn nhưng cũng phải là chỗ dựa tâm lý đáng tin cậy để học viên có thể chia sẻ. Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện, trao đổi thông tin theo cả hai hướng thầy và trò, chú ý và lắng nghe ý kiến của từng thành viên trong đội tuyển về quá trình tập luyện, những vướng mắc, khó khăn để từ đó giảng viên có những điều chỉnh cho phù hợp nhằm đưa chất lượng huấn luyện ngày càng cao.

Thứ ba, để tổ chức dạy giỏi môn võ thuật thành công phải có phương pháp phù hợp và mang tính khoa học cao. Giảng viên phải xây dựng cho mình một kế hoạch huấn luyện chi tiết tùy theo tính chất khác nhau của mỗi buổi dạy. Với đặc thù của môn học thực hành tham gia học tập, trình diễn là học viên lực lượng vũ trang, tập

trung tại trường nên việc giảng dạy không chỉ đơn thuần là đưa ra các bài tập cho học viên thực hiện mà phải tính toán được cụ thể bài tập đó dành cho đối tượng học viên nào, thực hiện ra sao để phát huy hiệu quả tích cực. Các bài tập được giảng viên đưa ra khi tổ chức dạy giỏi còn phải tùy vào từng giai đoạn, được thể hiện cụ thể trong kế hoạch huấn luyện, giai đoạn nào cần tích lũy thể lực, giai đoạn tích lũy kỹ, chiến thuật và giai đoạn tổ chức dạy giỏi, mỗi giai đoạn cần phải áp dụng các bài tập khác nhau cho phù hợp. Một điểm cần chú ý là học viên học tập tại trường có khoảng thời gian tập luyện rất ít, chỉ 1 giờ vào buổi sáng và 2 giờ vào buổi chiều, do đó việc tích lũy thể lực là rất hạn chế, giảng viên cần có các bài tập bổ trợ thể lực xen vào các buổi tập, đồng thời nhắc nhở học viên có chế độ ăn uống phù hợp để việc tập luyện phục vụ cho quá trình tổ chức dạy giỏi không bị phản tác dụng.

Thứ tư, kỹ năng tổ chức buổi dạy giỏi. Đây không chỉ là vấn

đề dành riêng cho giảng viên làm công tác giảng dạy tại Học viện CSND mà còn là vấn đề chung của tất cả các giảng viên trong quá trình tổ chức dạy giỏi. Có thể nói kỹ năng khi tổ chức dạy giỏi quyết định đến 40% khả năng thành công và hứng khởi cho buổi dạy. Đại đa số học viên Học viện CSND chỉ mới tập luyện võ thuật từ khi mới vào trường nên việc ngỡ ngàng khi học tập là điều không thể tránh khỏi, tâm lý lo lắng trước khi tham gia vào buổi học tốt sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thực hiện động tác cũng như tiếp thu bài học của giảng viên.

Do vậy, trong công tác huấn luyện, giảng viên cần có kỹ năng ổn định tâm lý của học viên, tạo cho học viên trạng thái sung mãn nhất là nhiệm vụ của giảng viên trực tiếp huấn luyện. Giảng viên phải là chỗ dựa vững chắc cho học viên khi bước vào buổi dạy giỏi, không đặt áp lực thành tích cho học viên, tâm lý thoải mái khi tham gia buổi dạy giỏi chính là tiền đề để học viên thực hiện tốt nhất những chỉ đạo của giảng viên.

Bên cạnh đó, “điểm rơi phong độ” cũng là một vấn đề mà giảng viên cần phải lưu ý. Vì là môn học thực hành, khác với lý luận với nội dung từng bài bóc tách nhau, việc tập luyện trong một thời gian dài sẽ khiến cho học viên có những lúc rơi vào trạng thái ức chế, cảm thấy mệt mỏi, nắm được quy luật đó, giảng viên phải biết cách hướng dẫn học viên của mình nghỉ ngơi, tập luyện nhẹ nhàng sao cho những ngày tổ

chức dạy giỏi phải là những ngày học viên ở trong trạng thái phong độ tốt nhất, sức khỏe tốt nhất, đó chính là chọn đúng “điểm rơi phong độ” của học viên khi tổ chức dạy giỏi.

Thứ năm, công tác lãnh chỉ đạo khi tổ chức dạy giỏi. Để tổ chức một buổi dạy giỏi thành công không chỉ phụ thuộc vào nỗ lực của giảng viên và học viên, nó còn có sự phối hợp chỉ đạo của các ban ngành chức năng cùng với chỉ huy trực tiếp tại đơn vị. Những kế hoạch và các buổi tổ chức hội thảo góp ý, xây dựng đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn thành phần tham gia dạy giỏi, phương pháp truyền tải, kỹ năng giáo dục để giảng viên có một buổi trình diễn tốt nhất đúng với khả năng và phong độ của mình. Thời gian tập trung để tổ chức dạy giỏi rất ngắn nhưng lại có quá trình chuẩn bị dài từ tập thể, cá nhân giảng viên và học viên. Chính vì vậy, công tác chỉ đạo, phát hiện và có kế hoạch tổ chức dạy giỏi là vấn đề hết sức quan trọng và cần thiết để tổ chức dạy giỏi thành công.

Thứ sáu, công tác hậu cần, khích lệ học viên đảm bảo. Trong thời gian huấn luyện, học viên cần được cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cần thiết để tập luyện có hiệu quả. Giảng viên phải đề xuất trực tiếp với các đơn vị có liên quan về chế độ dinh dưỡng của học viên. Trong thời gian tổ chức giảng dạy và thực hiện dạy giỏi, giảng viên phải bố trí nhân sự để phụ trách công tác hậu cần, y tế, chăm sóc cho học viên. Cần động viên và

nhắc nhở học viên có lịch trình và chế độ ăn uống cụ thể theo lịch tổ chức dạy giỏi mà giảng viên đã đăng ký để học viên luôn trong tư thế chủ động. Công tác hậu cần đảm bảo luôn góp phần không nhỏ trong thành tích tổ chức học tốt, dạy giỏi của giảng viên và học viên. Học viên tham gia tập luyện và có thành tích học tập cao, giảng viên cần có những hình thức ghi nhận và khích lệ tinh thần của học viên, thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị và giáo viên đứng lớp. Đó không chỉ là chế độ xứng đáng được nhận theo quy định mà quan trọng hơn là sự ghi nhận thành tích của chính người tổ chức và người thực hiện trong quá trình phối kết hợp thực hiện buổi dạy giỏi.

Trên đây là những kinh nghiệm trong quá trình huấn luyện và trực tiếp tổ chức dạy giỏi môn võ thuật tại Học viện CSND của tác giả. Thiết nghĩ, thành tích được ghi nhận của giảng viên có sự đóng góp và nỗ lực lớn không chỉ cá nhân mà còn của tập thể cán bộ lãnh đạo và học viên nhà trường. Ở bất kỳ lĩnh vực, bài giảng nào khi tổ chức dạy giỏi cũng mang lại niềm vinh dự và góp phần rạng danh cho cá nhân, cho đơn vị. Chính vì vậy, sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo và sự phối hợp, tạo điều kiện của các đơn vị nhà trường trong tất cả các khâu chuẩn bị, tập luyện và tham gia tổ chức dạy giỏi là tiền đề kiên quyết đầu tiên để các học viên và giảng viên tổ chức dạy giỏi đạt kết quả cao nhất. ■

N.M.H

NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG BUÔN LẬU, GIAN LẬN THƯƠNG MẠI VÀ HÀNG GIẢ KÉM CHẤT LƯỢNG

□ ThS. ĐÀM THỊ HỒNG VÂN *

Hiện nay, phương thức, thủ đoạn sản xuất, buôn bán hàng giả, nhái, kém chất lượng, hàng trôi nổi trên thị trường, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ ngày càng tinh vi khiến cơ quan chức năng gặp không ít khó khăn trong việc phát hiện và xử lý vi phạm. Sản xuất, buôn bán hàng giả là một tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 với mức phạt tù cao nhất là 15 năm tù.

Hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng có những biểu hiện như: đa dạng về mẫu mã, giá cả, phong phú về chủng loại; sự nguy hiểm thể hiện ở chỗ, bên cạnh việc gây thiệt hại về kinh tế, nó còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người tiêu dùng. Hầu hết các nhãn hàng có uy tín, có thương hiệu, được người tiêu dùng ưa chuộng đều có nguy cơ bị làm giả, làm nhái. Nguyên nhân của thực trạng trên xuất phát từ nhiều khía cạnh như: Pháp luật về hàng giả, hàng nhái chưa đầy đủ, còn chồng chéo, chưa thống nhất, khó khăn khi áp dụng, hiệu quả thi hành chưa cao; đội ngũ cán bộ thực hiện công tác quản lý về lĩnh vực hàng giả còn thiếu về số lượng, năng lực, trách nhiệm; nhiều doanh nghiệp chưa chủ động, thiếu quyết liệt, tích cực trong phòng, chống hàng giả; người

tiêu dùng còn thiếu thông tin, thiếu cảnh giác và còn tình trạng thích dùng hàng “hiệu” giá rẻ...

Cuộc đấu tranh đối với vấn nạn hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng là công việc không chỉ của riêng một tổ chức hay cá nhân mà phải là công việc của toàn xã hội, trong đó trước hết cần phải hoàn thiện các quy định của pháp luật, phối kết hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan thực thi pháp luật, nâng cao ý thức của tổ chức và cá nhân.

Về khái niệm hàng giả, hiện nay pháp luật chưa có quy định nào đưa ra một định nghĩa khái quát hàng giả là gì, tuy nhiên, chúng ta cũng có thể tìm hiểu khái niệm này thông qua một số quy định như sau:

Điều 608 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Cá nhân, pháp nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ mà gây thiệt hại cho người

tiêu dùng thì phải bồi thường”.

Khoản 1 Điều 34 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 quy định: “Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật do mình cung cấp gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng...”.

Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015), Điều 226 quy định về tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp có phần mô tả “người nào cố ý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam mà đối tượng là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý...”. Tại các điều 192, 193, 194, 195 của Bộ luật này tuy không mô tả cụ thể nhưng có sử dụng thuật ngữ “hàng giả”, chẳng hạn như “người nào sản xuất, buôn bán hàng giả...”.

* Học viện CSND

Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022) quy định: “Hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này bao gồm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, hàng hóa giả mạo chỉ dẫn địa lý, hàng hóa sao chép lậu”.

Điều 5 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ (Nghị định số 119/2017/NĐ-CP), theo đó có mô tả về vi phạm trong sản xuất, nhập khẩu, buôn bán và sử dụng chất chuẩn, chuẩn đo lường: “Sản xuất, nhập khẩu, buôn bán chất chuẩn, chuẩn đo lường không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường đã được tổ chức, cá nhân công bố hoặc cơ quan quản lý về đo lường có thẩm quyền quy định áp dụng”.

Khoản 7 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ (Nghị định số 98/2020/NĐ-CP) đã liệt kê, mô tả khá đầy đủ, chi tiết các yếu tố, dấu hiệu về hàng giả, theo đó hàng giả gồm:

(1) Hàng hóa có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hóa; hàng hóa

không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng so với giá trị sử dụng, công dụng đã công bố hoặc đăng ký;

(2) Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa;

(3) Thuốc giả theo quy định tại khoản 33 Điều 2 của Luật Dược năm 2016 và dược liệu giả theo quy định tại khoản 34 Điều 2 của Luật Dược năm 2016;

(4) Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật không có hoạt chất; không có đủ loại hoạt chất đã đăng ký; có hoạt chất khác với hoạt chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa; có ít nhất một trong các hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng;

(5) Hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa; giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa; (6) Tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả.

Như vậy, tựu trung lại, có thể phân định hàng giả thành hai loại, đó là hàng giả về hình thức và hàng giả về nội dung. Trong khoa học pháp lý không có quy định rõ ràng nào để phân biệt hai loại hàng giả nhưng qua tìm hiểu các nghiên cứu của chuyên gia và thực tiễn áp dụng pháp luật, có thể phân biệt như sau:

Một là, hàng giả về hình thức chủ yếu là hàng giả mạo sở hữu trí tuệ (giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý, sao chép lậu), hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Hành vi này chủ yếu nhằm mục đích lợi dụng uy tín của doanh nghiệp có thương hiệu để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nhưng không nhằm mục đích lừa gạt người tiêu dùng về chất lượng.

Hai là, hàng giả về nội dung là hàng giả về chất lượng, công dụng, đây là loại không có giá trị sử dụng hoặc có giá trị sử dụng không đúng với tiêu chuẩn đã công bố. Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm đồng thời nhằm mục đích lừa gạt người tiêu dùng về chất lượng. Chất lượng, giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa không được đảm bảo ngay từ khi sản xuất (bởi có những hàng hóa bị mất chất trong quá trình lưu thông thì có thể không thuộc loại hàng giả).

Việc phân biệt thế nào là hàng giả và hàng giả đó thuộc loại nào có ý nghĩa quan trọng bởi mức độ ảnh hưởng của mỗi loại là khác nhau nên cũng có chế tài áp dụng khác nhau. Tuy nhiên, qua các quy định nêu trên có thể thấy, pháp luật còn có sự chồng chéo, thiếu thống nhất

trong các quy định liên quan đến hàng giả. Ở đó, nhiều trường hợp rất khó phân định quy định đó có phải áp dụng cho hàng giả hay không (bởi không sử dụng từ “hàng giả” nhưng nội dung quy định lại có những dấu hiệu giống hàng giả); hay mặc dù quy định “hàng giả” nhưng quy định đó được hiểu là một loại hay cả hai loại hàng giả. Việc quy định thiếu thống nhất, gây khó khăn trong quá trình phân biệt, dễ dẫn đến việc lúng túng trong áp dụng pháp luật của cán bộ, cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài hàng giả, thực tế còn xuất hiện một loại với tên gọi “hàng nhái” và hiện nay chưa có quy định pháp luật nào đề cập đến “hàng nhái”. Tham khảo các nghiên cứu khoa học và từ thực tiễn thì có thể hiểu “hàng nhái” là sản phẩm đang lưu thông trên thị trường không phải là sản phẩm chính thống do nhà sản xuất hoặc nhà phân phối chính đưa ra thị trường.

Theo Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả” tại Điều 192 quy định các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả” như sau:

Về mặt chủ thể: chủ thể của tội sản xuất, buôn bán hàng giả là chủ thể thường, bất cứ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự; pháp nhân thương mại theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Về mặt khách thể: khách thể xâm hại của tội phạm này là hoạt

động quản lý thị trường của Nhà nước đối với việc sản xuất, kinh doanh, buôn bán các loại hàng hóa được phép sản xuất, kinh doanh, buôn bán, sử dụng trên thị trường, đồng thời là quyền và lợi ích hợp pháp của người sản xuất, kinh doanh hàng hóa và người tiêu dùng.

Về mặt chủ quan: người thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Chủ thể thực hiện tội phạm nhận thức rõ mặt hàng mà mình sản xuất, buôn bán là hàng giả nhưng vẫn cố tình và mong muốn thực hiện tội phạm vì mục đích trục lợi.

Về mặt khách quan: điều luật quy định hành vi khách quan của tội phạm này gồm 02 loại hành vi là sản xuất hàng giả và buôn bán hàng giả.

Về hành vi sản xuất hàng giả: là hành vi tạo ra các loại sản phẩm, hàng hóa giống hệt hoặc tương tự có khả năng làm cho người tiêu dùng nhầm lẫn với nhãn hiệu, hàng hóa của cơ sở sản xuất, buôn bán khác đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, hoặc đã được bảo hộ theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, bao gồm việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động chế tạo, chế bản, in, gia công, đặt hàng, sơ chế, chế biến, chiết xuất, tái chế, lắp ráp, pha trộn, san chia, sang chiết, nặn, đóng gói và hoạt động khác làm ra hàng giả. Buôn bán hàng giả là hành vi mua đi bán lại loại hàng hóa biết rõ là giả nhằm thu lợi bất chính. Hành vi này bao gồm việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động chào hàng, bày bán, lưu giữ, bảo quản, vận chuyển, bán buôn, bán lẻ, xuất

khẩu, nhập khẩu và hoạt động khác đưa hàng hóa vào lưu thông. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp sản xuất, buôn bán hàng giả đều bị truy tố về tội danh này. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có các tội danh riêng quy định hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực thực phẩm (Điều 193); hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194), hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi (Điều 195). Do đó, khoản 1 Điều 192 quy định loại từ đối với các hành vi thuộc phạm vi điều chỉnh của các điều luật trên. Việc thực hiện một hoặc cả hai hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả chỉ cấu thành tội sản xuất, buôn bán hàng giả khi thuộc một trong các trường hợp sau: (1) hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30 triệu đồng trở lên; (2) Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá dưới 30 triệu đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các Điều 188, 189, 190, 191, 193, 194, 195, 196 và 200 Bộ luật Hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Để xử lý tội phạm này thì cần xác định giá trị tương đương của hàng giả so với giá trị của hàng thật trên thị trường. Trường hợp khó xác định hàng thật thì so sánh với hàng hóa có cùng tính

năng kỹ thuật, công dụng để xác định giá trị.

Về hậu quả của hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả: gây ra là những thiệt hại vật chất và phi vật chất cho xã hội như: tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, những thiệt hại về tài sản cho xã hội và những thiệt hại khác về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu công nghiệp của các doanh nghiệp, gây thiệt hại đến lợi ích vật chất, uy tín của doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa bị người sản xuất, buôn bán hàng giả gây ra.

Một trong những nguyên nhân hàng giả vẫn “lộng hành” bởi chế tài xử phạt những hành vi này còn thiếu, chưa đủ mạnh, cũng có ý kiến cho rằng vấn đề là ở chỗ hiệu quả thực thi chế tài chưa cao. Dưới đây là một số quy định xử phạt và khó khăn khi áp dụng:

Thứ nhất, về xử phạt vi phạm hành chính: Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (từ Điều 9 đến Điều 12) quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sản xuất, hành vi buôn bán hàng giả về giá trị sử dụng, công dụng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 7 Điều 3; hành vi sản xuất, hành vi buôn bán hàng giả mạo nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 3. Trong đó, tùy thuộc vào từng trường hợp mà mức phạt có thể từ 1 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Đồng thời, nếu hành vi vi phạm được thực hiện đối với một số loại hàng đặc biệt thì mức phạt tiền có thể gấp hai lần. Bên cạnh đó, người có hành vi

vi phạm còn bị áp dụng các hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả. Đây là văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp, đầy đủ nhất để tạo cơ sở xử phạt vi phạm hành chính hàng giả, hàng nhái. Bên cạnh đó, việc sản xuất, buôn bán hàng giả thông qua các phương thức, hình thức nào đó, nhất là qua website thương mại điện tử, ứng dụng điện thoại di động thì có thể bị xử phạt về hành vi vi phạm kinh doanh qua ứng dụng, như: Phạt vi phạm về hành vi “cung cấp thông tin, kinh doanh hoặc buôn bán hàng giả, hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh trên môi trường internet” (điểm c khoản 3 Điều 63 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP); hành vi “lừa đảo khách hàng trên Website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động” (điểm a khoản 6 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP)...

Thứ hai, việc xác định tội danh đối với tội “Sản xuất buôn bán hàng giả” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: mục đích của người sản xuất, buôn bán hàng giả là nhằm mục đích thu lợi bất chính, động cơ, mục đích phạm tội này tương đồng với động cơ, mục đích phạm tội đối với nhiều loại tội phạm khác, đặc biệt là tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, người thực hiện hành vi phạm tội cũng đưa ra các thông tin giả mạo (không đúng sự thật) nhưng làm cho người khác tin là thật để chiếm đoạt tài sản của những người này. Tuy nhiên, khi xét xử cần lưu ý đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, người phạm

tội sử dụng hàng giả như một thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản, và về mặt chủ quan thì người bị hại trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được xác định trước, ý thức chủ quan của người thực hiện hành vi phạm tội là dùng hàng giả để lừa đảo những cá nhân xác định nhằm chiếm đoạt tài sản, còn người sản xuất hàng giả không hướng đến một đối tượng cụ thể, mà hướng đến việc tiêu thụ hàng hóa chung nhằm mục đích thu lợi. Việc xác định “Tội buôn bán hàng giả” và “Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”: Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp là hành vi chiếm đoạt, sử dụng bất hợp pháp sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi, xuất xứ hàng hóa hoặc các đối tượng sở hữu công nghiệp khác đang được bảo hộ tại Việt Nam. Hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp chính là đối tượng của các dạng hành vi trái phép trên. Sản phẩm bị coi là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp khi một chủ thể không phải chủ sở hữu, không phải là người có quyền sử dụng hợp pháp sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa... đang trong thời hạn bảo hộ mà thực hiện những hành vi xâm phạm như trên để sản xuất ra các sản phẩm, lưu thông, chào bán, quảng cáo nhằm để bán hàng hóa xâm phạm. Theo quy định của pháp luật hiện hành, giữa hàng giả và hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp có một bộ phận bị trùng nhau. Đó là trường hợp hàng giả về hình thức và hàng xâm phạm

quyền sở hữu công nghiệp đối với kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng chỉ dẫn thương mại như: nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý...

Thứ ba, việc xác định thời điểm hoàn thành tội phạm trong một số trường hợp cụ thể còn khó khăn. Đối với tội sản xuất hàng giả thì tội phạm hoàn thành ở thời điểm bị cáo thực hiện toàn bộ các công đoạn sản xuất hàng giả hay chỉ cần một trong số các giai đoạn đó.

Thứ tư, việc xử lý pháp nhân phạm tội còn gặp khó khăn: cũng giống như thể nhân, pháp nhân thương mại tham gia vào quan hệ pháp luật là chủ thể bình đẳng, độc lập với các chủ thể khác nên pháp nhân thương mại phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Mọi hoạt động của pháp nhân được tiến hành thông qua hành vi của những cá nhân - người đại diện hợp pháp của pháp nhân. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp, khi pháp nhân ra đời nhưng chưa có người đại diện, người đại diện chỉ được xác định sau khi pháp nhân tiến hành các thủ tục cần thiết mà pháp nhân này lại thực hiện hành vi sản xuất hàng giả, buôn bán hàng giả được quy định là tội phạm thì việc xử lý trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong trường hợp này gặp khó khăn.

Thứ năm, Bộ luật Hình sự năm 2015 lại không quy định cụ thể đối với đối tượng là “vật liệu xây dựng” là một trong những tình tiết định khung tăng nặng là không hợp lý. Bởi lẽ, tuy không trực tiếp ảnh hưởng đến sức

khỏe người tiêu dùng như lương thực, thực phẩm; không ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền sản xuất nông nghiệp như phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, giống cây trồng... nhưng vật liệu xây dựng giả khi đưa vào xây dựng các công trình đường sá, cầu cống, nhà cao tầng, đập thủy điện sẽ tiềm tàng nguy cơ thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng của con người, tài sản của người dân cũng như ngân sách nhà nước và chính sách phát triển cơ sở hạ tầng.

Thứ sáu, nhiều thuật ngữ, khái niệm trong tội “sản xuất, buôn bán hàng giả” còn chung chung, chưa được quy định cụ thể nên dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng trong thực tiễn như: “hàng giả tương đương với số lượng hàng thật”; “hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng”...

Qua những phân tích trên, tác giả đưa ra một số giải pháp bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp, người tiêu dùng trước vấn nạn hàng giả, hàng nhái cụ thể như sau:

Một là, thời gian tới, cần hoàn thiện quy định pháp luật tập trung một số nội dung sau: Xây dựng khái niệm về hàng giả một cách khái quát, thống nhất để tạo thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật, tránh gây nhầm lẫn; Hoàn thiện để sớm ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 98/2020/NĐ-CP; bổ sung vào dự thảo nội dung sửa đổi khoản 7 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP để tránh gây nhầm lẫn với trường hợp quy định tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP; Hướng dẫn

cụ thể, rõ ràng tạo thuận lợi cho việc truy cứu tội về sản xuất, buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ... theo các điều 192, 193, 194, 195 về các tội sản xuất, buôn bán hàng giả; Hướng dẫn cụ thể về thời điểm xác định hoàn thành tội sản xuất, buôn bán hàng giả.

Hai là, bổ sung hướng dẫn về khái niệm “hàng giả”. Có thể xây dựng khái niệm hàng giả như sau: “Hàng giả là tất cả các loại hàng hóa được sản xuất trái pháp luật dựa trên các hàng hóa đã có trên thị trường, có những đặc điểm, tính chất, kiểu dáng và các thông tin dấu hiệu của hàng thật nhưng không đủ tiêu chuẩn chất lượng quy định, gây nhầm lẫn với hàng hóa đang được bảo hộ nhằm mục đích lừa dối người tiêu dùng và thu lợi bất chính”. Hướng dẫn cụ thể đối với các thuật ngữ: “hàng giả tương đương với số lượng hàng thật”; “hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng”, “quy mô thương mại”...

Ba là, đề nghị thay đổi quy định giá trị hàng giả thấp hơn 30 triệu đồng theo hướng hạ thấp phù hợp với thực tế. Bởi theo quy định tại Điều 192 Bộ luật Hình sự 2015 về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả”, thì chỉ những hành vi kinh doanh hàng giả có giá trị tương đương hàng thật từ 30 triệu đồng trở lên hoặc dưới 30 triệu đồng nhưng phải gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý hành chính hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án thì mới bị xử lý hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn thì có nhiều trường hợp việc sản xuất, vận chuyển tiêu thụ hàng giả ở mức nhỏ lẻ, dưới 30 triệu đồng

nên khó để xử lý hình sự các hành vi này.

Bốn là, đối với doanh nghiệp, cần chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống hàng giả, hàng nhái, cụ thể như: đăng ký sở hữu trí tuệ đặc biệt là nhãn hiệu hàng hóa; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tiêu thụ sản phẩm trên thị trường để kịp thời phát hiện hành vi vi phạm và thông tin đến cơ quan chức năng; sử dụng các biện pháp như tem chống hàng giả, tem xác thực, tem truy xuất nguồn gốc...

Năm là, đối với người dân, cần nâng cao nhận thức về hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; nâng cao cảnh giác bằng việc kiểm tra tem, nhãn, mã vạch, truy xuất nguồn gốc; nói “không” với hàng giả, hàng

nhái; lựa chọn nơi, kênh mua sắm uy tín; thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan chức năng (đặc biệt là Ban chỉ đạo 389 chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả) khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm về hàng giả.

Sáu là, hướng dẫn cụ thể về phạm tội chưa đạt, thời điểm hoàn thành tội phạm đối với tội “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả”, cũng như các tội “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm”; “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh”; “Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi” quy định tại các Điều 192, 193, 194, 195 Bộ Luật Hình sự năm 2015.

Có thể nói, vấn nạn buôn lậu, hàng giả, hàng nhái gian lận thương mại làm thất thu ngân sách, làm suy yếu nền kinh tế, nảy sinh tệ nạn tham nhũng mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người, năng suất lao động, an ninh trật tự quốc gia và luôn đồng hành với tiêu cực, tham nhũng... Vì vậy, việc phòng, chống buôn lậu, hàng giả, hàng nhái và gian lận thương mại không chỉ ngày một ngày hai mà có tính chất lâu dài, không chỉ một quốc gia mà nhiều nước trên thế giới. Đối với Việt Nam đó chính là nhiệm vụ của toàn Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành từ Trung ương, địa phương và đến tận cơ sở và mỗi một người dân. ■

Đ.T.H.V







CÔNG TY TNHH ĐTXD BẢO HUY

UY TÍN VÀ KINH NGHIỆM TRÊN 28 NĂM

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NHƯ: CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, TRỤ SỞ, TRƯỜNG HỌC, CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP KHÁC...

Không chỉ xây từ bê tông cốt thép, cốt lõi mỗi công trình được chúng tôi xây bằng tâm huyết, uy tín và trí lực

ĐỊA CHỈ: 163, HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG 1, TP CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP

☎ : 02773.857.788

XÂY DỰNG BẢO HUY - ĐÁP XÂY BỀN VỮNG





